

BACH KHOA

trong số này

HOÀNG MINH TUYNH *Hiệp chúng quốc với chủ nghĩa trung lập* • NGUYỄN VĂN HẦU • *Nguyễn Thần Hiến* • VÕ QUANG YẾN *thêm một con người vũ trụ: John Gleen* • NGUYỄN HIẾN LÊ *hạng trẻ em anh tuấn* • T. Đ. G. *giới thiệu nước Hòa Lan* • CÔ LIÊU *tương lai sinh động học* • ĐOÀN THÊM *hòa âm số 3* • PHAN DUY NHÂN *rừng vàng* • HUY GIANG *sau phiên thánh đường* • HOÀI HƯƠNG *tình quê* • HOÀI KHANH *bình thuận; xa quê nghe gió nồm* • HỮU PHƯƠNG *biển sóng chiều nay* • TRẦN HƯƠNG TỬ *siêu việt thể của Jaspers* • PHẠM VĂN HẠNH — NGUYỄN THỊ VINH — TRỌNG LANG *trả lời cuộc phỏng vấn* • PHAN DU *qua cơn thử lửa* • SAO TRÊN RỪNG — TƯỜNG LINH *vương sầu; nói với ảnh* • NGUYỄN (dịch Gerd Gaiser) *trò chơi giết người* • TRĂNG THIÊN *đọc «Chị em Hải» của Nguyễn Đình Toàn* • NGUYỄN NGU Í *tùy bút và phụ nữ* •

125



Cái gì đáng sợ hơn rượu ?

ĐÓ LÀ . . . KHÁT, ĐƠN GIẢN THỂ THÔI

VÀ XIN TRÌNH BÀI Ý-KIỆN SAU ĐÂY
ĐỂ GIÚP QUÍ VỊ GIẢI-LAO TRONG KHI RƯỢU
WHISKY TRỞ NÊN KHAN VÀ ĐÁT

- NẾU NGÀI NHỨT QUYẾT KHÔNG DỪNG RƯỢU, NGÀI HÃY DỪNG THỪ **VERIGOUD** MỘT LOẠI SI-RÔ THƯỢNG FẠNG CHÈ BẰNG **NGUYÊN-CHẤT** CÁC LOẠI TRÁI CÂY NHƯ CAM, CHANH, BƯỚI HOẶC QUÍT.
- MỘT PHẦN **VERIGOUD** PHA VỚI 4 PHẦN NƯỚC, QUÍ NGÀI SẼ CÓ MỘT LY NƯỚC CAM TƯƠI HAY NƯỚC CHANH TƯƠI.
- NHƯNG NẾU QUÍ NGÀI CÔNG NHẬN RẰNG RƯỢU UÔNG VỚI SỰ CHỪNG MỰC SẼ GIÚP CHO THÂN-THỂ ĐƯỢC ĐIỀU-HOÀ THÌ XIN QUÍ NGÀY HÃY NỀM QUA CÁC THỨ **PADDY-SODA, RHUM-LIMONADE, ANISETTE** HAY **CURACAO** PHA NƯỚC ĐÁ.

TRONG MỌI TRƯỜNG-HỢP,
NẾU QUÍ NGÀI MUỐN CÓ MỘT
SẢN-PHẨM HẢO HẠNG, QUÍ NGÀI NÊN TÌM
MUA CÁC SẢN-PHẨM **DIC**, CHẾ-TẠO BỞI

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

VÀ CÓ ĐẠI BÁN TẠI CÁC HIỆU BUỐN DỪNG-DẪN.

BÁCH

KHOA trong số này

Số 125 ngày 15-3-62

HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Hiệp chúng quốc với chủ nghĩa trung lập</i>	3
NGUYỄN-VĂN-HẦU	<i>Nguyễn Thần Hiến với phong trào đông du</i>	9
VÕ-QUANG-YẾN	<i>thêm một người vũ trụ John Gleen</i>	17
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	<i>cần phải đặc biệt chú ý tới hạng trẻ anh tuấn</i>	23
T. Đ. G.	<i>giới thiệu nước Hòa Lan</i>	33
CÔ-LIÊU	<i>tương lai sinh động học</i>	41
ĐOÀN-THÊM — PHAN-DUY-NHÂN — HUY-GIANG — HOÀI-HƯƠNG — HOÀI-KHANH — HỮU-PHƯƠNG	<i>hòa âm số 3 — rừng vàng — sau phiên thánh đường — tình quê — bình thuận — biển sóng chiều nay (thơ)</i>	46-50
TRẦN-HƯƠNG-TỬ	<i>siêu việt thể của Jaspers</i>	51
PHẠM-VĂN-HẠNH — NGUYỄN-THỊ-VINH — TRỌNG-LANG	<i>trả lời cuộc phỏng vấn văn nghệ</i>	61
TƯỜNG-LINH	<i>nói với ảnh (thơ)</i>	70
PHAN-DU	<i>qua cơn thử lửa (truyện ngắn)</i>	73
SAO-TRÊN-RỪNG	<i>vương sầu (thơ)</i>	83
NGUYỄN	<i>(dịch Gerd Gaiser) trò chơi giết người</i>	84
TRÀNG-THIÊN	<i>đọc Chị em Hải của Nguyễn-Đình-Toàn</i>	90
GUIỄN-NGU-Í	<i>tùy bút và phụ nữ</i>	94

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Những nhận xét về thương số trí năng

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Siêu việt thê và Jaspers

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Nguồn lợi của Đại-dương

TRỊNH-THIÊN-TỬ

Mánh lới điều tra (2)

TRẦN-THÚC-LINH

Góp ý về cú pháp

ĐỖ HỒNG-VŨ

Đẹp là gì ?

ĐOÀN-THÊM

Bước đến nhân bản vô thần: Nietzsche
người sát thiên (Déicide)

NGUYỄN-ANH-LINH

Tòa khâm sứ

BỬU-KẾ

Máy cai trị

CÔ-LIÊU

Đỡ dẽ đêm

NGUYỄN-HỮU-PHIỄM

Kinh nghiệm đời văn (dịch Erskine
Caldwell)

PHONG-GIAO

Cái kiến (truyện ngắn)

NHẬT-TIẾN

Về đâu (truyện dài)

VÕ-PHIẾN

Ma giữa đại dương (truyện dịch)

ĐẶNG-TRẦN HUÂN

Người cha và người con (truyện ngắn)

MAI-THẢO

HIỆP CHÚNG QUỐC VỚI CHỦ NGHĨA TRUNG LẬP

HOÀNG-MINH-TUYNH

MỌI người đều biết, từ hơn một năm nay, chính sách Hiệp Chúng quốc đối với « thế giới đệ tam » có chiều như không được nhất trí, nhất là từ ngày đảng viên của đảng Dân chủ lên nắm chính quyền. Mềm dẻo ở Lào, cứng rắn ở Việt-Nam, vừa nhu thuận vừa quyết liệt ở Châu Mỹ la-tinh, cùng một ý-chí chống đối với cộng sản, mà ở mỗi nơi Hiệp Chúng quốc đề lộ ra một hình thái dị biệt, đôi khi như có vẻ như mâu thuẫn với chính mình.

Lại do nào đã khiến cho Hiệp Chúng quốc theo đuổi chủ trương lạ lùng trên ? chủ trương ấy phải chăng là chủ trương Monroe kiểu mới ? chủ trương ấy liệu có đem lại thành quả tốt đẹp như người Mỹ hiện đang mong muốn chăng ? Chúng tôi xin cố gắng tìm lời giải đáp qua tài liệu của một số báo chí ngoại quốc.

*
* *

« Chúng tôi ủng hộ nền độc lập của những quốc gia mới mẻ và yếu thế, mà lịch sử, vị trí địa lý và quân lực bắt buộc họ phải đứng ngoài các liên minh mật thiết, cũng như chúng ta đã từng giữ thái

độ đó trong một thời gian khá lâu dài. » Đó là lời tuyên bố của Tổng thống Kennedy hồi tháng giêng vừa qua, trong « thông điệp về hiện tình Liên bang ». Để mời gọi quốc dân hãy nên cùng ông coi là « bạn

hữu » những nước không chịu kết nhập một khối với mình, ông nhắc họ nhớ lại, cho tới hồi mới đây trong lịch sử, chính Hiệp Chúng quốc cũng đã theo một chính sách trung lập triệt để. Và Hiệp Chúng quốc khi ấy theo chính sách trung lập cũng vì những lý do mà một số các nước trung lập ngày nay thường viện dẫn ra để biện minh cho thái độ của mình. Đó là lịch sử, địa lý và quân lực yếu kém của họ so với các nước lớn mạnh.

Tuy nhiên thái độ phải chăng, biết điều của ông Kennedy lại vấp phải sức đối kháng của một vài giới chính khách Mỹ khác thường quên rằng, cho tới khi xảy ra trận Trân Châu cảng, Hiệp Chúng quốc vẫn khẳng khái nép mình sau những đạo luật trung lập thật khe khắt khi có việc phải đối phó với bên ngoài. Tổng thống Roosevelt trước đây đã phải vận dụng toàn lực một cách rất khôn ngoan mới xoay chuyển nội mớ đạo luật để Hiệp Chúng quốc chấp nhận viện trợ cho các nước dân chủ tây phương đấu tranh chống chủ nghĩa quốc-xã Đức. Và cuối cùng phải có cuộc xâm lược của người Nhật mới khiến nội công luận Hiệp Chúng Quốc nhận ra không thể nào giữ thế trung lập được nữa.

Trong cuộc đụng độ giữa Đông-Tây mà ai cũng biết là kẻ thắng, dù muốn dù không, sẽ đóng vai không hề hoàn cầu, người Mỹ càng cho rằng mỗi nước cần phải tỏ rõ lập trường dứt khoát của mình trước hai khối. Nhiều giới chính thức tại

Hoa Thịnh Đôn đưa ra một thứ chủ nghĩa « thiện ác nhị nguyên », trong đó Foster Dulles đóng vai trò chính yếu, và tuyên bố kẻ từ khước lựa chọn giữa Thiện và Ác là kẻ vô luân hoặc bất lương không đáng cho mình giao du với nữa. Bộ ngoại giao Mỹ bây giờ có khuynh hướng muốn chuyển lên bình diện chính trị câu Chúa Kitô từng phán dạy trong Phúc-Âm « *Kẻ nào không theo ta là chống ta...* » Đây là khuynh hướng muốn đưa sự tuyệt đối vào trong một lãnh vực tự bản chất vốn tương đối và phiền tạp vô cùng.

Chính sách mềm dẻo của Hiệp Chúng Quốc

Để đạt mục tiêu ấy, Hiệp Chúng Quốc đã dùng áp lực dưới nhiều hình thức để ép buộc một số nước kết hợp với Tây Minh bằng một liên minh quân sự, trong đó hình thức viện trợ kinh tế thủ vai trọng yếu nhất. Chính sách ấy tất nhiên gây ra nhiều di hận, hàm oán đối với Hiệp Chúng Quốc. Viện trợ kinh tế trở thành một khí giới chiến lược trong cuộc chiến tranh lạnh : viện trợ cung cấp không tùy thuộc nhu cầu thực tế của các nước hậu tiến, mà tùy thuộc lòng trung thành của họ đối với Tây Minh. Do đây, vì đi ra ngoài mục tiêu chính thức, hiệu năng của viện trợ kinh tế đã bị giảm rất nhiều. Chẳng những thế, viện trợ còn hóa thành đầu mồi cho nhiều nước tỏ cáo Mỹ có chủ trương đề quốc, muốn dùng kinh tế để không chế các nước tiểu

nhược. Chính ông Adlai Stevenson, hồi còn chính quyền cộng hòa, đã có lần lên tiếng tố cáo Hiệp Chúng Quốc dùng « xiềng xích vàng » để ràng buộc tự do của các nước đồng minh. Những thành quả tai hại gây ra bởi chính sách trên ai cũng thấy rõ, nên xin miễn bàn dài dòng ở đây: Chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh về tác dụng bất lợi đã khiến Mỹ đưa vào hàng ngũ đồng minh một số các nước không nhất thiết là dân chủ nhất và gác ra ngoài một số các nước khác để họ trở nên những miếng mồi ngon lành cho chủ nghĩa cộng sản. Có thể nói Hoa-Thịnh-Đồn đã phạm hai sai lầm nghiêm trọng: sai lầm thứ nhất: coi các liên minh quân sự là đáp ứng hay nhất đối với phe cộng sản và sai lầm thứ hai: tưởng rằng sự sợ hãi chế độ cộng sản có thể lôi kéo các nước ký kết liên minh quân sự với Tây Minh.

Đối với chính sách trên, Ông Kennedy như muốn đưa vào những đổi thay căn để. Thực ra, người ta đã thấy khuynh hướng ấy hiển hiện ra tại Bộ ngoại giao Mỹ từ sau ngày ông Foster Dulles qua đời. Song tập đoàn mới của đảng dân chủ như có ý muốn đưa cuộc chính lý sách lược ngoại giao của Mỹ đi xa hơn nhiều nữa.

Trong « thông điệp về hiện tình Liên - Bang », Ông Kennedy chấp nhận: « Quan điểm của chính phủ các quốc gia trẻ trung có thể khác với quan điểm chúng ta ». Và không những không tức giận, ông còn tỏ

ra rất thông cảm sự dị biệt ấy. Trước kia, ông từng đề cập tới vấn đề trên và chính cương của ông có thể đại quan thu tóm lại như sau:

— « Không bao giờ nên coi một nước nào đã thuộc hẳn vào phe cộng sản đến nỗi không còn phương cứu vãn (thông điệp về hiện tình Liên Bang), song không ai có thể đòi hỏi một trong số những nước này phải từ phe này bước qua phe kia. Để khuyến khích một nước rời bỏ khối cộng sản, chỉ cần làm sao cho nước ấy có khả năng và lực lượng trở thành một nước trung lập thực sự;

— Một nước trung lập không nhất thiết là một nước cứu địch với Tây Minh: Vì những lý do đặc thù hay vì quyền lợi riêng biệt, nước ấy có thể đem lời cho Liên Hiệp Quốc sự ủng hộ đối với khối này hay khối kia, tùy theo hoàn cảnh;

— Điều đáng kể hơn hết chính là làm sao bảo vệ được nền độc lập của các nước trung lập, vì đối với Tây Minh, một nước trung lập bao giờ cũng có lợi hơn một nước cộng sản.

— Chủ nghĩa trung lập không phải là một chủ nghĩa đồng nhất: có những nước trung lập ít nhiều thân Tây Minh và có những nước trung lập ít nhiều thân Xô-viết. Do đấy thái độ của Hiệp Chúng Quốc đối với các nước trung lập không thể cứng rắn. Sách lược ngoại giao có mềm dẻo thì mới

phân tích được tình hình phức tạp trong thế giới một cách thiết thực ».

Dùng áp lực để đưa một nước tới trung lập

Thực tế, Ông Kennedy đã áp dụng những nguyên tắc của sách lược ngoại giao trên khá sâu rộng. Mọi người đều thấy mới đây Hiệp Chúng Quốc ra lệnh ngưng viện trợ tài chính (bốn triệu mỹ kim hàng tháng) cho chính phủ thân Tây Minh của Hoàng thân Boun Oum để ép buộc ông này phải nhượng một số ghế bộ trưởng quan trọng cho các phần tử trung lập và cộng sản trong chính phủ Lào. Tỷ dụ trên đây là tỷ dụ rõ rệt nhất có thể dùng làm cứ điểm thẩm định mức tiến triển trong sách lược ngoại giao Hiệp Chúng Quốc, kể từ ngay tập đoàn dân chủ lên nắm chính quyền. Đây quả thực là một sự kiện chưa từng có, vì chưa bao giờ người ta thấy Hiệp Chúng Quốc dùng áp lực kinh tế để ép buộc một nước đứng vào hàng ngũ các nước trung lập.

Tuy nhiên, đó chỉ là một trường hợp hãn hữu, bất thường, bởi lẽ tại Lào, Hiệp Chúng Quốc đã bị đặt trước một tình thế quân sự và chính

trị quá bi đát. Hiệp Chúng Quốc có thể coi phương thức trung lập là phương thức ít nguy hại nhất : hy sinh để cứu vãn thời cuộc đúng lúc, nhằm ngăn cản đôi phương tiến thêm trong một cuộc giao tranh mà mình biết chắc là họ đã nắm được nhiều « lá bài ăn » quan trọng.

Hiệp Chúng Quốc chịu hy sinh như vậy chắc chắn là có ngụ ý muốn kẻ vạch một giới tuyến dứt khoát và nhấn cho đôi phương hiểu rằng mình không thể lùi được nữa. Hành động cương quyết bảo vệ miền Nam Việt-Nam hiện nay của người Mỹ biểu hiện thái độ ấy một cách khá rõ ràng.

Đối với các pháo đài chống cộng khác của Mỹ tại khu vực Á-Châu, cớ nhiên là không khi nào Mỹ chịu để cho cộng sản đi động tới. Đối với Hoa Thịnh Đốn, chấp nhận việc trung lập hóa Lào không có nghĩa là duyệt lại chính sách đối với Đài Loan và Đại Hàn. Chấp nhận trung lập là chuyện « cực chẳng đã », nên trong trí các nhà lãnh đạo Hiệp Chúng Quốc lúc này, sự chấp nhận ấy không thể coi là một chính sách tổng quát khả dĩ đem ra thi hành với bất luận nước nào trong « thế giới đệ

Không thể bứt một xứ ra khỏi lòng người.

Khi bàn về những người di cư nhập quốc tịch Mỹ, John Dos Passos, trong tập « *Thành tích một quốc gia* », bảo các nhà cầm quyền Mỹ mà ông cho là quá hà khắc:

— « Các ông có thể bứt người ra khỏi một xứ, nhưng chẳng bao giờ các ông có thể bứt một xứ ra khỏi lòng người ».

tam ». Sự chấp nhận ấy chỉ ứng dụng trước những việc đã rồi, nó không thể là yếu tố tích cực của một « sách lược chinh phục » nào khác.

Không thể có trung lập tại Châu Mỹ La tinh

Và chẳng sự thông cảm đối với chủ nghĩa trung lập chỉ là sự thông cảm dành riêng cho các nước Á-Châu, và lâm thời cho các nước Phi Châu. Trong cả một đại lục, sự thông cảm ấy bị cầm chỉ hẳn, đại lục ấy là Mỹ Châu la-tinh. Hoa Thịnh Đồn căn cứ vào các hiệp ước liên-mỹ hiện hành và đặc biệt vào minh ước Rio, vẫn tiếp tục coi Mỹ Châu la tinh là « khu vực săn bắn » dành riêng cho họ, và vẫn còn vững tin vào chủ thuyết Monroe.

Tuy nhiên, về phương diện này, có điều ta nên ghi nhận là hiện nay chủ thuyết Monroe đã được người Mỹ giải thích theo một nghĩa mới. Kẻ tìm thể xâm lược Mỹ Châu la tinh ở giữa thế kỷ XX không còn phải là những cường quốc thực dân Âu Châu nữa mà là chủ nghĩa cộng sản quốc tế, nên Hiệp Chúng Quốc tự coi mình có nhiệm vụ bảo vệ lục địa này chống lại các mưu xâm lược của người cộng sản. Để giúp đỡ công cuộc mở mang kinh tế cho Mỹ Châu la-tinh và giữ lời cam kết tại hội nghị liên mỹ Punta-del-Este (hai mươi tỷ mỹ kim trong mười năm), Hoa Thịnh Đồn đã kêu gọi Tây Âu và cả Nhật bản góp 50 %

phần hùn vào trong các công cuộc dự trù. Như vậy là chủ thuyết Monroe đã được Ông Kennedy hiệu đính và tu chỉnh để cho Mỹ Châu la-tinh không chỉ là khu vực săn bắn của Hiệp-Chúng-Quốc mà của cả Tây Phương. Song cũng có điều chẳng nên quên là nếu Âu-Châu và Nhật-Bản có được mới tới đóng một vai trò bình đẳng với Hiệp-Chúng-Quốc thì đó chỉ là vai trò cung cấp tư bản hay tín dụng và tuyệt nhiên không có dính dáng gì tới chính trị. Vì vậy nên mùa hè năm ngoái, các quan sát viên của Tây-Âu được triệu tập tới Hội nghị Punta-del-Este chỉ là để chấp thuận hiện chương kinh tế và xã hội ; các nhà quan sát ấy không được mời tham dự các buổi tranh luận về các biện pháp trừng phạt Cuba. Có người coi đó là một yếu tố bất quân bình nằm trong nền tảng của cuộc đoàn kết ; yếu tố ấy ngày kia sẽ trở thành nguồn gốc của những xung đột mới trong khối Tây Minh.

Có người khác còn cho là mặc dù dưới hình thức mới, chủ thuyết Monroe có chiều như không còn đủ sức đáp ứng lại được các nhu yếu hiện tại. Họ cho rằng chủ thuyết Monroe mới đã bãi bỏ đối phần tự nhiên của nó, nghĩa là bãi bỏ chính sách bất can thiệp vào khu vực ảnh hưởng của đối phương, trong khi lại đòi cầm chỉ đối phương can thiệp vào khu vực Mỹ-Châu la-tinh của mình. Cuba đối với đại lục Mỹ-Châu thế nào thì Đài-

HIỆP CHÚNG QUỐC VỚI CHỦ NGHĨA TRUNG LẬP

Loan đòi với khối Trung-Xô thế này. Hoa-Thịnh-Đồn sẽ nói sao, nếu Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh dồn hết nỗ lực tấn công vào chế độ của Thống Chê Tưởng-Giới-Thạch? Đó thực là điều khó giải đáp cho Hiệp-Chúng-Quốc.

Một số không ít các nước Mỹ Châu la-tinh xưa nay vốn không ưa gì chủ trương của cô tổng thống Mỹ Monroe. Họ đã quá hiểu chủ trương ấy, nên một mực từ chối, không chịu đi cùng đường với Hoa-Thịnh-Đồn trong việc trừng phạt Cuba và đề nghị cho nước này một phương thức ít nhiều giống với phương thức hiện đang được áp dụng tại Phấn-Lan. Họ

có lý hay không, chúng ta không có đủ thẩm quyền để xét đoán.

Dù sao, như mọi người đều biết, quan niệm trung lập hiện đang bành trướng tại Mỹ Châu la-tinh. Quan niệm ấy thể hiện ra bằng nguyện vọng của nhiều nước muốn thiết lập quan hệ ngoại giao và thương mại với nhiều nước cộng sản. Đã đành việc thiết lập quan hệ ngoại giao và thương mại này không có gì trái ngược với các hiệp định liên mỹ, song người ta vẫn có khuynh hướng coi đó là một cái cửa, một cái dốc đi xuống mà chưa biết tới mức nào người Mỹ mới ra tay chặn lại.

HOÀNG-MINH-TUYNH

ĐI MÁY BAY

ROYAL AIR LAO

QUÍ KHÁCH SẼ VỪA LÒNG :

MAU CHÓNG - ĐỦ TIỆN NGHI
TIẾP ĐÃI ÂN-CẦN

SAIGON - PAKSE - SAVANNAKHET - VIENTIANE

Thứ tư — Thứ Sáu và Chủ Nhật

XIN HỎI Ở : 65, LÊ THÁNH TÔN

ĐIỆN THOẠI : 24.178



Cù Nguyễn-Thần-Hiến

NGUYỄN - THẦN - HIẾN

MỘT LÃNH-TỤ TRỌNG-YẾU TRONG
PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU MIỀN-NAM

Nguyễn-Văn-Hầu

(xem tiếp B. K. số 124)

Ở Xiêm được ít lâu, cù Nguyễn trở sang Trung-Hoa để liên-lạc với các tổ-chức ngầm-ngấm do các đồng chí còn ở lại đó. Cù có làm quen với nhiều chính-khách Trung-Hoa và trong một dịp lên Hàng-Châu để gặp cù Nguyễn-Thượng-Hiến, cù đã tặng cô Thu-Cần (?) — nữ đảng-viên cách mạng Trung-Hoa — một bài thơ Nôm Đường luật :

Mưa Âu gió Mỹ tạt về Đông,
Lò tào Hàng-Châu đúc má hồng.

Hồ-hải bốn phương rầy tớ gái,

Cương-thường riêng gánh
chẳng cần chồng.
Thân hèn bao quản không
nhà ở,
Chi cả toan đến có nước
chung.
Son phấn như vậy đâu để
kém,
Tây-Hồ cây cỏ thấy thơm
nồng.

Trong khoảng này, cù có viết nhiều bài nghị-luận bằng Hán-văn đăng trên các báo Trung-Hoa, ký bằng bút-hiệu Chương-Chu, tiếc rằng những bài ấy nay chưa tìm ra được.

Năm 1912, tháng 5, trong một cuộc đại-hội của các lãnh-tự cách-mạng Việt-Nam tại Quảng-Đông để thành-lập chính-phủ lâm thời giải-phóng dân-tộc, cụ được giữ nhiệm-vụ Bộ-trưởng tài-chánh (1). Cụ còn được cụ Cường-Đề tin yêu, ủy-thác cho nhiều việc quan-trọng khác nữa. Cho nên tuy thân gởi nước ngoài, cụ Nguyễn-Thần-Hiến luôn luôn giữ được hệ-thống liên-lạc trong nước. Các nhà cách-mạng ở miền Nam, thứ nhất ở miệt Hậu-Giang, thường lui tới Hồng-Kông để tiếp xúc với cụ, tiếp tế tiền bạc và vận-động khí-giói. Trong những cuộc hội-thảo quan-trọng giữa các nhà lãnh-tự tối cao, các nhà cách-mạng Nam-Kỳ đều ủy cho cụ nhiệm-vụ đại-diện (2).

Khoảng tháng Giêng năm 1913, Nguyễn-Thần-Hiến hội-kiến với cụ Cường-Đề và yêu-cầu cụ Cường-Đề về Nam-Kỳ. Cụ trình-bày với cụ Cường-Đề biết đa số đồng-bào Nam-Kỳ hiện đang hăng hái trên đường phục-vụ đất nước và sự có mặt của Kỳ-ngoại-Hầu ở đây sẽ là cái ngòi khiến cho cuộc cách-mạng chóng bùng nổ. Một mặt cụ viết thư về Nam cho biết tin-tức đó và yêu-cầu các đồng-chí phái người sang để cùng cụ thảo-luận nhiều điều quan-trọng...

Cụ Cường-Đề đã có sẵn ý muốn về nước, nay được lời đề-nghị của cụ Nguyễn, nên bằng lòng ngay.

Đầu tháng 2 năm 1913, Kỳ-Ngoại-Hầu do đường Hồng-Kông đi Tân-

gia-ba, lên xuống Tàu « Hải-Phòng », về Sài-Gòn.

Lại do bức thư đã nói trên của cụ Nguyễn-Thần-Hiến, nên gần cuối tháng năm, sau khi giáp mặt cụ Cường-Đề, một nhóm cách-mạng trong nước trong đó có Nguyễn-Quang-Diêu, Đinh-Hữu-Thuật — chỉ định một phái-đoàn sang Tàu để tìm gặp cụ Nguyễn-Thần-Hiến.

Phái-đoàn lên đường trong tháng ấy, gồm mười người lớn và hai thiếu-niên. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu là tay hùng-biến nhất và có thân quen trước với Huỳnh-Hưng — người có phận-sự liên-lạc các nhà cách mạng trong Nam xuất-ngoại tại Hồng-Kông — nên được cử lãnh đạo cho đoàn.

Không rõ phái-đoàn tổ-chức cuộc hành-trình khéo-léo thế nào, mà số người công như vậy vẫn đi được sang Hồng-Kông một cách êm thấm.

(1) Theo Bao-La cư-sĩ: *Việt-Nam trên đường giải-phóng* — *Văn-hóa Nguyệt-san* số 53, tháng 8, 1960.

(2) Trong một bài *Việt-Nam trên đường giải-phóng* của Bao la cư-sĩ, đăng trên *Văn-Hóa Nguyệt-san* số 53, tháng 8, 1960, đoạn thuật lại cuộc nhóm họp tại Quảng-Đông năm 1912, có viết: « Phái quân-chủ toàn-thể là người Nam-Việt, có ông Nguyễn-Thần-Hiến lãnh-tự (...) nhất định không thay đổi lập-trường. Không-khí buổi thảo-luận quá sôi nổi, ngôn-ngữ lắm khi kém lễ độ. Ông Hoàng-Trọng-Mậu trong lúc tranh-biến kịch-liệt với Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, Ông hươi cây gậy nơi tay làm đung ngai, nên có người buộc ông phạm tội khi quân ».

Tới nơi, được Huỳnh-Hưng chờ sẵn đón về nhà riêng trú-ngụ. Nhà Huỳnh-Hưng lúc đó ở ven đảo Cửu-Long, phía bên kia Hồng-Kông.

Huỳnh-Hưng có công lớn với cách-mạng miền Nam và là bạn thiết của cụ Nguyễn-Thần-Hiền, cụ người gốc Tam - Bình (Vĩnh - Long) tên thật Huỳnh-Văn-Nghị, tức thường gọi Bảy-Nghị. Tướng cụ tốt, nước da trắng mịn, ít nói mà thông - minh, xuất-dương cả hai vợ chồng từ năm 1907, được các cụ Sào-Nam, Cường-Đề tin cậy. Chính cái tên Huỳnh-Hưng là của cụ Cường-Đề đặt cho để gọi riêng trong giới cách-mạng. Bà vợ cụ không rõ tên gì, nhưng cũng được cụ Cường-Đề ban cho biệt hiệu Thiệu-Trưng. Hai vợ chồng rất đồng lòng, suốt đời tận - tụy với cách-mạng.

Bây giờ do theo thư-từ mật-ước, Nguyễn-Thần-Hiền từ Thượng-Hải tới Hồng-Kông để họp mặt anh em tại nhà Huỳnh-Hưng.

Sau mấy hôm bàn-định quốc-sự, Nguyễn-Thần-Hiền và Huỳnh-Hưng mua được một ít tạc đạn (1), định sẽ chia đoàn người Nam-Kỳ thành hai tốp : một tốp ở lại đi Hàng-Châu với Nguyễn-Thần-Hiền để hội kiến các lãnh-tụ, còn một tốp chờ chuyển tàu nhỏ neo từ Hồng-Kông chạy về Sài-

Gòn sẽ mang tạc đạn và tín phiếu (2) trở về. Nhưng hai tốp đều chưa kịp lên đường thì toàn-thể những người trong nhà Huỳnh-Hưng đều bị bắt

* *

Nguyên là công việc sắp đặt đâu đây vừa xong thì cảnh sát biết chuyện, kéo đến khám nhà Huỳnh-Hưng. Họ xét gặp 13 quả tạc-dạn, một ít giấy tờ, liền tịch-thu và bắt luôn cả bọn; trong đó có cả Nguyễn-Thần-Hiền, Nguyễn-Quang - Diệu, Đinh - Hữu-Thuật và Huỳnh-Hưng. Hôm ấy đúng vào ngày 16 tháng 6 năm 1913, âm-lịch Quý Sửu.

Cảnh-sát nói trên là cảnh-sát của người Anh. Lúc nấy vì tình-thế Việt-Nam hỗn-độn, nên nhà đương-cuộc Pháp tại Việt-Nam vận động ngoại-giao với chánh-phủ Hoàng-gia Anh, yêu-cầu bắt giùm các nhà cách-mạng Việt đang hoạt-động tại Hồng-Kông đưa về Việt-Nam cho họ.

Khi ra tòa, Huỳnh-Hưng nhận lỗi do tự mình làm, các người khác, cụ bảo là không ai hay biết. Tòa phạt Huỳnh-Hưng 200 bạc và chín tháng tù, còn tất cả đều tuyên bố trắng án.

Tuy nói trắng án, nhưng các cụ không phải được tha mà còn bị giam vào ngục để chờ ngày giao lại cho Pháp tại Việt-Nam.

1) Trên đây thuật theo cụ Cường-Đề, còn theo «Tài-liệu gia-dinh Nguyễn-Như» và một tờ trình từ Hồng-Kông gửi về cho Pháp tại Hà-Nội thì tạc đạn này do cụ Nguyễn-Thần-Hiền chế-tạo

2) Tín phiếu tức chỉ tuệ tín phiếu là một thứ giấy bạc của chính-phủ lâm-thời Việt-Nam. Có ba loại : 50, 10, và 5 đồng, phát-hành khoảng 1912, 1913 để lấy tiền sung vào quỹ cách mạng.

Sau vụ này, báo-chí Trung-Hoa đều có loan tin cụ Cường-Đề lúc đó cũng vừa từ Nam-Kỳ trở sang Hồng-Kông, thấy trên báo nói trắng án, tưởng đâu các đồng chí mình đều được tha thật, nên vì nóng lòng tìm kiếm, cụ cũng bị sa lưới luôn (1).

Về việc này, cụ Cường-Đề có thuật khá rõ, trong một đoạn sau đây :

« Bì-nhân đền đó (tức Cảnh-sát trung-ương ở Hồng-Kông) hỏi tin tức nhóm Nguyễn-Thần-Hiền, thì họ hỏi bì-nhân với Nguyễn-Thần-Hiền có quan-hệ thế nào ? Bì-nhân nói Nguyễn-Thần-Hiền là ân-nhân của bì nhân, vì khi trước bì-nhân ở Thượng Hải mắc bệnh nặng, nhờ được Nguyễn-Thần-Hiền chữa khỏi, nay qua Hồng-Kông, nghe tin ân nhân bị bắt nên hỏi thăm.

Họ bảo bì-nhân đợi một lát.

Đợi một lát, thì thầy tên Nhung là mật thám của Pháp ở Hồng-Kông lù lù đi vào. Bì-nhân trước từng trông thấy mặt hắn mấy lần, nên khi ấy hắn tuy đeo kính rộp, bì-nhân vẫn nhận ra.

Thì ra, họ bảo bì-nhân đợi, chẳng phải là đợi nghe tin-tức Nguyễn-Thần-Hiền, mà đợi tên Nhung đền nhận diện... ».

(1) Cụ Cường-Đề bị bắt ngày 8 tháng 7 năm 1913 ; sau tám ngày bị giam, cụ được Nguyễn-Háo-Vĩnh và Lâm-Cần mượn luật-sư lãnh ra rồi trốn thoát. Kế đó, sang Âu-Châu với Đỗ-Văn-Y, Trương Duy-Toàn và Lâm-Tỷ.

Trong lao, Nguyễn - Thần - Hiền bỗng gặp Kỳ-Ngoại-Hầu. Cụ Nguyễn kinh-ngạc, đèn gần cụ Cường-Đề hỏi nhỏ duyên-do bị bắt. Cụ Cường-Đề đáp lại mấy câu vắn tắt rồi bảo cụ Nguyễn lặng im, vì cụ Cường-Đề đã thấy từ đằng xa, có mấy người tù nói chuyện với nhau mà bị quân canh đánh đập tàn nhẫn...

Bị giam tại Hồng-Kông ít lâu, trừ cụ Cường - Đề được lãnh ra, cụ Nguyễn-Thần-Hiền và các đồng-chí bị bắt trong vụ tạc-đạn đều bị trao cho Pháp giải về Hà-Nội.

Trên đường về nước, các cụ bị ràng buộc quá đói khát-khe. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu trong một bài tiêu-đề *Hà - Thành lâm - nạn*, có kể qua chuyện đó :

*Luật áp-giải dã-man đã quá,
Ý cường-quyền xiềng cả chân
tay.*

*Hỏa-thuyền chạy suốt ba ngày,
Hải-Phòng đổ bến giải ngay
Hà-Thành.*

Sau khi giam cầm tra-tấn tại nhà pha Hòa-Lò Hà-Nội, một phiên tòa Đại - hình đặc - biệt kêu án các cụ Nguyễn-Quang-Diêu, Nguyễn-Thần-Hiền và Đinh-Hữu-Thuật mỗi người mười năm khổ-sai (2). Các cụ đều

(2) Trong bài *Hà - Thành lâm nạn* Nguyễn-Quang-Diêu có chép :

*Thương ông Thần-Hiến râu mày,
Cùng Đinh-Hữu-Thuật đều đầy mười
năm.*

Đinh-Hữu-Thuật người Mỹ-Xương, tỉnh Sa-Đéc, con cụ Hội-đồng Chính, nhà giàu,

bị tổng-ngục để chờ ngày đầy đi Nam Mỹ.

*
* *

Trong năm 1913, vì có xảy ra nhiều cuộc bạo-động, Pháp nỗ-lực đàn-áp cách-mạng, bắt-bớ lung-tung ; nếu kể chung trong nước và hải ngoại đưa về, những người bị tổng-giam tại Hà-Nội lên tới con số 254.

Trong ngục người chật như nêm, lại bị khảo-tra quá đỗi tàn-nhân, phần đông điều mang bệnh ; thêm bệnh ngặt mà không thuốc uông... tình-cảnh hết sức thương-tâm.

Vậy mà hàng ngày vẫn còn bắt bớ liên miên. Nào Cả-Dinh, con nuôi cụ Đế-Thám ra hàng rồi bị nhốt (3) nào cụ Lương-Văn-Can bị bắt giam để chờ đưa đi an-trí Nam-Vang (4) ; nào bảy cụ : Nguyễn-Khắc-Cẩn, Phan-Văn-Tráng, Phan-Đệ-Quý, Vũ-Ngọc-Thụy, Phạm - Hoàng - Quê, Phạm - Hoàng-Tiết bị tổng-ngục vì khép cho tội mưu sát Tổng-Đốc Hà-Đông và Thiều-tá Chapuis... (5).

bỏ nhiều của cải ra giúp cách-mạng. Cụ vui tính, nói năng hoạt-bát, làm việc lạ làng. Xuất-ngoại 16 năm, bị tù đầy khổ-sở, sau trốn về nước được. Mới đầu cụ ẩn trên núi Cẩm (Thất-Sơn), sau len-lỏi hạ-san hoạt-động nữa. Cụ chết già tại Mương-Điều năm ngoài 60 tuổi.

(3) Cả-Dinh ra hàng ngày 13-10, dẫn theo sáu tên lính. Theo lời kỹ-thuật của cụ Nguyễn-Quang-Điều thì Dinh chỉ có tài thiện-xạ chứ trình-độ trí-thức kém. Trong nhiều lần nói chuyện chánh-trị trong ngục với anh em, Dinh tỏ ra u-ơ không hiểu.

Trong số các nạn nhân lần lượt bị đưa vào đó có một bạn thân của Nguyễn-Thần-Hiền là Bùi-Chi-Nhuận, bị bắt tại Xiêm ngày 9 tháng 4 năm 1913 và bị giải về nước cuối năm ấy.

Bùi-Chi-Nhuận hiệu Mộng-Vũ, là một tay vận-động tiền bạc rất tài, mấy năm trước hoạt-động trong nước với anh em, sau xuất-dương cầu học tại Nhật, bị trục-xuất năm 1909, phải bôn-đào sang Xiêm.

Trong vụ bị bắt và bị giải về như đã nói, Bùi-Chi-Nhuận bị tòa Đại-hình xử chung thân khổ-sai. Cụ cũng bị giam chung với các đồng chí để chờ ngày đầy đi Côn-Đảo (6)

Riêng về cụ Nguyễn-Thần-Hiền, vì tuổi già, bầy lâu mãi phong-trấn bôn-tầu, kẻ bị bắt, làm sao chịu

(4) Trong bài *Hà - Thành lâm nạn*, Nguyễn-Quang-Điều kể :

*Cảm thương cụ Cử già tuổi-lác,
Vì non sông phải bước tân-loan.*

(5) Bảy người này sau đều bị tòa Đại-hình Hà-Nội tuyên án tử-hình. Trong bài *Hà-Thành lâm nạn* Nguyễn-Quang-Điều kể :

*Còn ngoài Bắc hỏi ai chi-sĩ,
Hiệp kể ra hơn bảy mươi người.
Bảy ông xử-tử đã rồi,
Bao nhiêu đều phải lưu-dồ
phương xa...*

(6) Bài *Hà - Thành lâm nạn* cũng có chép về cụ Bùi :

*Còn một bác tên Bùi-Chi-Nhuận:
Xiêm giải về án luận chung thân.*

Ở Côn-Nôn ít năm, cụ Bùi được ân-xá, về Tân-An làm thuốc Bắc mưu-sinh ; đến già chí vẫn không đổi.

nỗi sự tra-khảo ngặt-nghèo của bọn tay sai thực-dân ! Vì vậy cụ phải lâm trọng bệnh. Trong lao không có thuốc-thang, khiến bệnh cụ mỗi ngày mỗi trầm-trọng. Anh em làm reo, bỏ ăn để đòi thuốc cho cụ uống, nhưng người ta mặc kệ, không thêm quan-tâm. Đến khi cụ liệt-bại gần chết, người ta mới đem cụ ra nhà thương thì cụ nhận ăn để phản-đòi và mất tại đó(1). Đồng-chí cụ không một người được tới thăm, quyền thuộc cũng không ai hay biết, tình-cảnh thật là bi đát ! Hôm ấy đúng vào ngày mừng một Tết Nguyên-Đán năm Giáp-Dần, nhằm 26 tháng giêng năm 1914, cụ hưởng-thọ vừa được 58 tuổi.

Đau lòng trước cái chết của một đồng-chí và là một bạn vong-niên thâm giao, cụ Nguyễn-Quang-Điều khóc :

Bấy lâu bay bổng cánh minh-hồng.

Lạc lối giờ ra phải máy cung.

Chín suối có thiêng hồn tổ-quốc.

Trăm năm còn tác gánh tang-bồng.

Đời đời nghĩa góm câu dẫu bề.

Thờ lộ cùng ai chuyện núi sông ?

Thôi để làm gương cho sắp trẻ,

Ngàn năm trong nước dẫu anh-hùng,

Hiện nay tại Sài-Gòn, Cần-Thơ, Hà-Tiên, mỗi nơi đều có một con đường lấy tên Nguyễn-Thần-Hiến (2) và cụ còn lại hai người cháu nội đều có địa-vị xã-hội khá-quan :

Bác-sĩ Nguyễn-Như-Giu, nhân-viên ty-y-tế bệnh-viện Cần-Thơ và bà Trần-Văn-Tri nữ danh Nguyễn-Như-Hằng, Hiệu-trưởng trường nữ Trung-học Định-Tường.

Hồn nếu được thiêng, chắc ở suối vàng cụ cũng được phần nào an-ủi.

Nguyễn-Văn-Hầu

(1) Trước khi mất, cụ Nguyễn-Thần-Hiến có làm một bài thơ trường thiên, nhờ người cùng bị giam học thuộc để khi mãn hạn về đọc lại cho gia-đình cụ nghe. Theo bà Nguyễn-Như-Hằng, Hiệu-trưởng trường Nữ Trung-học Định-Tường (cháu nội cụ), thì thi - sĩ Đồng-hồ có chép được bài ấy, nhưng vì viện biến cố năm 1945, thi-sĩ không còn giữ được. Thật tiếc !

(2) Do nhĩa-y của Hội-Đồng thành-phố và sự chấp-thuận của chính - phủ, con đường Nguyễn-Thần-Hiến tại Cần-Thơ được đặt ra năm 1954, Đường Nguyễn-Thần-Hiến tại Sài-Gòn (bên Khánh-Hội, gần đường Trịnh-Minh-Thế) mới có khoảng 1958, 1959, Bệnh-viện Hà-Tiên cũng mang tên Nguyễn-Thần-Hiến và ở Huế, nơi thờ cụ Phan-Bội-Châu, có treo bức chôn-dung cụ Nguyễn.

Viết theo những tài liệu chính :

— «Tài liệu của Gia đình Nguyễn Như» do Bác sĩ Nguyễn-Như-Giu Cần-thơ, cháu nội cụ Nguyễn-Thần-Hiến.

— «Nguyễn-Quang sưu la ký» do Nguyễn-Quang miêu duệ.

— «Cảnh-Sơn thi văn sưu tập» do ông Nguyễn-công-Rau, chủ tịch hội Tâm-tang Tân-châu.

— «Phong trào Đại Đông-Du» của Phương-Hữu, Nam-Việt xuất bản, 1950.

— «Cuộc đời cách mạng Cường-Đề», in tại nhà Tôn-Thất-Lễ, xuất bản 1957.

Và mấy tài liệu phụ thuộc khác.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales
(S. I. D. E. R. C. D.)**

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »
Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055 -

**La Société Urbaine Foncière
(S. U. F. D.)**

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Thêm một con người vũ trụ : JOHN GLENN

SAU nhiều lần trì hoãn, kỳ này John Glenn thật đã là người vũ trụ ra đi trước biết bao quả tim hồi hộp, đợi chờ và vô sự trở về với chức vị anh hùng của thế kỷ. Thật vậy, ở bên Mỹ, Glenn đã là con người vũ trụ đầu tiên đã bay ba vòng xung quanh quả đất, trong khoảng không gian vô trọng lực, còn trước kia các bạn phi hành của ông ta Alan Shepard và Virgil Grissom, chỉ thành công trong một cuộc bắn xạ thuật.

Chờ đợi giờ khởi hành : Hôm thứ hai 19-2, đúng 2 giờ 30 (giờ địa phương), tiếng đếm thụt lùi bắt đầu vang dội, gieo thêm hồi hộp cho khán giả đợi chờ. Không thỏa thích trước máy vô tuyến truyền hình, hàng ngàn người đã lại Cap Canaveral dự kiến. Tối đêm thứ

hai, hàng trăm chiếc xe hơi đậu sát nhau trên bãi bãi, yên lặng trong đêm thâu, dưới ánh trăng gần bị mây lấp hẳn. Trong lúc ấy, đài hỏa tiễn lấp loáng ánh sáng đủ màu, rộn rịp kẻ đi người lại...

Sáng hôm thứ ba 20-2, Glenn được thức dậy từ lúc 2 giờ 20. Tắm rửa, cạo râu xong ông ăn điểm tâm với Shepard và Grissom : nước cam, trứng, thịt, mứt, bánh mì nướng,... trước khi được thấy thuốc khám nghiệm. 4 giờ 30 : người ta bắt đầu mặc áo quần cho ông. 5 giờ 02 : ông rời nhà ra phi trường, vui cười trong bộ áo sơn bạc lóng lánh, tựa hồ bộ áo sắt của người chiến sĩ thời xưa. Ông đến chân đài lúc 5 giờ 59. Lúc bảy giờ, đài đã được đèn rọi sáng trưng. Thấp thoáng qua những dàn gác đỡ chói, người ta thấy hỏa tiễn

Atlas-Mercury phơi mình trắng tinh. Đúng 6 giờ 04 : Glenn cúi mình bước vào capsuyn Mercury trong ít lâu nữa sẽ đem mình ra vũ trụ. Xung quanh chân đài, gần hai trăm nhà báo chuyên môn, đại diện quốc hội, quân đội, ... theo dõi từng giây từng phút cuộc sửa soạn qua hai màn ảnh vô tuyến truyền hình. Hai nhà chuyên môn Đức, Gunter và Wengk, tổng giám đốc đài số 14, chăm nom lo sắp đặt chỗ ngồi cho Glenn và sau đấy đóng cửa capsuyn cẩn thận. Xong đâu đấy, bây giờ chỉ còn ngồi đợi vì lệnh bắn hỏa tiễn chỉ đến 8 giờ mới ban hành. Trời tuy sáng mà bị mây che đen xám. Mọi người lo sợ, nếu mây cứ bám đầy mãi thì cuộc bắn còn phải hoãn một lần nữa. 7 giờ 30 : một cơn gió lạnh ngắt làm rung mình mọi khán giả, thêm vào đấy tiếng đếm thụt lùi bỗng chốc dừng hẳn. Người ta vừa mới tìm ra được một cái đai ốc bể và phải tháo cả cánh cửa capsuyn ra mới lắp lại được. Các nhà chuyên môn cam đoan một nửa giờ là sửa xong. Tuy vậy, mọi người bắt đầu nghi ngờ : nếu còn phải hoãn lại nữa cũng không phải là lần thứ nhất hay là lần chót. Một ông đại diện quốc hội phản nản, bảo không thể tha thứ một khuyết điểm chuyên môn như thế được. Theo ông ta, đấy là lỗi tại các nhà chức trách đã cho phép quá nhiều hãng tư tham gia vào kế hoạch không trung. Nhưng đúng 8 giờ 05, cửa sửa xong, tiếng đếm thụt lùi lại vang dội, nhằm vào lúc mặt trời mạnh dạn đâm thủng đám mây mù. 8 giờ 25 : người ta tháo hết cái dàn xung quanh hỏa tiễn, và hỏa tiễn Atlas chỉ còn trơ trọi lại một mình, trắng tinh, thẳng đứng, oai

ng nghiêm chĩa mũi nhọn lên trời. 8 giờ 35 : nhiên liệu, dưỡng khí được cho vào hỏa tiễn. Xung quanh hỏa tiễn, một lớp hơi mù bao phủ. Dưới chân đài, một ngọn đèn đỏ được thắp lên : đấy là dấu hiệu nguy hiểm, cần phải cẩn thận. Trong lúc ấy, mặt trời đã dần dần lên cao, xô đuổi hết các đám mây trên bờ bể. Trời xanh ngắt và trong suốt, chỉ có một vài cuộn mây trắng nhỏ ở chân trời. Thỉnh thoảng tiếng đếm thụt lùi lại dừng vài phút vì có chuyện bất trắc trong các bộ máy nhưng lại vang lên ngay trước bao vui mừng của khán giả. Chỉ còn vài phút nữa thôi : mọi người đã hồi hộp lại càng hồi hộp thêm.

Cuộc hành trình trên không trung : Khi tiếng đếm vừa dứt « số không », cũng 9 giờ 04, một ngọn lửa chói lọi phun ra dưới chum hỏa tiễn, đồng thời một lớp mây đen xám tỏa ra khắp nơi. Hỏa-tiến Atlas rời khỏi mặt đất vài phân, dừng lại vài giây, rồi từ từ oai nghiêm tiến lên trời. Trong vài giây mọi người yên lặng, nín thở mở mắt nhìn. Sau đấy, một tiếng « a » vui sướng, khen ngợi đồng thanh vang dội như để chào mừng. 8 giây sau lúc khởi hành tiếng động của hỏa tiễn mới vang lại xuống mặt đất. Ngọn lửa theo sau hỏa-tiến từ vàng dần dần đổi qua hồng rồi cùng hỏa-tiến biến mất trên không trung. Trong lúc ấy, đài kiểm-tra ở Cap Canaveral cũng bắt đầu nhận tin của Glenn : capsuyn rời hỏa-tiến, máy móc vận dụng điều hòa, lực gia tốc lên đến 7,5 G (nghĩa là mạnh gấp trọng-lực 7,5 lần).

5 phút sau, Glenn cùng capsuyn tiến vào quỹ đạo đã tính trước, cách Cap Canaveral 503 hải lý, ở cao độ 185 cây số.

ĐẠI TÁ JOHN GLENN



Đại tá John Glen

Đại tá John Glenn sinh tại Cambridge (Ohio) ngày 18-7-1921. Ông là nhà phi hành lớn tuổi nhất trong bảy bạn được lựa chọn để bay ra vũ trụ. Thích không quân từ hồi còn nhỏ, ông muốn xin ngay vào không quân sau khi học ở trường ra, nhưng đơn của ông không được chấp thuận. Ông liền quay về hải quân và năm 1943 trở thành sĩ quan hải quân. Trong trận đại chiến thứ nhì, ông đã làm tròn 59 sứ mạng giao chiến trên mặt trận Cao ly đã lập 63 chiến công. Năm 1959 ông được tuyển vào kế hoạch Mercury. Từ đấy ông chuyển môn về hỏa tiễn và môn hàng không vũ trụ.

Có vợ và 2 con (David, 14 tuổi và Lyn, 13 tuổi) ông đã phải sống gần như độc thân ở đài Langley Field từ mấy năm nay để tập dượt và học hỏi. Một kết quả phụ thuộc: từ 88 kilô, ông đã sụt xuống được 74 kilô, một thắng lợi cho capsules!

Glenn sẽ quay xung quanh quả đất với tốc độ 28.000 cây số giờ, tức là mỗi vòng vào khoảng 88-89 phút. Glenn tiếp tục truyền tin về giọng nói rất trung hòa, không có tỏ vẻ kiêu hãnh: « Tôi thấy khoan khoái. Hết còn trọng lực. Chân trời thật xanh và trông rất ngoạn mục.» Trong lúc băng qua Đại-tây-dương, Glenn nói chuyện với Poopers, đại diện các nhà phi hành ở Cap Canaveral. Glenn nói vài lời với các nhà có mặt trong đài kiểm tra. Xin biết cho là có tất cả 18 đài kiểm-tra ở trên mặt đất, rải rác khắp trên đường đi của capsules. Phần lớn các tin tức Glenn báo về đều thuộc về chuyên môn. Người ta nghe rõ ràng mạch các tiếng « O.K.» hay « GO.» đặc biệt Mỹ hoặc « ROGER » thường dùng trong Thủy và Không quân Hoa-Kỳ. 9 giờ 22 :

Glenn bay ngang quần đảo Canaries. Ông cho biết bãi bể Phi-Châu rất đẹp. 9 giờ 32 ; bản báo cáo đầy đủ đầu tiên về đài Zanzibar. Trong lúc bay ngang qua Nigêria, Glenn ăn bữa cơm đầu tiên trong vũ-trụ. Thức ăn gồm có thịt bò thái nhỏ và khoai rau nghiền như chứa trong các ống chất dẻo, ông chỉ có việc bóp vào miệng. 10 giờ 04 : Glenn nói chuyện với nhà phi-hành Carpentier ở đài Woomera. Trên Ấn-Độ-dương, lần đầu tiên ông gặp đêm tối. Xa xa, ông nhận thấy rõ ánh sáng thành phố Perth ở Úc-Châu thấp sáng để chào mừng ông. 10 giờ 08 : Capsuyn lại gần Tân Calêdôn. Bay ngang qua Thái-bình-dương, ông báo tin sức khỏe vẫn được thường. 10 giờ 38 : đài kiểm tra Bermudes liên lạc với Glenn ; ông vừa mới bay đúng một vòng xung quanh

quả đất. Cứ 45 phút một như vậy Glenn đã từ ngày qua đêm và từ đêm trở lại ngày. Từ thứ ba, trên trời Úc-Châu ông đã sang thứ tư, nhưng sau đây lại trở về thứ ba khi vượt quá kinh tuyến 180 trên trời Thái - Bình - dương. Ngộ nghĩnh nhất là Glenn đã từ mùa đông ở Mỹ chạy sang hè ở Úc-châu rồi lại trở về mùa đông,...

11 giờ 27 : Glenn bay ngang qua Leopoldville, vận - dụng lái tay và máy điện-tử điều khiển cấpsuyn. Một phút sau, ông báo tin về cơ quan điều khiển tự động cấpsuyn không chạy nữa và ông phải cầm lái lấy. Công chuyện này đã làm ông khá mất thì giờ và ông đã phải bỏ qua nhiều điều đã định trước trong chương - trình. 12 giờ 17 : lệnh truyền lên phải bay đúng ba vòng xung quanh quả đất, mặc dầu máy điện tử bị hư. Trong một lúc, người ta còn sợ nhiên liệu không đủ để bay cho đến cùng vì máy tự nhiên đã dùng nhiều hơn số tính trước. Tuy nhiên, cấpsuyn tiếp tục bay và bắt đầu vòng thứ ba lúc 12 giờ 23. 13 giờ 43 : từ đài Hawaii, lệnh truyền lên phải bắt đầu tính chuyện về. Các hỏa tiễn hồi tổ lập tức được cho chạy. Cấpsuyn rời quỹ đạo dần dần hạ xuống Đại Tây dương. 13 giờ 53 : Glenn bay qua Mec-xit, tiến về bể Antilles, cách Cap Canaveral về phía đông nam 1200 cây số. Cả một hạm đội đang sẵn sàng chờ đợi cấpsuyn ở đây : ba chiếc hàng không mẫu hạm 24 chiếc tàu nhỏ hơn, 60 phi cơ và 15 ngàn quân binh. 13 giờ 52 : chiếc dù thứ nhất được tung ra. Một phút sau, chiếc dù thứ nhì thả ra tiếp. 13 giờ 56 : hết còn nghe Glenn; bây giờ chỉ còn có các dấu hiệu điện tử.

Người ta tính cấpsuyn sẽ rơi cạnh chiếc hàng không mẫu hạm Randolph. 13 giờ 57 : cấpsuyn vào khí quyển. Người ta nghe Glenn la lớn : « Thật là một hòn lửa ». Chính là sức nóng do cấpsuyn cọ vào khí trời mà gây ra. Tuy nhiên ông cũng cho biết hai cái dù đều đã tung ra như ý muốn và ông vẫn bình an. Sau đấy chiếc khu trục hạm Noa cho biết đã thấy được cấpsuyn lơ lửng với chiếc dù không xa đấy lắm. 14 giờ 06 : Glenn rơi xuống Đại tây dương, cách chiếc khu trục hạm Noa sáu hải lý. 14 giờ 10 : chiếc khu trục hạm Noa vớt Glenn lên. 14 giờ 28 : John Glenn lành mạnh bước chân lên sân tàu. Sau đây ông được chuyển qua chiếc hàng không mẫu hạm Randolph để chở về đảo Grand Turk. Bệnh viện ở đây được hân hạnh giữ ông trong 48 tiếng đồng hồ.

Bước đầu của cuộc thám hiểm : Gần 5 giờ rưỡi sau lúc được bắn ở Cap Canaveral, trung tá Glenn đã trở về lại mặt đất, cách chỗ khởi hành 1300 cây số, bay đúng ba vòng xung quanh quả đất. Trong lúc bay ông đã được phong chức đại tá. Ông đã đặt tên cho cấpsuyn là Thân hữu 7 (Friendship Seven) Cấpsuyn cao 2 thước 8, rộng 1 thước 8 (ở đáy), nặng 2005 kilô lúc khởi hành và 1360 kilô trên quỹ đạo, là vệ tinh thứ 69 của Mỹ. Còn đại tá Glenn thì là người lớn tuổi nhất trong các phi hành gia đã có điểm phúc mang tên người vũ trụ : 40 tuổi (Shepard : 38, Grissom : 35, Gagarin : 27 và Titov : 26).

« Thật là một cuộc hành trình tuyệt diệu gần như không tưởng tượng

được ! Đây là lời tuyên bố của Glenn bằng điện thoại với tổng thống Kennedy vài phút sau khi được vớt lên chiếc khu trục hạm Noa. Sáng thứ sáu ngày 23-2 tổng thống Kennedy đã thân hành lại Cap Canaveral khen ngợi vị anh hùng vũ trụ. Khắp thế giới từ Vatican qua đến Nga, nhiều điện tín đã được gửi đến chúc mừng Glenn. Sau vụ bắn này, thủ tướng Khrushốp đã đề nghị với Mỹ làm việc chung trong công cuộc thám hiểm không gian và dường như tổng thống Kennedy cũng đã tỏ ý tán thành về nguyên tắc. Riêng về phần chúng ta sẽ bị mất một cuộc chạy đua hào hứng, nhưng nếu ta biết công của đã tiêu tốn thì phải cho đây là một tin mừng vô cùng quan trọng. Riêng về vụ bắn Glenn kỳ này, Mỹ đã tốn hết bốn trăm triệu Mỹ kim, tạm chia ra như sau : 160 triệu để khảo cứu và đóng capsules, 95 triệu về hệ thống kiểm tra, 85 triệu về máy hỏa tiễn và các vụ thử máy, 35 triệu về những khảo cứu bên cạnh và 25 triệu để thuê hồi capsules. Khoảng chừng 30 ngàn người

đã góp công vào vụ bắn này, trong số ấy, như trên đã thấy, 15 ngàn lính thủy rải rác trong khắp biển Antilles và 2 ngàn công chức chỉ lo việc liên lạc giữa chính phủ, cơ quan khảo sát không trung N. A. S. A. và các nhà bác học chuyên môn.

Sau cuộc hành trình này của Glenn, các nhà chuyên môn Mỹ định sẽ lặp lại cuộc bắn vài lần nữa. Vào cuối năm 1962, đầu 1963 sẽ cho bắn một nhà phi hành bay 18 vòng xung quanh quả đất. Thông thả nhưng chắc chắn là một đức tính của các nhà bác học Mỹ. Thêm vào đây, làm một thí nghiệm trước dân chúng lại là một cử chỉ can đảm và dân chủ. Nhưng kế hoạch khảo sát không trung chỉ mới là bước đầu. Mỹ hiện đang soạn sửa chế một loại capsules khác tên là Gemini, nặng khoảng ba tấn để có thể mang theo nhiều nhà phi hành. Với vụ thành công này, các nhà bác học Mỹ đã nhìn tương lai với nhiều lạc quan.

Võ-Quang-Yến

Phản ứng trước hoan hô.

Nhiều người còn nhớ câu nói được coi như bất hủ của Dwight David Eisenhower nhân dịp ông đọc diễn từ tại Guildhall, nước Anh ngày 12 tháng bảy 1945 :

— « Khiêm tốn phải là phản ứng tự nhiên của người được hoan hô vì nhờ huyết lệ của thuộc hạ, và hy sinh của bạn hữu, mình mới được hoan hô ».

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BANG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẠM CUỘC
66, GIA-LONG — SAIGON

cần đặc biệt chú ý tới hạng trẻ anh tuấn

Không được nhồi trẻ, nhưng
cũng không được kìm trẻ

LỚ I dạy học của các nhà nho thời xưa mặc dầu có nhiều điểm phản khoa học, phản tâm lý và sinh lý, nhưng ít nhất cũng có một điểm khả thủ là các cụ tùy theo tư cách của mỗi trẻ mà dạy : cùng một tuổi mà có trẻ mỗi buổi chỉ phải học vài ba hàng, có trẻ phải học hai ba trang sách. Trẻ hiểu được tới đâu thì các cụ giảng tới đó, luôn luôn bắt chúng gắng sức, nhưng cũng không bắt chúng phải học quá sức.

Hồi nhỏ tôi đã được biết một lớp học của một cụ đồ nho : có tới ba chục

« Mỗi trẻ em có thiên tư là cả
một vấn đề cá nhân ».

De Craecker

trò, từ sáu, bảy tuổi tới hai mươi bốn, hai mươi lăm tuổi, gồm cả chục trình độ khác nhau mà ít khi có ba bốn trò học chung một bài. Dạy cách đó thì thực là mệt cho ông thầy nhưng nhờ vậy mà tinh thần của học sinh được phát triển đúng theo khả năng của họ, và mới có những thanh niên anh tuấn mười hai tuổi đã làm thơ làm phú được, mười bốn mười lăm tuổi đã đậu cử nhân, mười bảy mười tám tuổi đã đậu tiến sĩ. Hạng anh tuấn đó cũng học chung với các bạn khác, nhưng mỗi buổi, các bạn của họ chỉ học có một sách thì họ học tới ba sách : chẳng hạn nghe giảng về Bắc Sử (tức sử Trung Hoa) xong, ngồi đợi tới khi thầy giảng Kinh Thi cho một bạn khác thì ghé bên mà nghe, rồi tới khi thầy giảng Kinh Thư cho một bạn khác nữa thì cũng lại nghe ghé nữa, và hôm sau tới trường, trả cả ba bài cho ông đồ. Họ học gấp như vậy từ hồi 13, 14 tuổi và có những người mặc

dầu học gấp ba người khác mà vẫn có dư thì giờ đọc thêm những sách thuốc, sách bói, sách sổ các ngoại thư.

Ngày nay ta không thể theo lối « *enseignement sur mesure* » đó được vì số học sinh quá đông mà số thầy giáo thì quá ít — tại cả những nước tân tiến, ngân sách dành cho giáo dục luôn luôn thiếu thốn — và cũng vì trường dạy rất nhiều môn: cả chục môn chứ không phải vài ba môn như hồi xưa. Cho nên ta phải dùng cách « dạy từng loạt », dồn vào một lớp tất cả các trẻ *sức học* gần bằng nhau, tuổi xuýt xoát nhau, chẳng cần phân biệt *trình độ thông minh* của mỗi trẻ, cứ ra chung cho chúng một số bài để học, một số bài để làm. Trong một lớp như vậy tất nhiên có một số ít trẻ rất thông minh, một số khác — cũng ít — rất đần độn, còn đa số thì trung bình, và ông giáo phải theo trình độ của đa số mà dạy. Kết quả là khoảng nửa lớp được lợi, còn những trẻ thông minh hay đần độn đều bị hy sinh. Trẻ ngu theo không nổi, đâm chán, bị mắng oan, cuối năm có thể bị đuổi, mà trẻ thông minh thấy không phải gắng sức, cũng đâm chán nản, không tận dụng khả năng của mình, mà mất thì giờ vô ích.

Kết quả đó kéo theo kết quả này: thái độ của cha mẹ đối với sự học của con em nhiều khi hóa ra vô lý. Vì trường học đã định một tuổi trung bình cho mỗi lớp ở mỗi cấp, cho nên những cha mẹ có con đần độn thì cố thúc chúng bằng đủ cách — rầy mắng, đánh đập, ... — để chúng phải theo kịp bạn, có khi còn vận động với ông

giáo, ông hiệu trưởng để đẩy đại chúng lên lớp trên; còn những cha mẹ có con thông minh thì lại không bắt chúng gắng sức: « Chúng còn nhỏ, cho chúng chơi, miễn mỗi năm một lớp là được rồi, gấp gì? ».

Chơi mà biết cách chơi thì cũng là một cách học, một cách luyện tinh-thần và thể chất; nhưng học cũng là điều có ích chứ? Thế thì tại sao trẻ có thể học được mười, ta lại chỉ dạy có năm? Tại sao ta lại không cho chúng cơ hội tập gắng sức ngay từ hồi nhỏ, cơ hội phát triển hết cả khả năng của chúng? Phải để cho mỗi em tiến phải được đến đâu thì tiến, kìm hãm lại là vô lý. Đã đành, không có gì gấp cả, sớm muộn gì những trẻ đó cũng sẽ thành tài; nhưng bạn thử nhớ lại hồi còn đi học, thầy giáo giảng qua một lần, bạn đã hiểu rồi, mà không được học thêm, cứ phải yên lặng ngồi nghe thầy giảng đi giảng lại năm sáu lần nữa cho những bạn khác, thì bạn sẽ hiểu được nỗi bức mình, chán nản của hạng trẻ có thể tiến nhanh mà luôn luôn cứ bị kìm lại, tuy ngồi trong lớp suốt một giờ mà chỉ được học có mười, mười lăm phút. Ông N. L. Munn, trong cuốn *Traité de Psychologie* (Payot) bảo những trẻ bị kìm hãm như vậy có thể sinh ra phản uất, bướng bỉnh, mà thành thiếu nhi phạm pháp. Lời đó có thể tin được. Alexandre Arnoux trong cuốn *Algorithmes* kể lại đời một thiếu niên Pháp có kỳ tài về Toán học, tên là Evariste Galois. Chàng bị thầy học ghét chỉ vì chàng giỏi hơn họ. Trong một kỳ thi vào trường Đại học Bách nghệ (Ecole Polytechnique) các giám khảo ghen tài của chàng, « truy » chàng

một cách vô liêm sỉ. Năm 21 tuổi, (1832) chàng chết, có người ngờ rằng bị ám sát. Sau người ta đọc kỹ lại những luận văn chàng gởi cho Viện khoa học, mới chịu nhận rằng thiên tài của chàng đáng kính, và người đồng thời với chàng đã không hiểu nổi chàng.

Vả lại, trẻ học được tới đâu, ta cứ dạy tới đó, thì chỉ có lợi cho chúng, cho gia đình và quốc gia, chứ chẳng có hại gì cả. John Stuart Mill ba tuổi đã bắt đầu học tiếng Hy-Lạp — xin đọc giả nhớ ông là người Anh — bảy tuổi đọc Platon, tám tuổi học tiếng La-tinh và Đại-số-học, mười hai tuổi học triết lý.

Charles Dickens bảy tuổi đọc *Don Quichotte*, *Robinson Crusoe* và viết một bi kịch.

Goethe tám tuổi dự bị thi vô đại học, mười tuổi đã viết nhiều thiên cáo luận, mười sáu tuổi đã biết năm ngoại ngữ.

Những vị đó mà sinh vào thời này ở nước ta thì mười tuổi vẫn chưa được thi tiểu học, làm sao mà có thể thành thiên tài được? Mà tại sao nước ta lại không có những thiếu nhi anh tuấn, dù không sánh được với Stuart Mill và Goethe (1) thì cũng có thể mười lăm mười sáu tuổi vào những trường Đại học Sorbonne, Oxford hay Harvard?

Tôi phản đối chính sách «nhồi» trẻ nhưng tôi cũng không tán thành chính sách kìm trẻ. Phải để cho chúng phát triển đúng với khả năng của chúng.

Các quốc gia lúc này còn phải lo nhiều vấn đề chính trị và quân sự rất rắc rối, nên chưa có nước nào thật quan tâm đến vấn đề giáo dục; nhưng tôi tin

rằng sau này thế nào người ta cũng áp dụng phương pháp này: đo tình thần của mỗi trẻ ở khắp nơi rồi sắp làm nhiều hạng, ít nhất là ba hạng: rất thông minh, thông minh trung bình, đần độn; rồi mở những lớp, những trường, lập những chương trình riêng cho mỗi hạng đó; và đặc biệt chú ý đến hạng rất thông minh. Hiện nay tại những nước tân tiến mới có một số trường chuyên dạy những trẻ đần độn, và một số ít lớp riêng — phần đông ở những trường tư — để thí nghiệm những lối dạy hạng trẻ anh tuấn. (2)

*
* *

Dấu hiệu của sự thông minh

Các bậc cha mẹ và thầy học rất dễ nhận được trẻ thông minh hay không. Ở Mỹ, trên 20 % những trẻ thông minh đã đọc được trước khi đầy năm tuổi, 61 % trước khi đầy bốn tuổi và 1,6 % trước khi đầy ba tuổi. (Ta nên nhớ rằng học đọc tiếng Mỹ khó hơn là học đọc tiếng Việt; vậy có thể có những trẻ em Việt đủ 36 tháng đọc được tiếng Việt và tôi đã thấy hai trẻ như vậy); mà đa số những trẻ đó chỉ học chơi thôi, chứ không phải là được học một cách có hệ thống. Cha mẹ chúng lúc nào vui hay rảnh chỉ bảo cho chúng một chút, chẳng thành bài vở gì cả, vậy mà ít lâu sau chúng biết đọc.

Khi vô trường chúng làm bài, học bài rất dễ dàng, trẻ khác học mất bốn

(1) Hạng kỳ tài đó không phải thời nào cũng xuất hiện.

(2) Ở nước ta thì ngay những trường cho trẻ em đần độn cũng chưa có.

CĂN ĐẶC BIỆT CHÚ Ý TỚI HẠNG TRẺ ANH TUẦN

năm thì chúng chỉ học độ ba năm, có trẻ trình độ hiểu biết cao hơn lớp chúng đương theo tới hai ba năm nghĩa là có thể cho chúng nhảy tới hai ba lớp.

Chúng hiểu mau, nhớ mau, biết nhiều, có một sở dụng ngữ phong phú, và rất tò mò, chỉ thích mở những bộ bách khoa tự điển ra coi. Chúng làm bài ở nhà chỉ nháy mắt là xong, còn thì giờ thì đọc sách, tự lựa lấy sách mà đọc, cha mẹ không cần phải khuyến khích, chỉ dẫn.

Chúng thường giỏi về các môn trừu tượng và sinh ngữ: lý luận về toán, khoa học, văn chương... Về chánh tả, sử ký, công dân giáo dục, chúng không hơn những trẻ khác bao nhiêu. Về thủ công như nấu bếp, may vá, đóng đồ, nặn, vẽ... chúng chỉ bằng các bạn khác thôi.

Khi chúng đã biết đọc, biết viết, biết làm bốn phép toán rồi, thì sự hiểu biết của chúng tăng lên rất mau, chẳng cần thầy phải tốn công dạy bảo.

Chúng thích nhất những giờ văn học, những lúc biện luận, môn cổ sử và kịch. Chúng ước ao sau này được làm những nghề tự do, thành những nghệ sĩ.

Khi chơi, chúng thích hợp bạn với những đứa lớn tuổi hơn, tránh những trò mạnh bạo như đá banh, chơi bóng rổ, ưa những trò như đánh cờ, giải các câu đố. Tình đoàn kết, tình bằng hữu của chúng cũng đậm đà như những trẻ khác, mặc dầu những trẻ khác thường cho chúng là « làm sao ấy, không giống phần đông ».

Chúng đọc sách rất nhiều. Có những trẻ từ 6 đến 13 tuổi mỗi tuần đọc sách tới hai chục giờ, hoặc hơn nữa (Chúng thích nhất những truyện mạo hiểm, những truyện bí mật, tiểu sử danh nhân, du ký...) Vì vậy người ta thường hiểu lầm chúng, cho rằng chúng ưa sự cô độc. Không phải đâu. Nếu có bạn chơi hoặc có trò vui thì chúng cũng bỏ sách đó mà chơi với bạn như các trẻ bình thường vậy.

Những nhận xét trên giúp ta đoán được một đứa trẻ nào đó thông minh hay không ngay từ khi nó mới vào lớp mẫu giáo, mà mười lần thì có tới tám, chín lần đoán đúng. Tuy nhiên thông minh cũng có nhiều hạng: hạng trên mức trung một chút, hạng rất thông minh, hạng tuyệt thông minh, gần như thiên tài... Những trẻ trong ba hạng đó khác nhau rất xa về trình độ tinh thần, không nên cho học chung với nhau; mà muốn biết được một cách gần đúng trình độ tinh thần của mỗi trẻ thì cần phải áp dụng những phương pháp có tính cách khoa học hơn, phương pháp trắc nghiệm.

* *

Ông Binet và quy tắc trắc nghiệm

Ở Pháp, tâm lý gia thứ nhất quan tâm tới vấn đề trắc nghiệm trẻ em là Binet. Năm 1896 ông đề nghị mở những lớp riêng cho những trẻ kém thông minh không thể học chung với những trẻ khác được. Tám năm sau ông được giao phó công việc tìm hạng trẻ đó trong các trường học. Không thể chỉ hỏi ý kiến các giáo viên mà quyết

định được rằng trẻ nào dần dần vì các giáo viên có thể chủ quan, lại có thể chịu ảnh hưởng của cha mẹ học sinh : cha mẹ ít ai chịu nhận rằng con mình kém thông minh và chịu cho chúng vào những lớp học riêng. Ông bèn nghĩ ra cách lập những trắc nghiệm để có thể đo được một cách khách quan sự thông minh của mỗi trẻ.

Sau một thời gian nghiên cứu ông và ông Simon lập ra được ba chục trắc-nghiem từ dễ tới khó để đo ký tính, sự chú ý, khả năng lý-luận, so sánh... của trẻ em.

Quy-tắc chính của phương pháp trắc-nghiem như vậy :

Một việc nào đó — dù tay chân hay tinh thần — đưa cho một số đồng trẻ em trong một tuổi T nào đó làm thử, mà có từ 60 tới 75 % trẻ em làm được ; đưa cho một số đồng trẻ em dưới tuổi T đó (chẳng hạn tuổi $T - 1$), thì không có tới 60 % làm được ; trái lại đưa cho một số đồng trẻ em trên tuổi T đó, (chẳng hạn tuổi $T + 1$) thì có trên 75 % trẻ làm được ; một việc như vậy được coi là đặc trưng của tuổi T đó.

Ví dụ : ta bảo trẻ em phân biệt trai hay gái. Trẻ em bốn tuổi (nghĩa là đủ 48 tháng) thì có từ 60 đến 75 % phân biệt được ; trẻ em 3 tuổi thì có độ 50 % phân biệt được ; còn trẻ em 5 tuổi thì có tới 90 % phân biệt được. Như vậy, sự phân biệt được trai gái là một đặc trưng của thời kỳ bốn tuổi.

Ví dụ khác : ta bảo trẻ đếm từ 1 đến 5. Trẻ em 6 tuổi (nghĩa là đủ 72 tháng) thì có 60 đến 75 % đếm

được, trẻ em 5 tuổi thì có độ 55 % đếm được ; còn trẻ em 7 tuổi thì có tới 95 % đếm được. Như vậy sự đếm được từ 1 đến 5 là đặc trưng của thời kỳ sáu tuổi.

Mỗi tuổi có nhiều đặc trưng như vậy ; một em bốn tuổi làm hết được những đặc trưng của thời bốn tuổi thì là phát triển bình thường ; nếu làm không được hết thì là chậm phát ; nếu chẳng những làm hết mà còn làm thêm được ít nhiều đặc trưng của những tuổi cao hơn (5, 6 tuổi) thì là phát triển mau, hoặc có thiên tư.

*
* *

Hai trắc nghiệm dùng làm ti dụ.

Có rất nhiều loại trắc-nghiem để đo tinh thần : loại dùng một lúc cho một số đồng trẻ em, như trắc nghiệm Buyse-Decroly (viết tắt là B-D) cho trẻ em từ 3 tới 7 tuổi mà tôi đã giới thiệu trong bài *Phương pháp trắc nghiệm* (Giáo dục phổ thông số xuân Canh Tý) ; trắc-nghiem Piéron cho những trẻ từ 9 đến 16 tuổi ; trắc-nghiem Terman cho những trẻ từ 11 đến 18 tuổi, trắc nghiệm Ballard cho những trẻ từ 8 đến 15 tuổi... ; và loại dùng riêng cho từng trẻ một, như trắc nghiệm Terman-Binet cho những trẻ từ 3 đến 18 tuổi.

Tôi xin giới thiệu dưới đây trắc nghiệm Terman Binet cho những trẻ 5 tuổi, tuổi vào các lớp mẫu giáo ở nước ta.

1^o So-sánh hai vật nặng. Người ta làm hai cái hộp bằng giấy dày, bề ngoài giống hệt nhau, một hộp nặng ba gam (gram-

me), một hộp nặng 15 gam. Người ta đặt hai hộp đó lên bàn, trước mặt đứa nhỏ, hộp này cách hộp kia từ 5 đến bảy phân, rồi người ta bảo trẻ : « Em thấy hai cái hộp đó. Một cái nặng, một cái nhẹ. Em cho qua biết cái nào nặng, cái nào nhẹ ». Nếu đứa nhỏ không nhắc hai hộp đó lên xem nặng nhẹ mà đoán bậy, vội trả lời liền, thì ta bảo em : « Không, phải cầm hộp lên như vậy này (người ta chỉ cho nó cách cân nhắc từng hộp một trên lòng bàn tay) ». Khi trẻ đã hiểu rồi, người ta hỏi nó ba lần, cứ mỗi lần lại thay đổi thứ tự của các hộp mà không cho nó biết, như vậy để loại trừ những câu đáp trùng do hù họa. Nếu nó đáp trúng được hai lần thì cho là được.

2^o *Trò bốn màu.* Đặt trước một trẻ bốn miếng giấy dài 6 phân, rộng 2 phân, màu khác nhau : đỏ, vàng, xanh da trời, xanh lá cây. Người ta trở từng miếng giấy một, theo thứ tự bốn màu đó và hỏi trẻ : « Màu này màu gì ? ». Trẻ phải gọi tên đúng bốn màu thì mới cho là được.

3) *So sánh đẹp xấu.* Lấy ba tấm hình, mỗi tấm vẽ mặt một người đàn bà đẹp và một người đàn bà xấu (chẳng hạn người thứ nhì méo miệng, người thứ nhất thì không ; một người mũi tẹt, một người mũi dọc dừa ; một người mặt bánh đúc, tóc rối bù, một người mặt thanh tú, tóc chải kỹ) rồi hỏi trẻ : « Trong tấm hình này, người đàn bà nào đẹp ? » Nó phải trả lời đúng cả ba lần mới cho là được.

4. *Định nghĩa bằng sự ích lợi.* Dùng những tiếng này : chiếc ghế, con

ngựa, đôi đũa, (1) con búp-bế, cây viết chì, cái bàn. Ta bảo trẻ : « Em đã thấy một chiếc ghế rồi chứ ? Em biết thế nào là chiếc ghế rồi chứ ? Vậy ghế là cái gì ? » Những tiếng kia cũng hỏi như vậy. Trẻ phải biết trả lời : Ghế để ngồi, ngựa để kéo xe. . . Sáu tiếng mà định nghĩa như vậy được bốn tiếng, thì cho là được.

5) *Trò kiến nhẫn.*



Cắt một tấm danh thiếp theo đường chéo thành hai mảnh rồi đặt trên bàn đúng như hình dưới đây. Sau đó đặt ở trên bàn xa xa một

chút, một tấm danh thiếp, khác chưa cắt, và bảo trẻ : « Em sắp lại hai miếng này làm sao cho thành hình tấm danh thiếp nguyên này » — (Trò tấm danh thiếp nguyên cho em) Cho nó thử ba lần, mỗi lần một phút. Sau mỗi lần, sắp lại những mảnh danh thiếp vào chỗ cũ. Nếu trẻ làm không được thì bảo : « Không, phải sắp hai miếng lại với nhau cho thành hình tấm thiếp này kia ». Chỉ nói vậy thôi, chứ đừng giảng giải gì cả. Trẻ phải thành công hai lần thì mới là được.

6) *Sai ba việc.* Ta dắt trẻ tới giữa phòng, bảo « Em làm việc này cho qua nhé. Em đem cái chìa khóa này đặt lên ghế đằng kia. Rồi em đi lại khép (hay mở) cửa kia ra. Sau cùng đem cuốn sách

(1) Nguyên văn là fourchette, tôi đổi như vậy cho hợp với trẻ Việt.

kia lại đây cho qua. (Mỗi lần, ta trở những vật đó cho em thấy). Em hiểu rõ chưa ? Để ý nghe này : *trước hết* đặt chìa khóa lên ghế, rồi khép cửa, *sau cùng* đem cuốn sách lại đây. Thôi, làm đi ». Nhấn mạnh vào những tiếng : *trước hết*, rồi, *sau cùng*, để trẻ rõ thứ tự ba công việc. Nếu trẻ làm xong một việc rồi mà do dự, suy nghĩ, thì mặc nó, nhất định không được nhắc nó : « Rồi làm việc gì nữa ?... Quên một việc rồi ». *Ba công việc đó, trẻ phải làm theo thứ tự đã định* thì mới cho là được.

Trẻ làm được *mỗi trắc-nghiệm thì tính là hai tháng*, được cả sáu, thì tính là 12 tháng, nghĩa là một năm. Và như vậy, sự phát triển về tinh thần của trẻ là bình thường.

Ta so-sánh trắc nghiệm Terman-Binet đó với trắc-nghiệm Buyse-Decroly dưới đây cũng cho trẻ năm tuổi, thì thấy trắc nghiệm B-D có phần khó hơn một chút, nhưng quy tắc cũng như nhau. Hiện nay trắc nghiệm B-D được thông dụng ở Pháp hơn.

Trắc-nghiệm B-D. cho trẻ 5 tuổi

1^o. Ý niệm về lớn nhỏ.

Lấy 5 cục phấn lớn nhỏ khác nhau, bảo trẻ trở cục nào nhỏ nhất. Hạn 5 giây, trở đúng thì được 1 điểm.

Cũng dùng cách đó. Nếu trẻ trở được một cây nào lớn nhất ở ngoài vườn, người nào lớn nhất, người nào nhỏ nhất trong phòng thì cho thêm ba điểm nữa, cộng là bốn.

2^o — *Hình*. Xét xem trẻ nhận được một hình vuông, một hình tam giác, một hình tròn không. Bạn thử ba lần, mỗi

lần đổi chỗ của mỗi hình đi, xem trẻ có thực là hiểu rõ không. Mỗi lần trở đúng cả ba hình thì cho ba điểm ; cộng ba lần là chín điểm.

3^o. — *Vẽ hình vuông*. — Hạn 15 giây, được 1 điểm. (Không bắt trẻ phải vẽ bốn cạnh bằng nhau. Như hình chữ nhật cũng cho là đúng. Miễn có bốn góc và gần ngay ngắn là được).

4^o. — *Dụng ngữ*. Nếu trẻ phân biệt được ngón tay dài, ngón tay ngắn, tóc dài, tóc ngắn, cây viết dài, cây viết ngắn thì cho ba điểm.

5^o. — *Ý niệm về số*. Bạn vẽ trên giấy khoảng 10 chùm nhãn, 5 chùm mỗi chùm có 4 quả, để cách xa nhau và xen với những chùm có 3 quả, 5 quả. Bạn bảo trẻ trở những chùm như chùm này : bạn trở một chùm 4 quả vẽ riêng trên một tờ giấy khác. Nếu trẻ trở đúng được 5 chùm trong 30 giây thì cho 3 điểm.

Bạn sắp trên bàn thành từng bộ : 4 cây viết chì, 3 cái gôm, 4 cuốn sách, 2 cái thước, 4 viên đạn, 3 cây viết mực, 4 cục phấn, 2 hộp thuốc, 4 cây quạt. Bạn bảo trẻ trở những bộ nào như thế này : bạn đưa 4 ngón tay lên. Đúng cả 5 bộ thì cho 3 điểm. Hạn 30 giây. Cộng hai lần là 6 điểm.

6^o. — *Định nghĩa bằng sự tích lợi*. Bạn trở một cái giường, một cây dù, một cái ve, hỏi trẻ ba cái đó cái nào dùng để ngủ. Trẻ đáp đúng thì cho một điểm. Hạn 5 giây.

Rồi trở một chiếc xe máy, một chìa khóa, một li nước, hỏi cái nào dùng để uống. — 5 giây. — 1 điểm.

CĂN ĐẶC BIỆT CHÚ Ý TỚI HẠNG TRẺ ANH TUẦN

Lại trở một cái ghế, một chiếc thang, một cái thùng rồi hỏi cái nào dùng để leo. Cũng 5 giây — 1 điểm.

Trắc nghiệm B-D gồm hết thấy 26 điểm; nếu được 2 điểm thì kể như một tháng, 13 điểm kể làm 6 tháng.

... Sở dĩ tôi trích dẫn thêm trắc nghiệm B-D đó để độc giả so sánh mà thấy rõ tinh-thần của phương-pháp trắc nghiệm rồi suy ra điều này: có nhiều lỗi trắc-nghiệm, phải thí nghiệm nhiều rồi mới biết lỗi nào hơn lỗi nào, lỗi nào hợp với trẻ em nước nào, miền nào hơn, và như vậy ta không nên quá tin vào kết quả của một lỗi nào, mà phải kiểm soát lại kết quả bằng sự nhận xét trực tiếp đứa nhỏ trong khi chúng chơi nữa.

*
* *

Bây giờ tôi xin trở lại lỗi trắc nghiệm Terman-Binet.

Như tôi đã nói lỗi trắc nghiệm đó dùng cho những trẻ từ 3 đến 18 tuổi. Dưới ba tuổi không có trắc nghiệm (1). Cứ mỗi tuổi, trẻ phải làm 6 trắc nghiệm.

Từ 3 đến 11 tuổi, hễ trẻ làm được một trắc nghiệm thì tính là 2 tháng. Vì dưới ba tuổi, không có trắc nghiệm, cho nên trẻ nào làm được đủ sáu trắc nghiệm hồi 3 tuổi, thì coi như là tinh thần được đủ 36 tháng.

Chung cho trẻ 12, 13 tuổi thì có 8 trắc nghiệm, mỗi trắc nghiệm được tính là 3 tháng; cộng cả lại là $8 \times 3 = 24$ tháng = 2 năm.

Chung cho trẻ 14 và 15 tuổi, có 6 trắc nghiệm, mỗi trắc nghiệm tính là 4 tháng; cộng cả lại là $6 \times 4 = 24$ tháng = 2 năm.

Chung cho trẻ 16 và 17 tuổi, cũng có 6 trắc nghiệm, mỗi trắc nghiệm tính là 6 tháng; cộng cả lại là $6 \times 6 = 36$ tháng = 3 năm.

18 tuổi, có 6 trắc nghiệm, mỗi trắc nghiệm tính là 6 tháng; làm được hết thì được 36 tháng.

Trên kia tôi chỉ trích dịch một trắc nghiệm về 5 tuổi, vì nếu trích dịch hết thì sẽ dài quá, vả lại có nhiều trắc nghiệm về dụng ngữ, về sự thưởng thức... cần phải sửa đổi nhiều rồi mới áp dụng vào trẻ em Việt Nam được. Mục đích của tôi chỉ là trình bày thế nào là *tuổi tinh thần*, là *số thương trí năng* và cách dùng *số thương đó để theo dõi sự phát triển về tinh thần của trẻ ra sao* hầu giúp độc giả thấy được sự ích lợi của phương pháp trắc nghiệm trong sự dạy dỗ trẻ em.

*
* *

Cách tính tuổi tinh thần và số thương trí năng.

Đọc đoạn trên độc giả đã hiểu cách trắc nghiệm ra sao rồi, bây giờ tôi xin chỉ cách tính *tuổi tinh thần* (age mental) của trẻ.

(1) Hình như hiện nay các nhà tâm lý học đã tìm được cách trắc nghiệm cử động của những trẻ em 1 và 2 tuổi để bổ túc phương pháp của Terman-Binet.

Tôi lấy thí dụ một em đúng chín tuổi, nghĩa là đủ $9 \times 12 = 108$ tháng. Tôi lại thí dụ rằng em ấy có vẻ khá thông minh.

Ta cho em đó làm ngay cả sáu trắc nghiệm về 9 tuổi, mà khỏi bắt em ấy làm lần lần những trắc nghiệm từ 3 tuổi trở lên cho tới 9 tuổi, vì nếu em làm được hết những trắc nghiệm hồi 9 tuổi, thì gần như chắc chắn rằng em có thể làm hết những trắc nghiệm của các tuổi dưới tuổi đó. Nếu ta còn nghi ngờ thì chỉ cần cho em đó làm thêm những trắc nghiệm hồi 8 tuổi, nếu làm được hết thì thôi, nếu không làm được hết thì mới cho làm lùi xuống những trắc nghiệm hồi 7 tuổi; trường hợp này rất hiếm.

Tôi thí dụ rằng em đó làm hết được những trắc nghiệm 9 tuổi, như vậy là tuổi tinh thần của em được $9 \times 12 = 108$ tháng rồi. Ta cho em làm thêm những trắc nghiệm 10, 11, 12, 13 tuổi. Kết quả như vậy:

- 9 tuổi : làm được hết 6 trắc nghiệm :
tuổi tinh thần của em là 108 tháng,
- 10 — : làm được bốn trắc nghiệm :
 $4 \times 2 = 8$ tháng.
- 11 — : làm được ba trắc nghiệm :
 $3 \times 2 = 6$ tháng.
- 12 — : làm được hai trắc nghiệm :
 $2 \times 3 = 6$ tháng.
- 13 — : không làm được trắc nghiệm nào.

Ta khỏi phải bắt em làm thử những trắc nghiệm hồi 14 tuổi, chắc

chắc là em làm không được. Ta cộng cả lại, được :

$$108 + 8 + 6 + 6 = 128 \text{ tháng.}$$

Như vậy tuổi tinh thần của em là 128 tháng.

Mà tuổi thực của em là 108 tháng.

Ta chia tuổi tinh thần cho tuổi thực :

$$\frac{128}{108} = 1,18$$

Số thương 1,18 gọi là *số thương trí năng* (tiếng Pháp gọi là *Quotient intellectuel*, viết tắt là Q. I, tiếng Anh là *Intelligence quotient*, viết tắt là I.Q.)

Muốn tránh những số lẻ, người ta nhân số thương với 100, nghĩa là đáng lẽ nó là 1,18 thì thành ra 118.

Tôi lấy một tỉ dụ khác.

Một em tuổi thực là 9 tuổi 10 tháng, nghĩa là $108 + 10 = 118$ tháng.

Em có vẻ không thông minh. Ta cho em làm tất cả những trắc nghiệm 9 tuổi, em chỉ làm được bốn trắc nghiệm thôi. Ta cho em làm tiếp những trắc nghiệm dưới 9 tuổi và trên 9 tuổi, kết quả như vậy :

7 tuổi : làm được hết 6 trắc nghiệm :
tính ra được $12 \times 7 = 84$ tháng.

8 tuổi : làm được 5 trắc nghiệm :
tính ra được $5 \times 2 = 10$ tháng.

9 tuổi : làm được 4 trắc nghiệm :
tính ra được $4 \times 2 = 8$ tháng.

10 tuổi : làm được 1 trắc nghiệm :
tính ra được $2 \times 2 = 2$ tháng

(1) Vì mỗi trắc nghiệm, hồi 12 tuổi, được tính là 3 tháng, như trên tôi đã nói, còn từ 11 tuổi trở xuống, chỉ tính là hai tháng.

CẦN ĐẶC BIỆT CHÚ Ý TỚI HẠNG TRẺ ANH TUẦN

11 tuổi : không làm được trắc nghiệm nào.

Cộng lại tuổi tinh thần của em là 104 tháng.

Tuổi thiết là 118 tháng, tuổi tinh thần là 104 tháng, vậy tinh thần em phát triển hơi chậm. Ta chia tuổi tinh

thần cho tuổi thiết : $\frac{104}{118} = 0,88$.

Muốn bỏ số lẻ, ta nhân với một trăm, thành 88 ; số thương trí năng của em là 88.

Một em nữa, tuổi thiết cũng là 118 tháng mà, làm trắc nghiệm xong, tính ra tuổi tinh thần cũng được 118 tháng ; hai tuổi bằng nhau, sự phát triển tinh thần của em vào hạng trung bình, mà số thương trí năng của em là :

$$\frac{118}{118} \times 100 = 100.$$

Dùng những trắc nghiệm và lối tính như vậy, ông Binet và những người cộng sự của ông đo tinh thần của hàng ngàn trẻ em, rồi lập ra bảng dưới đây để phân biệt trình độ thông minh của chúng :

Hạng	Số	thương	trí	năng.
Xuất	từ	0	đến	25
Đần	—	25	—	50
Kém	—	50	—	70
Tạm được	—	70	—	80
Bình thường	—	90	—	110
Trên mức trung	—	110	—	120
Rất thông minh	—	120	—	140
Gần như thiên tài	trên	140		

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Nhà xuất bản **NGUYỄN-HIẾN-LÊ**

12/30 Kỳ - Đồng — SAIGON

Mới cho ra bộ **HƯƠNG SẮC TRONG VƯỜN VẪN**

(gồm 2 cuốn)

của **NGUYỄN-HIẾN-LÊ**

Mỗi cuốn cuốn dày trên 200 trang **Giá : 50đ.**

- Toàn bộ gồm 14 chương phân tích cái ĐẸP
- và Kỹ-thuật tạo cái ĐẸP trong văn

Đương cho in

TƯƠNG LAI Ở TRONG TAY TA

cũng của **NGUYỄN-HIẾN-LÊ**

GIỚI THIỆU NƯỚC

HÒA LAN

T. Đ. G.

SỐNG đã lâu trong các gia-đình và có dịp đi thăm nhiều nơi ở Hòa-Lan tôi có được ít nhận xét mong trình bày để bạn đọc phê phán và so sánh với những điều tương tự ở nước nhà. Ngay trong xã hội nhỏ bé của nước Hòa-Lan sự khác biệt giữa dân cư các tỉnh không lọt qua được con mắt nhận xét của người ngoại quốc. Ở Limburg tỉnh người cỡi mớ vồ vập lúc ban đầu, người phía Bắc lạnh - lùng hay ngờ vực. Có những tỉnh như Valtenburg, Maastricht trong ngày chủ nhật nhộn nhịp bao nhiêu, nhí nhảnh với những quần áo sặc sỡ của du khách bao nhiêu, thì cũng có những miền như Staphorst im lìm ảm đạm, không tiếng chuông xe đạp, không tiếng cười đùa, mọi người ngồi sau khung cửa, dành cả ngày cho Chúa.

Chúng tôi không học về văn, sử của Hòa-Lan nên chỉ muốn thuật lại hiện

độc giả những nhận xét những điều được mục kích. Những bài sau đây không có giá - trị của một tác - phẩm nghiên-cứu vì đã có nhiều sách của các học giả uyên bác, cũng không có ham vọng bao hàm mọi vấn đề. Chúng tôi muốn giới thiệu nếp sống của người Hòa-Lan qua nhận-xét của một *du khách*. Nhưng du khách đã có may mắn sống trong nhiều gia-đình, đã được tiếp xúc với nhiều tầng lớp phân chia rõ rệt của xã-hội nhỏ bé này.

Chi bằng mời độc-giả cùng tôi đi vòng quanh Hòa - Lan rồi sau cuộc hành-trình ngắn ngủi nghỉ lại một tỉnh nhỏ nhắn xinh xắn để kiểm điểm lại những nhận xét lý thú, hay ôn lại những mẫu chuyện ngộ-nghĩnh thoáng qua bên tai trong tiệm uống, trong những cuộc đàm-thoại hàng ngày.



Nước Hòa - Lan

80 dặm dưới mực biển.

Trước khi bắt đầu cuộc hành-trình du-khách nên quên những thành kiến cho người Hòa-Lan nào cũng bụ bẫm vì phở mát, đàn ông là lớp cộp đôi giày gỗ và đàn bà sừng-sính trong chiếc áo đen quét hẻ, cũng như người Việt-Nam đều nhuộm răng, đàn ông đều có búi tóc.

Để nhìn rõ những đặc điểm của Hòa Lan không gì bằng thuê một chiếc xe hơi rồi khởi hành từ nước Bỉ, ngó qua nước Đức một chút nữa, trước khi thực thụ tiếp xúc với Hòa Lan. Sự khác nhau không nhỏ. Ở Bỉ đường xá bẩn thỉu nghèo nàn, nhà cửa không xây cất theo kế hoạch, cái sát lề đường, cái bị rêu xanh phủ, nhiều cái e-thẹn trốn sau chiếc vườn hoa đầy cỏ dại. Xe sóc như chạy qua đồng ruộng. Trẻ con nhem nhuốc chơi đùa quanh chiếc xe Mỹ tối tân. Sang tới

Đức đường xá sạch sẽ rộng lớn hơn. Xe cộ đi lại cũng thứ tự hơn, những nét mặt cũng thông minh hơn. Trời như sáng lên một chút. Nhà cửa phần nhiều mới cả, dấu vết của một chiến tranh khốc liệt đã được hàn gắn kỹ lưỡng. Hình ảnh của nước Đức hiện tại là hình ảnh của một nước phú cường, nhiều năng lực, nhiều tham vọng, trẻ trung và vui sống. Người Đức đủ tiền để du lịch trong nước và xuất ngoại. Thanh niên rong ruổi trên chiếc xe đạp, không ngại đường dài, chốc chốc ngừng đạp lau mồ hôi trán, uống ngụm nước lã. Tối nghỉ lại quán trọ cho thanh niên, họ đưa nhau ca hát sau buổi cơm nghèo, bánh đen phếp bơ, cà chua chấm muối. Du khách không khỏi thán phục sức sống mãnh liệt tung bừng trên mọi chỗ. Một cuộc sống mới bùng lên, cùng với một chí cương quyết muốn xóa bỏ những dấu vết của cuộc chiến tranh điên rồ, lung lay cả trái địa cầu và vùi sâu xuống lòng đất 55 triệu nhân sinh. Người Đức cố đuổi kịp và đang vượt mức sống của các nước khác ở Âu-châu.

Sang tới Hòa-Lan đời sống như chậm lại. Người Hòa-Lan không chênh mảng như người Bỉ, chênh mảng về ăn mặc, trong công việc làm, cũng không náo nức như người Đức. Dường như họ muốn kéo dài mãi cảnh sống thanh bình sung túc trước hồi chiến tranh, khi Nam-Dương quần đảo còn là nguồn lợi lớn cho họ, và họ còn ngang hàng với những cường-quốc có thuộc địa. Họ luôn luôn lo cho tương lai.

Phố xá sạch sẽ, gọn gàng, tự nhiên khách du-lịch có ý nghĩ so sánh những

tỉnh nhỏ của Hòa-Lan với một cô gái xinh xắn nhưng không nhí nhảnh. Nhà cửa không cao tuy mới và tẻ nhạt và cả phố chỉ có một kiểu nhà, song họ không quên trồng hoa, trồng cỏ để tránh vẻ trơ trọi. Kỹ-nghệ biểu hiệu trên các nóc nhà. Ăn-teng của các máy thu hình chẳng chịt như tơ nhện. Nhưng bên cái mới họ không quên những kỷ-niệm thanh-bình xưa. Bên góc chợ chiếc Orgue de Barbarie phát vang lên những điệu nhạc vui gọi các bà nội-trợ đẩy xe cho con ra phố. Bác bán sữa vỗ về con ngựa già đương phải khó nhọc kéo chiếc xe nặng bơ sữa phó mát. Vài phút sau một đội nhạc trống chiêng ầm ĩ báo cho nhà bưu-chính mới đã mở cửa. Hoặc nữa một ông già đứng thưởng thức con cá hareng đầu tiên trước những con mắt thèm thuồng. Hoa nở lên mọi chỗ. Mùi hương thoang thoảng như hư giả xa xăm, hoặc kín đáo như những vườn cảnh quanh những biệt thự giàu sang.

Hòa-Lan chưa bằng 1/10 Việt-Nam nhưng dân số gần bằng nửa. Người Hòa-Lan thích có nhà riêng trong khu phố có những người cùng địa vị xã-hội với mình, để có thú điền viên, để tích cây cảnh lạ hay bày điệu trong nhà những kỷ-niệm của cha ông, nên đất trống rất hiếm. Quá nửa diện-tích toàn-quốc ở dưới mực bề nên người Hòa-Lan phải luôn luôn tranh đấu với bề để đòi lại từng tấc đất bị bề chiếm hồi đầu kỷ nguyên và luôn luôn để ý tới những cơn giận bất ngờ của con thú dữ mà tới năm 1953 họ hưởng đã hoàn toàn thuần-phục được. Trận bão khủng khiếp đêm 31-1 rạng 1-2-1953 với 1.800 người bị chôn xuống lòng bề nhắc

rằng họ vẫn chỉ đang sống bấp bênh trên một cái mảng nhỏ mà thôi. Những công trình xây đắp vĩ-dại làm cho họ nổi tiếng hoàn cầu. Như con đê Afsluit-Dyk dài 32 cây số, rộng 90 thước và cao 7 thước trên mực bề ngăn vũng bề thành một hồ lớn. Những đập không kém vĩ đại ở miền Zélande giữ ngon giắc ngủ của các bậc tuổi tác, hoặc con đê chạy vòng quanh một đảo lớn trong hồ IJSSEL.

Du khách nhiều khi phải tự hỏi một câu ngây thơ : — tại sao họ có những ý tưởng vĩ đại trong khi cảnh vật không có gì hùng vĩ, say sưa. Hai điểm xa nhất cách nhau chỉ gần 300 cây số, điểm cao nhất không quá 300 thước, tỉnh to nhất Amsterdam chỉ đếm được 800 ngàn người. Phải chăng họ còn ôn lại những trang sử oanh liệt của mấy thế kỷ trước, khi còn hùng bá trên bốn bể năm châu, trên các thuyền mạnh nhất lớn nhất, và chủ tể trên một vài đất xa xôi từ Á sang Mỹ.

Cuộc hành-trình khởi đầu từ Limburg. Kẹp giữa Bỉ và Đức, mẩu đất nhỏ này đem cho người Hòa-Lan một nguồn lợi đáng kể, và một nơi chấy hội cần thiết cho người Hòa-Lan nào không chịu mang tiếng ít đi xa. Mỏ than ở Limburg cung cấp đủ cho nhu cầu của kỹ nghệ nặng và làm nặng thêm cán cân xuất cảng. Đồi thông, đồi cỏ làm cho cảnh vật đỡ tẻ nhạt. Tuy là vùng mỏ song trời trong sạch không đen khói nên người Đức, người Bỉ thường qua đó mua áo quần, vải vóc và trở tài uống bia trong các tiệm uống còn giữ được cách trang hoàng cổ kính.

Men theo biên giới Đức, khách tới Gueldre một miền rất đẹp. Tỉnh lớn

Arnhem nổi tiếng về khung cảnh xung quanh quây rừ cũng có mà cũng vì những trận giao tranh trong trận đại chiến 39-45. Gần đây người Arnhem còn kiêu hãnh nhắc nhở tới tài tử Audrey Hepburn đã qua thời thơ ấu ở đó. Arnhem đã được ví như hạt ngọc, có phần nào đúng. Chung quanh có một vài đồi cao (khoảng 100 thước), có rừng cây thưa thớt. Không người nào không kiêu hãnh về National Park. Một khu rừng thưa có đường nhỏ cho du-khách lái xe xem chim trĩ kiếm ăn hay nhìn đàn nai đàn hoẵng giật mình ngơ ngác khi nghe tiếng cáo chạy. Giữa National Park bảo tàng Kroller Muller mới tinh sáng lên như một kho tàng dưới ánh đèn của nhà thám hiểm. Một kho tàng chứa 264 họa phẩm bất hủ của nhà họa sĩ vô song Van Gogh. Sau vài giờ tản bộ bên ngoài và mấy giờ lâu trong bảo tàng sáng sủa, những cá-nhân lạc lõng trong xã hội kỹ nghệ hóa tìm lại được niềm sống và thanh tĩnh cho tâm hồn. Vườn sau bảo tàng nhiều tượng đá ngồi nhìn đàn cá chép lớn lên tranh ăn bánh mì do khách thả xuống.

Quá lên phía bắc, đồng ruộng bằng phẳng, dân cư nghèo nàn. Xa xa vài chiếc cối gió (moulins à vent) đứng im lìm như con bò nằm nhai lai. Một chiếc tàu bẻ nhỏ lạc đường len lỏi trong lạch sông đào như đồ chơi thúng tám, buồn bã trang nghiêm, mặc cho tàu hỏa chạy điện tung tăng vun vút ở đằng xa. Hai tỉnh phía bắc Friesland và Groningen có vẻ văn minh hơn. Tỉnh Groningen cổ kính và tránh được bom đạn nên còn giữ được nhiều nhà kiểu cổ. Friesland có nhiều lạch nhỏ, có nhiều

hồ rộng nơi gặp gỡ của khách chơi thuyền buồm. Ngày ngày phà chở khách ra các đảo nhỏ để tùy họ nhàn tản bách bộ dọc bờ biển đầy đồi cát hay nằm ngủ trong các bãi cỏ rậm. Người ta kể nhiều chuyện lạ về Friesland. Nào người vùng này kỳ lạ, có tiếng nói riêng, có báo chí riêng, và muốn tách ra khỏi Hoà-Lan, nào họ hủ lậu dā-man. Sự thực có lẽ chỉ vì sự sung khác giữa tôi Thiên Chúa ở phía Nam và tôi Tin Lành ở phía Bắc, danh giới là sông Maas. Họ còn nhớ những thù hằn hồi thuở còn bị Bồ Đào Nha chiếm đóng.

Con đê khổng lồ Afsluit - Dyk là một cầu nối Friesland với miền bờ bể phía tây. Qua con đê xuống phía Nam, đời sống sung túc nhộn nhịp hơn. Vùng này tiêu biểu cho Hoà-Lan vì nhiều lẽ : đầu tiên tên vùng đó Holland — Holland có nghĩa là cái lỗ ở đất, trùng với tên cả nước. Du khách có cảm tưởng như hòa vào đời sống của người Hoà-Lan. Rồi Volendam. Edam còn giữ được những áo quần cổ, trong đồng cỏ xanh đậm bát ngát, đàn bò cổ sức ăn không hết. Đây là chợ Alkmaar mỗi sáng thứ sáu vàng ối lên những thúng phó-mát từ mọi tỉnh nhỏ dồn về. Đây vườn Kenkenhof hoa nở tung bừng, mỗi năm chỉ một hai tuần, những đồng hoa, vàng, đỏ, trắng, xanh, tím liên tiếp như một bức-họa trừu tượng. Đây chợ hoa Aalsmeer, mùa nào hoa ấy nhà buôn lành nghề hay các bà nội trợ ngồi trong amphithéâtre thưởng thức cốc cà-phê nóng trong khi các xe hoa lần lượt diễn qua, giá cả yết trên bảng điện tròn trên tường. Đây là Kinder-



Một sáng chủ nhật

dijk bằng phẳng lạnh lùng, mấy chục chiếc cuộn nước (moulins à eau) đứng im lìm ngấm công-trình đã làm : tát nước mặn ra bể. Baudelaire nghĩ đến miền này khi viết bài : invitation au voyage.

Vùng này có các tỉnh lớn nhất, đẹp nhất giàu nhất. Amsterdam có vẻ kinh đô hơn kinh đô. Phải hiểu Amsterdam, nghĩa là ở lại lâu, mới thấy Amsterdam đẹp, vì có nhiều cái đẹp ẩn nấp. Cũ và mới tranh giành nhau. Nhà cửa ở tập trung, đồ sộ nhưng không đồng loạt như những ngôi nhà ở ngoại ô phía tây. Nhiều bảo tàng lớn như Ryksmuseum hay Stedelijk Museum, nhưng không lớn như « Le Louvre » hay bảo-tàng ở Luân Đôn. Bảo tàng Rembrandt hais nhỏ hơn, giống hệt như mọi nhà khác trong phố. Có Rembrandtplein nơi nghỉ chân của mọi du khách, ngồi nhìn người qua lại hay nơi làm việc của các họa-sĩ bắt trước các đồng nghiệp ở Place du Tertre ở Ba-Lê. Có những phố nhỏ quanh co, những phố lớn mát rượi trên là cây xanh, dưới nước lạch. Số lạch đào tới 70 chiếc như trò chơi độc đáo để thử kiên nhẫn của du khách. Nhiều người phát câu đâm xe xuống nước vì không tìm ra

khách sạn. Có những truyện thơ mộng, như nước các lạch đào là do nước mắt của chinh-phụ xưa kia nhớ chồng chinh-chiến trên bể xa ngồi khóc đến nổi nước mắt ngập cả lạch sông tràn ra bể.

Rotterdam và Amsterdam không ưa nhau. Amsterdam chê Rotterdam không văn vật, có óc buôn bán mà không biết cách sống. Rotterdam kiêu hãnh tự cho mình tiến hóa hơn, tối tân hơn và không quên tự nhắc nhở là một hải cảng thứ nhì thế giới, làm giàu cho cả nước. Trận bom 1940 đã san phẳng và đốt sạch trung tâm tỉnh, nên các kiến trúc-sư được may mắn thử những kiểu nhà trọc trời của các nước Châu Mỹ. Rotterdam cũng nhận thấy các câu phê-bình của Amsterdam có phần đúng, vì vậy đã mở Euromast, vườn triển-lãm hoa, mỗi năm Floriade khoảng tháng 5 kéo thêm được ít khách du-lịch. Một tháp cao 50 thước cho du-khách một cao điểm để ngắm suốt hải cảng.

Các thương-gia lớn thường có nhà riêng ở La Haye, cách Rotterdam 23 cây số, 15 phút xe hơi, kinh đô của Hòa-Lan và tỉnh của người giàu sang, gấp thời. La Haye có vẻ xa xỉ, quý phái. Có biệt thự của Hoàng-gia, tuy biệt thự luôn luôn bị bỏ trống. Có nhiều công thự nghiêm trang. Một tỉnh nhỏ tí hon Madursdam không phải dành cho trẻ nhỏ ở đó tất cả đều chép theo thật, theo tỷ lệ 1/20, có tàu hỏa đỗ trong ga, có tàu thủy giao thông trông lạch đào, có chuông nhà thờ điểm giờ... La Haye có bờ bể nghỉ mát Scheveningen, với casino, với khách sạn hầu hết dành cho khách sang trọng, hoặc thuê 5, 6 tháng trước. La

Haye không để ý đến cuộc cãi cọ giữa Amsterdam và Rotterdam.

Ba tỉnh tập trung cả của cải và tài năng của Hòa-Lan. Kỹ-nghệ tập trung rải rác từ Amsterdam. Đóng tàu bay (Folkker) ở Schiphol, lọc dầu hỏa ở Pernis. Các hãng lớn Esso, Shell, B.P. thi nhau xây cất các xưởng máy lọc tối tân trên các cửa sông lớn.

Giữa La Haye và Rotterdam, Delft nhỏ nhắn và hơi bản như một bà già biếng trang sức. Có thể so sánh Delft với một nhà bác học hay một nghệ sĩ đầu bù, vì chính Delft cũng như một mảnh óc của Hòa-Lan. Hầu hết các kỹ sư của Hòa-Lan đều ở Delft ra. Họ được các hãng lớn tranh nhau đón rước cũng như đồ sứ ở tỉnh đó được khách chơi sành điệu tranh nhau mua cho được.

40 cây số về phía nam Amsterdam, Utrecht hiền lành, để Eindhoven hoạt động và linh lợi tranh hàng thứ tư. Song Utrecht còn giữ được nhà thờ cũ, được những tiệm ăn trong khung cảnh đặc biệt. Trường Đại-học cổ cũng tăng đôi chút lòng kiêu hãnh của họ và làm nặng thêm ý nghĩa cái nhìn từ cao đối với tỉnh Eindhoven với vẻ khoe khoang của kẻ gặp thời mới giàu.

Ngang với Amsterdam, Haarlem không có gì thúc đẩy nên mới bị Eindhoven cướp mất hàng thứ năm. Dù sao du khách cũng không quên được bảo tàng chứa các giai phẩm của Frans Hals.

Zélande kế tiếp với Hollande Sud là một quần đảo nhỏ. Tay người đang thay đổi quần đảo thành đất liền, cửa sông lớn trở thành hồ nước ngọt để khách chơi thuyền miền nam đỡ phải đi xa lên

phía bắc. Vhissingen, hải cảng đóng tàu, xinh xắn, vì không sầm uất.

Quay xe về phía tây du khách lần lượt qua Roosendaal, dễ nhớ vì đi tàu từ Ba-lê sang Eindhoven phải đổi ở đó, Breda, Tilburg và Eindhoven. Câu chuyện sau đủ tả tỉnh Eindhoven: Một khách đến Hòa Lan thăm các công xưởng kể lại cho người bạn Hòa Lan, tôi đã thăm Philips ở Eindhoven... người kia cắt lời: xin lỗi anh, Eindhoven ở trong Philips. Mà thực thế, 50 năm về trước Eindhoven chỉ là một làng nhỏ, chừng vài nghìn xuất đinh, nay đứng hàng thứ năm với 170 ngàn. Nhưng trong số đó thì 39 ngàn là thợ của Philips, cộng với gia đình họ nên người chịu ơn Philips rất nhiều. Từ một túp lều nhỏ, Philips đã bỏ thói bóng đèn điện mà lập nên một tỉnh lớn, có xưởng máy trên hơn 50 nước khác. Các dinh thự, xưởng máy của Philips đồ sộ, sừng sững đe dọa các nhà khác. Philips chi phối đời sống của tỉnh. Các cửa hiệu mong ngóng ngày Philips trả lương để mở cửa thêm tối thứ bảy, Philips có nhà hát riêng, có trường riêng, có bãi thể thao riêng, mở thêm công viên để dân tỉnh được hưởng nhờ.

Sát Eindhoven có xưởng đóng xe hơi, bán riêng cho thợ trong xưởng và một vài người Hòa-Lan có lòng ái quốc không chịu dùng hàng ngoại-hóa. Vùng này còn có vài xưởng may quần áo và quán thuốc lá: tuy dân Hòa-Lan hút thuốc nhiều nhưng cũng thừa nhiều để bán ra nước ngoài.

(còn tiếp)
T. G. Đ.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIETNAM)

Số vốn : V.N. \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hà-n-Nghĩ

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐAM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ** **NGÂN-HÀNG**

— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135, Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
(ex Charner)
Téléphones : 24.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Dudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

CỔ - LIÊU

TƯƠNG LAI

SINH ĐỘNG HỌC

NĂM 1921 một văn sĩ Tiệp-Khắc K. Tchapek tạo ra một nhân vật tiểu thuyết đặt tên là Robot (người máy) có hình dáng người, có thể nghe lời sai bảo làm đủ mọi việc như người. Nhân vật tiểu thuyết chẳng bao lâu được mọi người biết và thành một danh từ chung để chỉ máy móc biết tự động điều khiển như người.

Từ nền cơ khí cổ điển
đến máy tự động.

Đã từ lâu, loài người đã chế tạo ra dụng cụ rồi máy móc để thay thế sức lực của bắp thịt, và làm việc mau lẹ hơn, chắc chắn và tinh vi hơn; tuy nhiên máy vẫn phải do

người điều khiển. Đến giữa thế kỷ thứ 20 sự điều khiển đã có thể thi hành một cách gián tiếp, nhờ những máy tự động đo lường thay thế các máy kiểm soát và đo lường cổ điển. Những máy ấy thu thập tài liệu, biến thành luồng điện đưa vào cho máy điện tử phân tích và quyết định cách điều động máy. Tiềm lên bước nữa: Khi nào máy có khả năng thu thập lấy tài liệu, chuyển hoá thành luồng điện, xử dụng những luồng điện ấy như ta vận dụng trí suy xét của ta để phôi trí công việc, ấn định kế hoạch thì người có thể rút lui, giao phó hoàn toàn mọi việc chỉ huy và thừa hành cho máy. Các kỹ sư có thể làm ra những

máy để giao phó cho mọi loại công việc mà đạt những mục tiêu nhất định, không cần người chỉ huy, hay ít ra chỉ cần người lúc đầu để lập một bảng kê những tài liệu cần thiết và ấn định chương trình xử dụng những tài liệu ấy, nghĩa là lập một quy chế cho máy.

Như vậy máy tự động điều khiển đã thay thế máy cổ điển, máy sẽ thay đổi bộ mặt đời sống, con người sẽ đứng trước một tình trạng mới.

Khoa học mới mẻ này được gọi là sinh động học, tiếng Pháp là Cybernétique, do sự Pháp hóa tiếng Kuberman (điều khiển) của Hi-Lạp. Người Hi-Lạp đã biết rằng muốn điều khiển phải tập hợp đủ tài liệu để hiểu biết và quyết định. Trong hồi đại chiến, Norbert Wiener dùng chữ sinh động để chỉ những loại máy nhờ kỹ thuật tân kỳ, biết tự động điều khiển. Chẳng bao lâu danh từ trở nên phổ biến cũng như khoa học ấy. Khoa học sinh động phát kiến những hệ thống thu thập tài liệu, phân tích và phối hợp hoạt động để có thể làm những loại công việc trước kia chỉ có loài vật thượng đẳng (người) mới làm được. Khoa học này đã lập được sự liên lạc giữa sinh vật học và lý học. Lý học cổ điển mới là khoa học nghiên cứu tính cách đặc thù của sự vật riêng rẽ, nguyên tắc sinh động học là nghiên cứu sự liên lạc, sự hỗ tương tác động của sự vật căn cứ vào tính cách đặc

thù của sự vật nhằm mục tiêu sáng tạo.

Sinh động học và sự tự động hoá kỹ nghệ.

Giữa lý thuyết gia sinh động học và kỹ sư sinh động đã có sự bất đồng ý.

Lý thuyết gia muốn sáng chế ra những người máy hoàn toàn, thầy được, nghe được, hiểu được như người máy của tiểu thuyết gia Tchapek. Nhưng kỹ sư đứng trên lập trường thực tiễn, rùng mình trước giá tiền một người máy như thế, nên chỉ thực hiện những kiểu người máy đơn giản, giá rẻ hơn, chuyên thu thập một loại tài liệu để thực hiện một loại công việc nhất định mà thôi.

Trong quan niệm ấy, các kỹ sư sinh động của giới kỹ nghệ phân chia người máy ra từng loại theo thứ bậc quan trọng của công việc chúng phải giải quyết, như vậy có thể tận dụng được khoản tiền chi phí để chế tạo người máy.

Công việc giản dị nhất của người máy là thu thập tài liệu để quyết định « có » hay « không ».

Máy lạnh thường dùng trong nhà cho ta một ý-niệm về sự quyết-định ấy. Mục-dịch của nó là giữ cho nhiệt-độ ở trong máy lạnh không lên quá một mức độ nào. Vậy máy có một bộ phận gọi là thermostat thu thập tài liệu về nhiệt-độ, nếu nhiệt độ lên tới mức tối đa thì quyết

định đóng « công-tác » vào cho máy lạnh hoạt-động để hạ xuống.

Từ chỗ đơn-giản ấy người ta đòi hỏi dần người máy từng quyết-định phức tạp hơn. Linh hồn của người máy là bộ óc điện-tử. Có nhiều bộ phận thu thập nhiều loại tài liệu đem lại cho óc điện tử phân tích và quyết định. Tài liệu thu thập càng nhiều, sự phân tích càng phức tạp, vì vậy giá tiền máy cũng phức tạp, vọt lên một cách kinh khủng.

Bị chi phối bởi phương diện tài chánh đó. Kỹ thuật gia buộc lòng phải nghĩ đến những trang bị kỹ nghệ đòi hỏi sự quyết định của những bộ óc điện tử đơn giản cho đỡ tốn. Kỹ nghệ dầu hỏa và kỹ nghệ hóa học đã có những máy hoàn toàn tự động điều khiển. Trong các lãnh vực khác, vấn đề không phải là tự động hóa lẻ loi làm việc hiện giờ, mà phải bắt đầu giản dị hóa lẻ loi trước đã, nhiên hậu mới tìm phương pháp tự động hóa.

Sinh động học và tâm lý học

Thái độ của lý thuyết gia ngược hẳn lại quan niệm của kỹ thuật gia. Sinh động học đòi hỏi họ chỉ đạt được mục tiêu trọng đại khi có hoài bão phức tạp hóa dần người máy để người máy có những khả năng phổ biến theo hình ảnh người thật.

Họ theo đuổi một loại nghiên cứu khác. Đó là công việc của người chuyên gia toán điện tử. Các nhà phân tâm học, não cân học, sinh vật học, cũng chú trọng đến sinh động

học để nhân đó nghiên cứu sinh vật học với một tinh thần mới mẻ.

Rosh Ashby làm ra một bộ máy có thể tự lập lại thể thăng bằng khi bị kích động làm cho ngửa nghiêng. Ta còn thấy xuất hiện những con vật điện tử: Năm 1928 chó máy Philidog ra đời. Năm 1948 đèn lợt rùa máy của Grey Walter, rồi cáo điện tử của Albert Ducrocq.

Người máy biết tùy điều kiện ngoại giới mà thay đổi cách đối phó, nó đã có phản ứng. Người máy biết ghi nhớ tài liệu để sau này đem ra xử dụng, nó có trí nhớ.

Sự tiến triển đó đưa người ta đến trước một vấn đề rất gay go: người ta tự hỏi những cơ cầu của bộ óc người, của các cơ quan sinh vật rồi đây có thể phân tích để biết cách tác động và theo mẫu thiên nhiên ấy, cầu tạo những bộ máy nhân tạo tương tự được không? Nếu có thể được, thì người máy biết cảm nghĩ như người thật không còn là một chuyện hoang đường. Người ta sẽ cầu tạo những bộ máy có trí thông minh hơn loài người. Trên trái đất sẽ xuất hiện một giống siêu nhân nhân tạo.

Kỹ thuật sinh động còn ấu trĩ

Tuy nhiên hãy còn một vực thẳm ngăn cách những thực hiện của sinh động học ngày nay với người máy lý tưởng có khả năng toàn diện và phổ biến như người.

So sánh với máy tính điện tử thì óc người tính chậm chạp hơn

nhieu. Nhưng óc người là bộ máy ngoại hạng, trước hết về khả năng thu thập tài liệu phức tạp kinh-không. Óc điện tử tuy tính toán nhanh nhưng chỉ phải điều động một số ít tài liệu. Óc người tuy chậm nhưng điều động một số tài liệu phức tạp và bề bộn vô cùng. Sau hết, cơ cấu truyền tin của óc người phức tạp và nhiệm mầu quá sức tưởng tượng. Mắt người có một hệ thống thu thập tài liệu gồm hơn 100 triệu tế bào, và một hệ thống phân tích tài liệu gồm 15 tỷ não bào. Và chẳng cũng không thể so sách hiệu lực của óc người với óc điện tử, làm như vậy chẳng khác nào so sánh Volt với Ampère về điện học.

Đó là hiện tình khoa học điện tử. Câu hỏi đặt ra cho ngày mai như sau : người máy có thể mở rộng phạm vi thu thập tài liệu bằng người thật được không ?

Mới đây, căn cứ vào sự ước lượng con số những bộ phận máy điện tử ráp lại để thu thập đủ tài liệu như óc người, người ta tiên liệu rằng hy vọng đó chỉ là mơ tưởng hão huyền. Nhưng khoa học đã tiến triển mau chóng từ khi xuất hiện kỹ thuật chế biến tinh-thể (cristal). Có thể biến tính một tinh-thể nhỏ cách nào để cầu thành một thứ phóng âm ba tí hơn. Một triệu tinh thể như thế chỉ lớn bằng một phân-khối, một lít chứa được 1 tỷ tinh thể. Với kỹ thuật điện tử tân kỳ này, trên lý thuyết, người ta có

phương tiện thực hiện được một hệ thống thu thập tài liệu gần với óc sinh vật.

Tuy nhiên, dù có thể làm được chất xám nhân tạo của khối óc như thế cũng chưa thể nói rằng người ta sẽ làm được óc người nhân tạo. Óc người có khả năng phân tích hàng triệu cảm giác do ngũ quan đưa lại trong một giây đồng hồ, để phác lại trong trí hình ảnh thế giới bên ngoài.

Như vậy óc người phải có những « Khu-vực tinh-thần » biến đổi cảm giác cụ thể thành ý-niệm trừu-tượng và tác-động đến phần trừu tượng ấy.

Sự khuyết điểm của óc người chỉ là óc tác động chậm chạp một cách ngao ngán. Chúng ta phải mất hơn một phút để cộng 20 hàng số 3 con. Khi phải đề cập tới vấn-đề luân-lý thuần-túy chúng ta còn chậm chạp nặng nề hơn.

Người ta đề-nghị làm ra những máy có khả năng tái tạo ngoại giới như óc người, biết nhận ra kẻ quen người lạ, biết đọc, biết viết. Những máy móc ấy sẽ có công dụng lớn, có thể ứng dụng từ việc lựa thư bưu điện đến tính toán công việc ngân hàng. Nhưng đây chỉ là cạnh khía ích dụng nhỏ hẹp. Sự hứa hẹn huy hoàng của chất xám óc nhân tạo là khả năng vận dụng những ý-niệm trừu-tượng, nghĩa là suy nghĩ được. Với kỹ-thuật ngày nay người ta đã thực-hiện được những máy tính điện tử có thể làm trong 1 phút

CÔ - LIÊU

những bài toán mà óc người mất hàng năm mới làm xong.

Nhìn về tương lai

Song song với sự tiến triển kỹ nghệ tự động hóa đã xuất hiện một « kỹ nghệ cầu tạo trí khôn nhân tạo », dấu hiệu báo trước một chuyển hoán lớn lao trong lịch sử nhân loại khi mà nhân loại có phương tiện tăng cường hiệu lực của tư tưởng mình lên gấp bội.

Nói như vậy nghĩa là nói rằng văn minh nhân loại sẽ bước vào giai đoạn toán học. Tất cả các tài liệu trên các lãnh vực kinh tế, chính trị, xã hội sẽ thu thập lại đưa cho máy phân tích, tổng hợp, đặt thành vấn đề và giải quyết. Giải pháp do máy

mang lại được cái may là không bị ảnh hưởng tình cảm làm thiên lệch, sẽ công bình, chắc chắn hơn xét định của óc người. Những giá trị mới của đời sống sẽ phát sinh. Văn hóa cũng có thể nhờ máy mà tiến mau. Nhà sử học có thể nhờ máy từ những di tích cổ suy diễn để thấy lại cả một dĩ vãng xa vời. Những hình thức văn nghệ mới sẽ xuất hiện. Tuy nhiên, cái mà ta không thể tiên liệu được là máy suy tưởng sẽ làm phát hiện những hình thức tư tưởng hoàn toàn mới lạ mà óc con người hiện đại không thể nào quan niệm được.

CÔ-LIÊU

Thuật theo Albert DUCROCQ (Arts
số 854 (6-2-62).

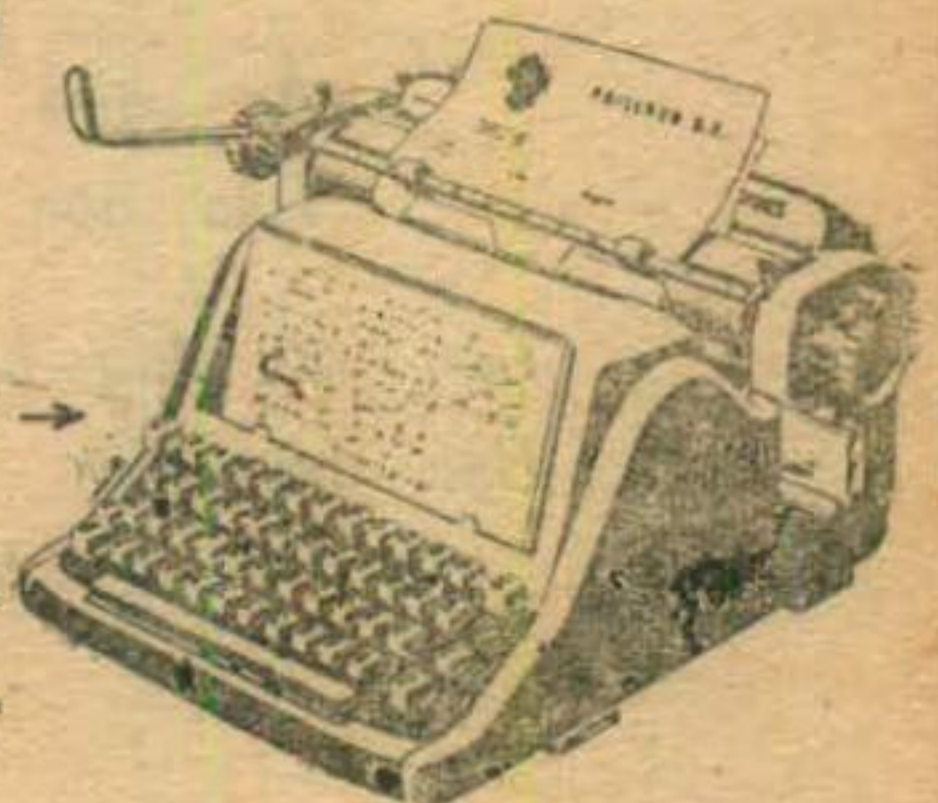


LOẠI XÁCH TAY

HIỆU

HERMES

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in J.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Khỏa nước tìm trăng
Hái cỏ dọn đường
Xây núi vun từng hạt cát
Trồng hoa quên sống đợi ngày mai
Vui buồn vui mây tan mây bay

Qua cơn giông mắt cả dầu giầy
Dụi tiếc

nhặt thơ vùi giắc lửa
Niềm riêng cũng đốt
Tro bụi về đâu

Khói quặn đen kia chưa dẹt đủ tháng năm sầu
Khi những bóng cảnh như tay như chân
Khi những nảnh trời xuân

trụi lá

Góc đời cũ đứng thăm nung sáng
In vết sém trận cuồng rắc họa
Bao nắng mưa biếc lại những mùa thu
Thương yêu nhau may có đàn nai tơ
Từ sấm động, sớm chiều mong chẳng thấy
Ác chưa tắt giờ hoang âm i cháy
Trèo non cao ngoan-ngoãn gửi i ngây-thơ
Tạm xa vắng hàng cây trơ tuổi héo
Bạc thêm lay
bước gió gợn tiêu sơ

Rừng Vàng

Gửi Yên

PHAN-DUY-NHÂN

Xin người hãy nâng niu từng giọt nắng
như sương thơm tan biến giữa rừng khuây
Vì thu đến hay sắp thành thoáng gió
theo hương trời bằng lãng mênh mang bay ?

Xin người hãy vào thu bằng bước nhẹ
đi bên nhau, lòng chậm với vai gần
chiếc lá rụng, rừng thu sâu nín lặng
xin lắng hồn im đợi gió nào ngưng

Vàng trắng đại rơi gầy trong giếng mắt
thoáng mây bay trông rất đổi ngập ngừng
cây rũ lá vàng thơ buồn rụng cánh
chân nai đi khe khẽ động chim rừng...

Và mái tóc buông trôi dòng mộng xuôi
khép mi nhưng hồn thiếp ngủ rừng thu
điệu hát buồn xa xôi nào điệu vơi
con sông lam thức dậy giấc sương mù...

Vành khuyên ơi, xin chim đừng vỗ cánh
thu sắp thành e kinh động bay xa —
tôi xin người, tôi xin người lắng đợi
rừng thơ im — nghe vãn điệu mơ hồ...

1958, khói xanh lên một ngọn sầu...

P. D. N.



Sau phiên thánh đường

HUY - GIANG

người biết đó mặt địa cầu báo-động
nhân-loại này với vũ-khí trong tay
tôi quì xuống chối từ không bước nữa
vì tương-lai đã mở nắp quan-tài

niềm lo sợ lớn mau như cỏ mọc
tôi xanh-xao với lời nói rất buồn
đã ngó thấy cả bót-đồn trước mặt
hàng thép gai cùng những nỗi âm-thầm

hương hết cháy trên bàn cao ấy nữa
còn trên kia một chút khói lênh-đênh
tôi đọc nốt hai giòng cuối quyển kinh
lời bay lên nhưng linh-hồn ở lại

người đi hết phiên thánh-đường đóng cửa
còn mình tôi và một nỗi bi-thương
mười ngón tay xin dâng người làm nền
thắp lên đi cho sáng cả thiên-đường

— thấy lửa ấy cho loài người cầu-nguyện ...

H. G.



Tình Quê,

HOÀI - HƯƠNG

Tôi trở lại thăm vườn quê bữa đó
Bụi nắng chiều rảo trắng lối hoa bay
Mái khói tương tư, ngõ ngang trước gió
Đường về thôn một mỗi gót trâu cày

Đây thế giới của màu xanh bắt tận
Cây âm thầm kết trái, ngô bơ-vơ
Người con gái kéo cuộc đời lặn độn
Sau chân trâu, lối cấy, đáng bơ phờ.

Ruộng thêm thiếp dựa ven bờ quốc lộ
Chiều nghe xe tấp máy, khách nô cười
Từng cặp thung dung dặt vào xóm nhỏ
Thở hương đồng, trông sắc lá, vườn tươi

Người có nghe sau mấy bờ lá biếc,
Giữa lòng hoa, cuộn trái, máu rưng rưng ?
Xây vẻ đẹp, ai mỗi mòn con mắt,
E đất cằn, gió dữ, nước vườn lũng.

Đây hương sắc trở trên đời áo vá,
Người già nua dâng tuổi bốn canh xanh
Tôi đứng lặng, dường như nghe tiếng lá,
Trong hoang liêu, hương trắng ủ quê tình.

BÌNH THUẬN

HOÀI-KHANH

ĐỨC-NGHĨA

biển mang niềm nhớ đi hoang
gió trường sơn luyến mấy ngàn Tà Dôn
ôi sương núi Cú lạnh hồn
người đi nhớ dãy Ba Hòn trơ vơ
cảnh dương cát trắng hững hờ
nhìn nhau thuở ấy bây giờ nhớ nhau

CÀ-TY

một dòng xanh mấy niềm sâu ?
ngẩn ngơ gió lạnh từ đâu thổi về
trở mình sương rụng trên đê
người đi rồi chẳng thấy về, chao ôi !

HÀM-TÂN

nơi đây còn một bóng người
vội dĩa xanh biếc với trời âm u
đêm đêm tiếng cạp gầm gừ
buồn xưa cổ thụ, đèn mù giọt tranh
một hôm sừng nỗ tan tành
người đi kẻ ở hai ngành héo hơn

H. K.



XA QUÊ NGHE GIÓ NỒM

HOÀI-KHANH

đã mòn chưa núi sông xanh
biển ầm sóng gọi hai ngành phân ly
ngàn năm một bến Cà Ty
đổ ra cửa biển còn gì thanh xuân
với chim Quốc vọng sau rừng
với tranh tóc xỏa nắng bình ngày trưa

với chiều nước lũ theo mưa
sương trên Tà Cú nguồn đưa gió về
sáo chiều đục đã lê thê
trắng con buồm gió lòng về sớm hôm
chiều sa ngọn cỏ gió Nồm
trùng vây bước lạnh một hồn thu thanh

H. K.



Biển sóng chiều nay

HỮU-PHƯƠNG

Ngập ngừng giây phút neo lên !
Bèo thương mây nhớ lênh bênh nẻo mơ.
Mắt xanh em nói đợi chờ ;
Vẻ tha thiết ấy còn ngờ nữa sao ?
Hồn biển khơi bỗng ghen ngào :
Đường neo ray rứt cuộn vào ổ tim.



Tàu đi rồi, chấm mòn thêm.
Nhớ thương còn đó, buong chìm luống khơi.
Thôi em, chớ luyến khung trời,
Kéo xuân mất hết nụ cười hồn nhiên.
Bãi buồn không thiết nhớ tên,
Chỉ mang bão-ảnh vào miền đại dương.



Tình thâm nghĩa cả khôn lường
Nào mây tan hợp : thoi thường thủy chung.
Thương em thương mấy cho cùng,
Càng lên gió bão, càng dâng thủy triều ;
Mà hồn ta chứa bao nhiêu ?
Ôi buồn sao ! Biển sóng chiều hôm nay.

1962

H. P.

JASPERS HIỆN SINH VÀ SIÊU VIỆT

(xin xem B. K. từ số 123)

1

Trần-Hương-Tiê

siêu-việt-thể của jaspers

NGƯỜI ta đã gọi triết-học Jaspers bằng nhiều tên : người thì gọi là Triết-học của sự Xé rách (*déchirement*), vì Jaspers nhìn thấy Hữu-thể bị xé làm 3 bình-diện *khả-nghiệm*, *hiện-sinh* và *Siêu-việt* (tức là vật-thể, bản-ngã và siêu-việt-thể); có người lại gọi triết Jaspers là Triết-học của Siêu-việt, vì triết này chống lại tất cả những gì là tinh-chỉ và có thể đối-tượng-hóa : cái gì có thể đối-tượng-hóa được đều có tính-chất vật-thể, làm lị và bất-tiến; cho nên bản-tính của hiện-sinh là tiến lên và tiến không ngừng. Qua hai cách gọi đó, gọi là Triết-học của sự xé rách hay gọi là Triết-học của Siêu-việt, người ta đều cố gắng nêu cao tính-chất *hướng lên*

của tư-tưởng Jaspers. Điều này đã hiện ra qua những trình bày ở phần đầu bài này (Coi B.K. số 123), chúng ta thấy Jaspers luôn luôn nhấn mạnh rằng không có Siêu-việt thì không thể có Hiện-sinh đích-thực được, vì Hiện-sinh là tương-quan với Siêu-việt.

Các học-giả đều nhìn nhận sự phong-phú, và vẻ toàn-hảo của triết-học Jaspers, coi đó là một kết-tinh tuyệt-mỹ của hai tư-tưởng Kierkegaard và Nietzsche. Hơn nữa, như chúng tôi sẽ có dịp nhấn mạnh dưới đây, triết-học Jaspers còn là kết-tinh rất linh-động của Truyền thống và Tân-tiến, khác hẳn đường lối quá tiêu-cực của Heidegger và Sartre. Và

còn phải nói : triết Jaspers là kết tinh, hay ít ra nó muốn là một kết-tinh của tôn-giáo và triết-học. Trong Jaspers, người ta gặp lại tất cả truyền-thống Hy-Lạp, đi từ Platon đến Kierkegaard ; trong đó người ta cũng luôn luôn gặp truyền-thống tôn-giáo của Thánh Kinh, Cựu-Uớc và Tân-Uớc, nghĩa là đạo Chúa Ky-tô cùng với lịch-sử của nó ghi trên sinh - hoạt tinh - thần của Tây phương. Một triết-học như thế tỏ ra xứng với danh hiệu của nó là triết-học hiện-sinh, vì nó đã tha-thiết với tất cả mọi hình-thái hiện-sinh của con người trong không - gian và thời - gian ; trong không-gian, vì con người tỏ ra ý-thức về tương-quan giữa mình và Siêu-việt ; trong thời-gian, vì Jaspers đã không coi rẻ những đóng góp của các triết - gia tiền - bối, cho nên mặc dầu phê-bình những Platon và những Hégel, nhưng Jaspers vẫn truy - nhận những giá-trị nhân-bản của các nền tư-tưởng đó. Nói tóm lại, Jaspers đưa chúng ta lại gần những nền triết-học Đông phương như Lão và Phật, và cũng gần với nền triết-học tôn-giáo của một Saint Thomas hơn. Tuy thế, chúng ta đừng vội tưởng triết-học Jaspers sẽ dẫn tới những hình-thức tôn-giáo sùng bái, như học-thuyết Phật Thích-ca đã dẫn tới Đạo Phật, hoặc tư-tưởng triết-lý của Lão-Trang đã đưa tới Lão-giáo v.v. . . Các học-giả thường coi triết học Jaspers là cái chi muốn vươn lên trên những hình-thức tôn-giáo thờ cúng, chớ không dẫn tới những hình-thức đó. Dầu sao, chất tôn-giáo cũng có mặt, và đậm đà trong học-thuyết Jaspers : thành thử, nói một cách đơn giản cho dễ nhớ, Jaspers chống lại

khuyňh hướng Duy-tâm của Platon và Hégel bằng cách vạch rõ rằng tư tưởng chưa phải là hiện-sinh, và mới chỉ đạt tới một phần nghèo nàn nhất của hiện-sinh, tức là phần khả-niệm mà thôi ; Jaspers chống lại Comte và phong-trào thực nghiệm bằng cách vạch cho thấy khả-niệm mới chỉ là lãnh vực của đồ vật mà thôi, và như vậy thực-nghiệm chưa vươn tới hiện-sinh và chưa bao quát được Hữu-thể ; sau hết Jaspers chống lại Nietzsche bằng cách vạch cho thấy thuyết Nhân-bản của Nietzsche, cũng như tất cả các thuyết Nhân-bản khác, nhất định sẽ đem con người đến chỗ tự tôn mình làm Thượng-Đế và do đấy sẽ đưa con người tới những điên - rồ vô - lý. Như vậy, Siêu-việt của Jaspers là một thứ Siêu-việt thực-thụ, không phải là Viễn-việt như người ta thấy trong triết-học của Nietzsche và của Sartre (Coi B. K. số 116, trang 39) : Siêu-việt của Jaspers là một Hữu-thể vượt quá khỏi mọi suy-tưởng và mọi tượng-trưng ta có thể có.

Jaspers đã đạt tới Siêu-việt bằng cách nào ? và ông quan-niệm Siêu việt như thế nào, đó là hai đề-tài chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu ở đây.

*
* *

Một điều chắc chắn và rõ rệt : Jaspers đã đi tới Siêu-việt qua con đường Hiện-sinh, không qua con đường luận-lý của triết cổ-truyền. Nếu dùng luận-lý để tìm Thượng-đế và đạt được Thượng-đế, thì Ngài chỉ là một sản-phẩm của tâm trí con người và bị « chứa đựng » trong lòng tâm trí đó. Jaspers đã chống lại thuyết Duy-trí ngay từ đầu, cho nên chúng ta đừng mong ông sẽ dùng lý-trí

để « chứng-minh » có Siêu-việt. Đối với Jaspers cũng như đối với các triết-gia Hiện-sinh khác, luận-lý là lãnh-vực của suy-tưởng, không phải lãnh-vực của hiện-hữu cho nên muốn dùng luân-lý để đạt tới Siêu-việt thì cũng chẳng khác gì « trèo lên cây để tìm cá : duyên mộc cầu ngư » (Mạnh-Tử). Vì Siêu-việt chỉ xuất hiện như Tương-quan với Hiện-sinh, cho nên, theo Jaspers, chúng ta chỉ có một phương thể duy nhất để đạt tới Siêu-việt : Phương thể của Hiện-sinh, tức Phương-pháp « soi vào Hiện-sinh » mà chúng ta đã gặp trong bài trước.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một cách tóm tắt về con đường dẫn tới Siêu-Việt trong triết-học Jaspers. Triết-nhân gọi đó là « *Con đường của những tượng-số* » (la voie des Chiffres). Có lẽ cần bàn ngay đến ý-nghĩa của một tượng-số. Muốn dễ hiểu, chúng ta hãy so sánh Tượng-số với Ký-hiệu (signes) và Biểu-tượng (Symboles). Biểu-tượng là một dấu-hiệu tự-nhiên nói lên một thực tại vượt qua thực tại riêng của dấu-hiệu : thí dụ chiếc cân là biểu-tượng của Công-lý, lưỡi gươm là biểu-tượng của lời-thề danh-dự, chim phượng-hoàng là biểu-tượng của khí-phách anh-hùng v. v. Như vậy ý-nghĩa của biểu-tượng vừa có sẵn trong những biểu-tượng vừa vượt quá những biểu-tượng đó. Thứ đến là những ký-hiệu : đây là những dấu-hiệu nhân-tạo, cho nên chúng chỉ có những ý-nghĩa mà chúng ta dùng công-ước (convention) gán cho chúng. Thí dụ những ký-hiệu ta dùng để viết lên những con số như 3, 4, 5 v. v. và những mẫu-tự như abc v. v. Rồi những ký-hiệu dùng ngoài công-lộ, như dấu cấm đậu xe, dấu cấm loại xe

vận tải, dấu buộc phải ngừng v. v. cũng đều xếp vào loại ký-hiệu. Bản-tính của ký-hiệu là nghèo nàn : chúng chỉ nói lên điều người ta gán cho chúng phải nói lên mà thôi. Và chúng hoàn toàn có tính-chất nhân-tạo và công-ước. Sau hết, đến Tượng-số : theo nghĩa « đen » của nó, một tượng-số là một biểu-tượng có khả-năng vạch cho ta thấy một huyền-nhiệm. Thí dụ một bức điện-văn viết bằng tượng-số (télégramme chiffré) : người không biết đọc những tượng-số sẽ không hiểu chi, mặc dầu biết chắc đó là một bản-văn có ý-nghĩa quan-trọng. Như vậy, tượng-số chỉ có nghĩa cho những ai biết đọc mà thôi. Theo Jaspers, thì vạn vật là tượng-số, và bất cứ sự vật nào đều có thể là tượng-số cho những ai chịu suy-nghĩ sâu xa : đại khái, khi nhìn một sự vật, chúng ta có thể thấy đó là một sự vật bất toàn, hữu hạn, và không tự nó mà có ; vậy thì nó cần phải có một Nguyên-nhân ; như thế nó là tượng-số đó, vì nó nói lên sự hiện-hữu của Hóa-công. J. Wahl đã định-nghĩa chữ Tượng-số của Jaspers như sau : « Theo định-nghĩa, tượng-số là tiếng nói vô-cùng và là tiếng nói muốn diễn tả cái về « cùng kỳ lý » của vũ-trụ » (Wahl, *La pensée de l'existence*. p. 135) ; « Tiếng nói vô-cùng », làm sao lại có thể có tiếng nói vô-cùng ? Thực sự tượng-số là biểu-tượng muốn nói lên cái Vô-cùng, và bởi vì trong thực-tế chúng không thể nói lên được cái chi vô-cùng, cho nên chúng là một lời mời gọi khẩn-thiết, thúc giục những ai chịu suy-nghĩ phải nhớ đến và vươn tới Thực-tại cao cả mà chúng chỉ là những vết tích xa vời mà thôi.

Như vậy, ý - nghĩa của tượng - số là bất chúng ta phải vượt qua chúng để đạt tới Thực - tại mà chúng là « tiếng nói vô cùng ». Trên bình-diện sinh - hoạt hằng ngày của ta, ý-thức ta là tương - quan giữa ta và sự vật, giữa chủ-thể và đối-tượng. Tương quan này có tính - chất dễ dãi vì nằm ngang ; trái lại khi Hiện-sinh vấp phải những hoàn-cảnh giới-hạn của mình, và mỗi khi chúng ta « đọc » được những tượng-số trong vũ - trụ, chúng ta thấy Hiện - sinh bước vào một tương - quan mới : đó là tương-quan với Siêu-việt. Đây là một tương - quan khó khăn vì nó dốc lên : cũng như Thông - giao không thể có khi thiếu Hiện-sinh chính thực, thì đây cũng không thể có tương quan với Siêu-việt nếu không có Hiện-sinh đích-thực. Một người chỉ biết ăn no ngủ kỹ, hoàn toàn sống cuộc đời sinh lý, thì làm sao có thể đọc được những tượng số trong vũ-trụ ? Nhưng khi con người đã vượt tới Hiện-sinh, và cứ tiến lên mãi trong Hiện-sinh, thì nhất định có một lúc người đó gặp Siêu-việt-thể qua những tượng số mà nay họ đã biết đọc, nghĩa là đã hiểu được ý-nghĩa sâu xa của vạn vật.

Jaspers quả quyết bất cứ sự vật nào cũng có thể trở thành tượng số, nhưng ông thường nói đến 4 loại tượng - số căn bản này : vũ-trụ, ý-thức con người nói chung, lịch sử của tinh - thần con người nói chung, và sau hết là Hiện-sinh của mỗi nhân vị. Nói cách khác, mỗi lãnh-vực trong 4 loại vừa kể đây, đều dẫn con người đến sự đối-diện với một Vô-cùng-thể : a) ý niệm về vũ - trụ bao la vô hạn dẫn chúng ta tới một Vô-

cùng-thể mung-lung như ẩn như hiện ; tuy nhiên, những ai biết suy-nghĩ đến chỗ « cùng kỳ lý » sẽ sớm nhận định rằng đây không phải là một Siêu - việt và cũng không phải là một Bao-dung-thể (Englobant) đích-thực : cho nên, theo Jaspers, ý-niệm về Vô-cùng vật-lý này sẽ trở thành một cạm bẫy và một sự chết đuối cho ta, nếu ta dừng lại đó, nhưng nó sẽ là một bước tiến của ta, nếu ta cho nó chỉ là một tượng số (Dufrenne et Ricoeur, *K. Jaspers et la philosophie de l'existence*, p. 294). b) Sau vũ-trụ hữu-hình, đến lượt vũ-trụ của trí-thức cũng có thể trở thành tượng số cho ta : Jaspers thường gọi vũ-trụ của trí-thức là « ý-thức nói chung » (la conscience en général). Ý-thức là lãnh-vực của Tự-nội (immanence). Nói tự-nội vì đây ta tự ý thức về mình. Ý-thức là một thể-giới bao-la vì ta có thể bao quát vũ-trụ trong một ý-nghĩ của ta. Do đây ý-thức có thể trở nên cạm bẫy cho mình, nếu ý-thức tự coi là nguồn-gốc và cùng đích mọi sự ; nhưng chính Tự-nội sẽ trở thành một Tượng-số của Siêu-việt, khi tự-nội biết tự coi mình là phản-ảnh của Hữu-thể và có nhiệm-vụ nhìn sâu thêm mãi vào trong Bao-la của Hữu-thể tự-tại tức Siêu-việt. c) Đến lượt Tinh-thần (esprit) cũng vậy : khi nào tinh thần biết tự nhận là những ngày tháng biến vào dĩ-vãng như chìm vào một hư-vô, khi nào tinh thần biết tự-nhận là lịch-sử trôi trên dòng Vô-tận, thì khi đó tinh-thần sẽ tự nhận tính chất tạm thời của mình và tính-chất phù-ảo của mình để tìm tòi đến một nền tảng cho lịch-sử-tính của mình : khi đó Lịch-sử không còn là một thực-tại tự mình có ý-nghĩa nữa ; Lịch - sử chỉ có nghĩa khi nó là

một Tượng-số chỉ cho ta thấy hướng tiến lên Siêu-việt. d) Tuy-nhiên, Tượng-số có giá-trị nhất vẫn là Hiện-sinh (*Dufrenne et Ricoeur*, p. 296): điều này dễ hiểu, vì Siêu-việt chỉ hiện ra trong Hiện-sinh, và Hiện-sinh là tương-quan với Siêu-việt. Cho nên, mặc dầu bất cứ cái gì cũng có thể trở thành Tượng số để cho ta thấy Siêu-việt, thực ra chỉ có Hiện-sinh mới đưa ta tới giáp mặt với Siêu-việt.

Vì Hiện-sinh là Tượng-số tối-hảo và là tương-quan trực-tiếp với Siêu-việt, cho nên chúng ta cần dừng lại đây lâu hơn, và dùng phương pháp « soi vào » của Jaspers để nhận ra Siêu-việt như một Hiện-hữu trong sinh-hoạt của con người chính-thực. Jaspers nói nhiều lần: « Hiện-sinh không thể an-nghỉ trong mình nó; nó chỉ được thỏa-mãn trong Hữu-thể Siêu-việt, bởi vì Hiện-sinh là chính tương-quan với Siêu-việt. Không tương-quan này, Hiện-sinh không còn xứng là Hiện-sinh nữa » (dẫn trong J. Wahl, *La pensée de l'existence*, p. 215). Tại sao Hiện-sinh không thể an nghỉ trong chính mình nó? Tại sao Hiện-sinh cần phải bám vào Siêu-việt đến nỗi không có sự bám này, tức nếu không có tương-quan với Siêu-việt, con người không còn là con người nữa, nhưng sẽ là ngợm hay là ma? Jaspers trả lời ta bằng cách « soi vào » Hiện-sinh của con người. Trước hết, ông nhắc lại điều mà chúng ta đã đồng-ý với ông trên kia là: tự-do-tính là yếu-tính của hiện-sinh. Tuy nhiên, như chúng ta biết, tự-do của hiện-sinh là một tự-do bị giới-hạn và bị điều-kiện. Bị giới-hạn bởi một thân-xác có những khả-năng sức khỏe hữu-hạn, sức chịu đựng có hạn v.v.; bị giới hạn bởi

những khả năng suy nghĩ có hạn, nhớ có hạn, chú ý có hạn v.v...; rồi bị điều-kiện, vì tự-do của ta không phải là tự-do trừu-tượng, nhưng là tự-do cụ-thể, cho nên tự-do chỉ là những phản-ứng của ta đối với những hoàn-cảnh cụ-thể nhất-định, và ta chỉ có thể phản-ứng tùy theo những tâm-tình và giáo-dục của ta. Tâm-tình và giáo-dục cũng là những điều-kiện đã đúc nên những con người của mỗi chúng ta. Thành thử « soi vào » tự-do hiện-sinh, chúng ta thấy tự-do đó rõ ràng bị giới hạn. Con người chỉ tự-do thực-sự, khi nó ý-thức sâu xa về tính-chất hữu-hạn đó của tự-do hiện-sinh: « Tự-do của con người không thể có khi thiếu ý-thức về sự kiện bị giới-hạn của hiện-sinh » (Jaspers, *Foi philosophique*, p. 86). Như thế nghĩa là: thiếu sự truy-nhận hữu-hạn-tính của tự-do, thì tự-do đó chỉ là một tự-do ảo-tưởng, thiếu hẳn tính-chất thực-tế và cụ-thể.

Với nhận-định căn-bản trên đây về tự-do, Jaspers đã thành-tâm đi tới cùng kiệt tự-do hiện-sinh, và ông đã gặp Siêu-Việt trong chính chỗ thất bại của tự-do: Hiện-sinh cho ta chạm trán với Siêu-việt trong sinh-hoạt thường-nhật và nhất là trong những hoàn-cảnh giới-hạn.

Trước hết là trong sinh-hoạt thường-nhật: tự-do hiện-sinh là tự-quyết và tự chọn cho mình những thể-hiện càng ngày càng toàn hảo hơn, vì hiện-sinh chính-thực là hiện-sinh khả-hữu (*existence possible*). Nhưng trong chính lúc tự-quyết và tự chọn, tôi tự nhận thấy bị xé rách: thí dụ tôi quyết tránh xa

một người bạn xấu, tôi cảm thấy như bị xé rách một nửa người; tôi tránh được đây, nhưng tôi vẫn bị lôi kéo về người đó: thành thử sự tự-quyết của tôi vẫn luôn luôn bị đe dọa, bị đặt lại thành vấn-đề, và như vậy sự tự-quyết của tôi không bao giờ là quyết hẳn. Một ngày kia, sau nhiều tranh đấu nội tâm và rất nhiều lần quyết đi quyết lại, tôi *không* ngờ đã bỏ được người bạn xấu đó tự bao giờ: khi đó sự bỏ rơi người bạn xấu không phải là cái chi gắn liền với sự tự-quyết của tôi, nhưng nó chỉ là một thành-quả « thừa » mà chính tôi nhìn bằng đôi mắt lạnh lùng (theo nghĩa « avoir » của Marcel). Tuy vậy, những cảm-tình của tôi đối với người bạn đó vẫn như *muốn* sống lại: và tôi lại bị đe dọa, vẫn bị đe dọa mãi trong quyết-định của tôi. Như vậy, mỗi hành-vi tự-do và tự-quyết của tôi đều vạch tỏ cho tôi thấy mình bị giới-hạn, thấy mình không có khả-năng để thực-hiện những quyết-định của mình, và còn có khả-năng để tự-phản bội mình bằng cách rút lui khỏi những quyết-định rất chân thành của mình nữa. — Siêu-Việt hiện ra trong sinh-hoạt thường ngày của Hiện-sinh dưới hình-ảnh cái vượt quá những giới-hạn của ý-chí ta, chặn đứng cái đà vươn lên của chúng ta: theo Jaspers, người ta phải nhìn nhận Giới-hạn đó là Siêu-Việt, nếu không thì phải nhận đó là Hư-vô. Vì không thể có Hư-vô, và nhất là tôi trực-giác thấy rằng tôi không hiện-sinh trong Hư-vô, nhưng hiện-sinh trong những Giá-trị tinh-thần đích-thực và thực-tại, cho nên sự

vượt quá kia không đẩy tôi xuống hồ Hư-vô mà chỉ cho tôi nhận-định một cách cụ-thể về giới-hạn của tự-do hiện-sinh của tôi.

Tuy nhiên, chính trong những *hoàn-cảnh giới-hạn*, con người mới trực-tiếp với Siêu-Việt hơn. Những hoàn-cảnh giới-hạn thường được Jaspers nhắc đến là: đau-khổ, sự chết, tội lỗi. Con người giầy-giòn trong đau khổ như cá bơi trong nước: chúng ta sợ đau khổ và hết sức tránh đau-khổ, nhưng thân-phận làm người của chúng ta lại không bao giờ cho phép ta thoát đau-khổ. Đau-khổ sinh-lý. Đau-khổ tâm-tình. Đau-khổ của bản-thân ta, đau-khổ của thân nhân ta, đau-khổ của đồng bào ta, đau-khổ của nhân-loại: ta đau trong bản-thân ta, và cũng đau trong thân xác của những người ta yêu mến. Kinh-nghiệm hằng ngày cho thấy: nhiều khi ta có thể chịu được những đau-khổ của bản-thân, nhưng lại không thể chịu nổi khi nhìn người thân yêu giầy giòn trong bệnh tật hoặc buồn tủi. Trong những trường-hợp như thế, chúng ta thấy mình hoàn toàn bất lực: chúng ta *bị chặn đứng bởi những giới-hạn ghê sợ*. Trong những giờ phút đó, chúng ta không thể không tự đặt vấn-đề Hư-vô hay Siêu-Việt? Chả nhẽ đau-khổ bởi tình-cờ hoặc bởi một Ác Quỷ? Chả nhẽ con người là đồ chơi cho bọn Quỷ ác-nghiệt? Hay là đau-khổ không có ý-nghĩa gì hết? Nói đau khổ không có ý-nghĩa gì hết là nói một điều vô-lý nhất trên đời, và thực ra chỉ là cách thúc thủ trước đau-khổ, không dám sáng suốt nhìn thẳng vào đau-khổ. Thực ra, lịch-sử tư-tưởng nhân-loại cho hay

vấn-đề sự Ác luôn luôn được đặt ra trước lương-tâm con người; *người ta không thể không tự hỏi về ý-nghĩa của sự Ác, tức của Đau-khổ*. Trong khi vấp vào mũi nhọn của đau-khổ, con người thường có hai thái độ : thái độ phản-kháng điên-cuồng, và thái độ suy-tư trầm ngâm. Kẻ phản-kháng điên-cuồng kêu lên như Nietzsche rằng không có Thượng - Đế; nhưng không vì thế mà người đó tìm ra giải-nghĩa cho đau khổ. Phản-kháng chỉ là thái độ *tiểu-cực* : mà tiểu-cực thì chưa phải là đã giải-quyết được vấn-đề đau-khổ; người phản kháng, dầu có tới tận đến đâu, cũng không thể nghĩ rằng đau - khổ không có ý-nghĩa gì, hoặc nghĩ rằng đau-khổ bởi Hư-vô mà đến cho mình. Thành thử chỉ có thái - độ những người suy-nghĩ thận trọng mới đúng nẻo nhân-sinh : những người này coi đau-khổ là giới-hạn mà con người không thể vượt qua; càng muốn vượt qua, càng va đầu vào giới-hạn đó, cho đến khi con người tự nhận mình là *hữu-thể bị giới hạn*. Mà bị giới-hạn, thì con người không thể bị giới-hạn bởi Hư-vô, nhưng bị giới-hạn bởi Siêu-Việt mà thôi. Nhận mình bị giới-hạn bởi Siêu-Việt không có chi là hạ giá Hiện - sinh; trái lại đó là nâng cao giá-trị của Hiện - sinh, vì đặt Hiện - sinh trực-tiếp tương-quan với Siêu - Việt : giới-hạn của phía trên Hiện-sinh có thể được coi là giới-hạn của Siêu-Việt.

Nhưng Đau-khổ chưa vén màn cho ta thấy rõ Siêu-Việt bằng sự Chết, vì sự Chết là giới-hạn tỏ rõ hơn. Chỉ những người quen suy-tư mới có thể hiểu ý-nghĩa rất mực hiện-sinh của cái chết. Sống và

Chết, hay nói đúng hơn, Sinh ra và Chết đi là hai điểm quan-trọng của cuộc nhân-sinh. Trước khi lọt lòng mẹ, chúng ta là gì? Platon nghĩ rằng, trước khi làm người ở trần-gian, chúng ta đã có cuộc đời tiền-thân trên Thế-giới Linh-tượng; Phật Thích-Ca cũng nghĩ rằng, trước kiếp này, chúng ta đã từng sống nhiều kiếp tiền-thân làm thần, làm quỷ, làm súc sinh hay làm người. Theo Jaspers, « chúng ta đã được sinh làm người, nghĩa là chúng ta có tự-do hiện-sinh; nhưng trong chính sự tự-do này, chúng ta biết chúng ta không tự ban cho mình tự-do; tự-do của chúng ta là Tặng-phẩm ta nhận được do Thượng-Đế », như thế nghĩa là chúng ta đã *bắt đầu*. Chúng ta bị giới-hạn bởi chỗ phát-nguyên của chúng ta: chúng ta không phải là chính Phát-nguyên đó; nói chúng ta là Phát-nguyên đó, tức nói rằng chúng ta đã tự sáng-tạo nên chúng ta; nói thế là phi-lý. Nhưng, một khi được sinh dựng làm người, chúng ta có ý-thức về mình, về định-mệnh của mình, và nhất là *chúng ta có linh-tính rằng chúng ta bắt-từ*. Kinh nghiệm bản thân cho hay ta *đã* là em bé cấp sách đến trường những năm xưa, những năm đã qua đi trên vũ trụ, nhưng vẫn còn lại trong lịch-sử tính của ta. Sinh hoạt tinh thần là một cái gì vượt lên trên thời gian của vũ-trụ vật-lý. Lịch-sử của toàn thể nhân loại, ở bất cứ dân-tộc nào, đều trở cho ta thấy niềm tin-tưởng vào bất-tử-tính này. Như vậy cái Chết mà chúng ta kinh-nghiệm hằng ngày kia sẽ có một ý-nghĩa cao cả. Cái Chết là một Tượng-số vạch cho ta thấy Siêu-Việt.

Ta tin chắc rằng: chết không phải là hết, chết không phải là rơi vào Hư-vô. Cả những người vô-thần, cả những người Mác-Xít cũng không nghĩ rằng chết là hết; thực thể, họ vẫn chối Siêu-Việt, nhưng đồng thời họ vẫn tự gian-lận để dành một hy-vọng mờ mờ; họ không có can-đảm để nhìn thẳng vào niềm hy-vọng này, vì sợ rằng con mắt vô-thần của họ sẽ phá hủy nó một cách phủ-phàng: họ sợ, vì họ biết rằng nếu không có niềm hy vọng đó, con người không còn là con người nữa, và con người cũng sẽ chết cái chết của con chó, nghĩa là chết thì hết truyện và hoàn toàn rơi vào hư-vô. Thành thử cái Chết đưa chúng ta đến một lựa chọn căn - bản: chọn làm người với niềm tin rằng sự chết không chấm dứt Hiện-sinh của ta nhưng chỉ đưa Hiện-sinh đó tới chỗ trực-tiếp tương-quan với Siêu-Việt, — hoặc chọn làm « con vật xã-hội » (danh-từ nhóm Duy-vật dùng để chỉ con người) với niềm nguy - tín tự dối mình rằng chết là rơi vào Hư-vô. Chúng tôi gọi đó là một nguy-tín (mauvaise foi), vì thực sự đã là người thì không thể thành-thực tin rằng chết là rơi vào Hư-vô: muốn tin như thế, con người phải giả tăng và phải tự lừa dối mình. Kết luận: khi suy-tư nhiều về cái Chết, con người Hiện-sinh không thể không gặp Siêu-Việt hiện ra bên kia cái Chết của con người.

Còn một Tượng-số nữa khá thâm-thúy và dễ giúp ta vén màn thấy Siêu-Việt: đó là Tội-lỗi. Jaspers hay dùng chữ Sa-đọa (chute) để tránh cho tội lỗi khỏi vương ý-nghĩa quá tôn giáo của nó. Sa-đọa là gì? Là vấp phải những hình-thức

của tội ác: thiếu thành-thực thiếu quảng-đại, thiếu can-đảm, thiếu lương tâm nhà nghề v.v... Người quân - tử là người biết nhận ra những khuyết điểm của mình; kẻ tiểu nhân là kẻ chỉ mau mau tìm cách đổ lỗi cho người khác, cho nên người quân - tử hay tự hối, và nhờ tự-hối mà có thể tự-tân; trái lại kẻ tiểu-nhân, vì không nhận lỗi mình, cho nên không thấy cần sửa mình chi hết, và như vậy càng ngày càng đi sâu vào chỗ hư hỏng bất trị. Truyện người xưa và truyện người nay cùng thế cả. Jaspers đã chủ trương rằng Hiện-sinh chính thực là *Hiện-sinh khả-hữu* (existence possible), nghĩa là con người cần phải luôn luôn *tiến thêm* và thể hiện cái định-mệnh của mình một cách đầy đủ hơn: đã vậy, con người cần phải biết mình, nhận ra những sa-đọa hằng ngày của mình. Mỗi sa-đọa là một thức tỉnh cho những ai biết suy-niệm về thân phận con người. Jaspers viết: *Sa-đọa là ý-thức mừng-tưởng rằng mình đang rơi vào hư-vô* » (Dẫn trong *Dufrenne et Ricoeur*, p.275). Cũng như tất cả những hoàn cảnh giới hạn trên kia, Sa-đọa tỏ ra lưỡng diện: nó có thể xô ta xuống đáy Hư-vô, nhưng nó cũng có thể là tượng-số vén màn cho ta thấy Siêu-việt. Nếu ta coi Sa - đọa là tự nhiên, hoặc coi nó là phi-lý như Camus, thì Sa-đọa sẽ dẫn ta đến vực - thẳm của Hư-vô: trong trường hợp đó, Sa-đọa chỉ là thất chí, thất-vọng, chán-nản, phi-lý. Tất cả những tâm-tình này trực - tiếp giết chết Hiện-sinh. Trái lại, nếu chúng ta nhận định đúng giá-trị của Sa-đọa, nghĩa là nếu chúng ta coi Sa - đọa là tiếng nói của *Giới-hạn*, và giới-hạn đây không thể là vực Hư-vô để chôn sống

hiện-sinh ta, thì khi đó Sa-đọa sẽ nhất định đặt chúng ta trong tương - quan trực tiếp với Siêu-việt. — Jaspers tỏ ra quý trọng tượng-số Sa-đọa hơn, vì ông nghĩ rằng nó gắn-liền với cuộc đời tinh-thần của ta hơn, và có âm - hưởng sâu xa trên Hiện-sinh của ta hơn. Ta gặp đau khổ hằng ngày: tuy nhiên những ai quyết chí « nhất-tân, nhất nhậ tân » sẽ gặp Sa-đọa nhiều hơn là gặp Đau-khổ: Mỗi cố-gắng, mỗi quyết định, mỗi hành-động Hiện-sinh của ta thường là dịp để lộ sự bất-thiện của ta tức những

sa-đọa của ta. Nhất vì sa-đọa ở đây tự nó đã có ý nghĩa tinh - thần, cho nên Sa-đọa thường trực-tiếp dẫn ta đến giáp mặt với Siêu-Việt hơn. Không nói, bạn đọc cũng biết: ở đây hơn một điểm nào khác, Jaspers đã trung thành với tư-tưởng Kierkegaard, và những suy tư của Jaspers về Sa-đọa chỉ là tiếng vọng lại những suy - nghĩ của Kierkegaard về tội-lỗi.

(Còn nữa)

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Để sống một đời sống tự-do

HẰNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

nhật báo **TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

NHẬT BÁO

NGÔN LUẬN

TỜ BÁO ĐẦY ĐỦ NHẤT

THỎA MÃN ĐƯỢC MỌI NHU CẦU
CỦA MỌI NGƯỜI
TRONG MỌI GIA ĐÌNH

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hăng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách: **NGUYỄN-NGU-I**

I.— Sáng-tác để làm gì? Để cho mình hay cho thiên hạ? Để cho bây giờ hay cho mai sau?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhất định nào hay là tùy hứng?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thất-nghén cho đến lúc nó thành hình?

V.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

XXV

★ PHẠM-VĂN-HẠNH



Phạm-văn-Hạnh

Sinh năm 1913 ở Hà-Nội (nhưng gốc ở Chợ-Lớn).

Viết giúp các báo Ngày nay, Tinh hoa, Thanh nghị.

Ở trong nhóm « Xuân-Thu » gồm có Nguyễn-Xuân-Sanh, Đoàn-Phú-Tức, Nguyễn-Lương-Ngọc, Nguyễn-Xuân-Khoát, Nguyễn-Đỗ-Cung.

Quan niệm về nghệ thuật của nhóm được phát biểu trong tập « Xuân-Thu nhĩ tập » (1943).

Sau năm 1945, lấy biệt hiệu Thê-Húc

Đã xuất bản: « Giọt sương hoa » (1942), — Tia nắng (dịch truyện hay quốc tế, 1950), Bài hát Tì-bà

(sách giáo khoa, 1952)...

« Anh Hạnh,

« Quấy rầy anh lần này là lần thứ năm, mà vẫn còn quấy rầy anh nữa cho đến khi nào anh hết lặng im, vì trong cuộc phỏng vấn này, tôi có tham trong sẽ được ghi nhận ý - kiến những xu - hướng văn - nghệ ở nước ta từ trước đến nay. Mà giờ đây, chỉ còn thiếu ý-kiến của người trong nhóm « Xuân-Thu ». Cái quan-niệm nghệ-thuật của các anh tuy không ảnh-hưởng sâu xa, nhưng nó cũng đã đánh dấu trong lịch sử nước nhà, thời tiền chiến. Nên tôi thấy có bốn phận phải làm sao cho anh mở miệng hay cầm bút, nhất là trong nhóm « Xuân-Thu », nay chỉ có mình anh là ở cùng chung một thế giới, thế giới tự do.

« Vả lại, trường hợp riêng anh cũng đáng một nhà... phỏng vấn chẳng thể bỏ qua. Anh có nhớ chăng anh của thời báo « Tinh hoa », thời...

MỘNG

Một buổi mùa thu chiều chủ nhật,
Bâng khuâng đi hái mộng trăm năm.
Trong làn nắng mịn hơi thơm ẩm,
Dãy phố màu xưa óng ả nằm.
Gò má xanh tơ hoen sắc giáng,
Trời hôm e lệ nửa thương thầm
Ai kia ngán gót bên bờ mộng :
Đã tự bao giờ lạc bóng tâm...

(Báo Tinh-hoa, số 3, ngày 27-3-37)

« Trong cái khuôn chật hẹp của Đường luật, anh đã gửi được ít nhiều phóng khoáng và xôn xao của những tâm hồn trẻ thời đại bấy giờ.

« Nhưng sáu năm sau, thì nàng Thơ của anh đã đổi lột một cách quá đổi lạ lùng ; và thời ấy, người ta cho

thơ các anh là « thơ hủ » : viết chữ một bỏ vào hủ, rồi gấp ra, ráp lại. Bài thơ « Thư, Thơ... » của anh đăng trong « Xuân-Thu nhā tập » đã làm mọi người ngơ ngác, và trong đó, có tôi.

« Anh còn nhớ chớ ?

Thư, thơ...
Gởi, không gởi ?
Viết, sống
Vội vội, hát hiu...
Tới, không tới ?
Than thở, tâm thành

Một ngày ngọc
tới
Một phút hương
lộng
Trăng trong hồn

— Hương Tàn !
Phương trời
tình sương
tịch
mịch

Nhớ nhung, nhớ nhung...
Gió thông
tịch tịch —
Chiều...

Nhỏ sào
bến chi ?
Sương khuya...
(Tên người rớm lệ)

Không bao giờ ?
Bao giờ ?
Nói, không nói
Trong, trăng trong
Trong, trong...

Lặng

« Vậy, xin anh chớ im lặng...

NGUYỄN-NGU-Í

« Anh Ngu-Í

« Anh đã vì lẽ chung mà nhất định không buông tha cho người bạn mà anh đã biết đang sống ẩn, thì tôi phải chiều anh... một phần nào. Tôi giờ quan niệm thơ, vẫn không giống hai mươi năm về trước, nhưng tôi không chối bỏ quan niệm cũ của tôi, như vài bạn đồng thời. Một bằng chứng, là tôi còn giữ tới giờ tập «*Xuân-Thu nhā tập*» qua bao cơn lửa sống, và nay xin gửi anh để anh tùy tiện sử dụng. Tài liệu này nay hiếm, và lớp bạn trẻ thời hậu chiến chắc ít biết, thế là tôi cũng đóng góp chút gì cho việc làm của anh.

PHẠM-VĂN-HẠNH

*
* *
THƠ

Thi tại ngôn ngoại

Người ta đã thử và chưa từng giải nghĩa được Thơ. Như Giai nhân, như Đẹp, như Trời. Người ta cảm thấy một cái gì siêu thoát, ra ngoài ước lệ, ở trên lí trí, nó rung động ta theo điệu nhịp vũ trụ, hồn nhiên, nó hòa hợp ta trong cái Đẹp và ấp ta nằm trong sự Thật. Về man mác của cái đẹp và í sâu sắc của sự thật. Do trong trẻo gạn nên.

Còn lại « cái gì » mà ta gọi là Thơ.

Một cái gì không giải thích được, mà không cần giải thích. Nó chiếm đoạt ta tất nhiên, hoàn toàn, tức khắc. Đột nhiên ta nhảy đến cửa Trời như nhào vô lòng mẹ, không xét suy. Bằng con đường thẳng hình ảnh, tiết tấu, lẽ nghi. Âm thanh, màu sắc, mùi, giọng được hòa hợp thành

những biểu hiệu *nhịp nhàng* (1) để kêu gọi những *rung động* siêu việt của bản nhạc Vô cùng...

Có rung động là có Thơ. Phải cần và chỉ cần có rung động ấy.

Áng thơm của hoa, vẻ trong của nước, thần của vạn vật, thơ của văn nghệ. Trước khi thưởng thức hương, nhận chân sắc, dò hỏi trời, phân tích vui, trước khi dùng những phương thức lí trí, có ý thức, có thống hệ, để phán đoán, để hiểu biết, ta đã chịu sức quyến rũ của mùi thơm, sự lan tràn của ý thích, ta đã cảm thấy đẹp, đạt được thật, đắm trong thơ, nát bản Nghệ thuật.

*Mây Tần khóa kín song the,
«Bụi hồng leo đèo đi về chiêm bao...»*

Ngoài cái nghĩa xuôi câu ấy, và trước khi nghĩ đến nó, ta đã được cảm một cái đẹp trong trẻo gọi nên bởi âm thanh, cách điệu... nó mê hoặc ta ngay và đặt ta vào giữa cõi thơ như có thần trợ. Hay nói đúng, một cái gì trên cả âm-điệu, không giải được mà chỉ cảm được thôi.

Ta đã bước vào xứ Lễ Nhạc.

.....

Thơ chỉ hình dung cái bên ngā thuần túy, cái bản ngā cúi cùng của thi sĩ hay sự vật. Thơ chỉ là một sự nhớ lại, một cuộc trở về, cuộc trở về của thi sĩ trong cái tôi của mình nằm trong sự vật. Vì thơ không phải như nghĩa tục, chỉ là một sự làm khoái tai, vừa í, bằng cách kêu động người ta, thô sơ, dễ dãi. «*Thơ*» trước hết phải là sự trong trẻo, vô tư lợi, sự kêu gọi không cùng, sự rung động tức khắc, sự gặp gỡ

đột nhiên, sự hiển dăng không nghĩ đến trở về. « Văn » nói chuyện đời, nhưng « Thơ » chính là tiếng đời u huyền, trực-tiếp.

Có thể viết theo toán pháp.

THƠ = TRONG = ĐẸP = THẬT.

Cái gì trong trẻo là đẹp : hương hoa, chất ngọc, lòng băng, một í-tưởng vô tư lợi, một cử chỉ vô lí do ; không cần hứa cái gì, để làm gì, biết thế nào ; tự nó có í nghĩa, có cứu cánh ở nó ; tự túc, toàn năng. Và cái gì đẹp là thật. Một chiếc lá, một lời đau, một khốc mắt, trong nhịp đờn... ai bảo là hư ảo. Đó là sự thật, ta cảm thông bằng tuệ giác, khi đã nằm trong chiếc lá, trong lời đau, trong khốc mắt, trong nhịp đờn... Ta đã thấy « Thơ ». « Thơ » chính là một cách *trí thức* cao cấp. Nó đã bắt gặp Hình như thượng, đưa đến Tôn giáo, và thực hiện Ái tình, nghĩa là Vô biên.

[...] Có thể nói : Thơ cho ta cảm thông với Tuyệt Đối bằng những biểu hiệu điều hòa. Nội giới ta, dưới mặt sáng sủa của ý thức (chỉ là phần tương đối, ích lợi, phần « văn ») còn những lớp dày đặc của tiềm thức và vô ý thức, nơi ẩn lē thật, thuần túy, cái « thơ ». Một bài thơ không được hiểu như một bài văn, một cách lộ liễu, nhất định phải chứa nhiều sức kêu gọi, ý ở ngoài lời, đúng với Sự Thật sâu sắc bao la trong toàn thể. Chỉ có một đạo lí và một đạo : là Thơ.

Vậy Thơ không cần lúc nào cũng rõ nghĩa, vì nó không chủ động trong địa hạt í nghĩa ; không phải lúc nào cũng sáng sủa vì nó không vụ phát

biểu cái phần sáng sủa của tâm linh, nó giữ phần sâu kín, nó giữ phần sâu sắc ; không phải lúc nào cũng theo lí luận, vì nó chịu sức chi phối của những luật vô hình ; không lúc nào cũng để chỉ bảo một cái gì ; vì nó không vụ ích lợi thực tế. *Thơ là cái gì huyền ảo, tinh khiết, thâm thúy, cao siêu, cái hình ảnh sự khác khoải bất diệt của môn vật : cõi Vô Cùng.*

« Thơ » là Đạo, cái đệ nhất nguyên lí, sẽ sáng tạo được vạn vật, khi đã chia âm dương. Âm dương phải tương phối mới có sáng tạo, phát huy được cái Đạo nguyên thủy :

Có thể viết thành cái vòng tương sinh :

ĐẠO → ÂM + DƯƠNG → SÁNG
TẠO → RUNG ĐỘNG → THƠ → ĐẠO

và điều kiện cần và đủ mở cái rung động kia là : siêu việt, trong trẻo, nhịp nhàng. (Nó phải cho ta cảm thông với Tuyệt Đối, [và] được truyền diễn một cách thật và đẹp. Như thế THƠ mới bắt kịp ĐẠO, cái lẽ cuối cùng...)

Một khốc mắt, một làn môi... là « thơ » ngụ trong người đẹp, mà người cảm được là « thi nhân ». Người đẹp thành « thi sĩ », ấy là người tiết phụ truyền lan cái rung động bằng đôi hạt nước mắt long lanh ; ấy là gã si tình, dù bằng một sự ghen ngào thấm thiết...

« Bài thơ » đã thành.

Lúc Thôi-Oanh-Oanh quay mặt đi, vành trăng lông mày lẩn vào đám mây tóc... Về kiểu lē ấy chưa phải « bài thơ » Nhưng bước chân nàng in trên cát, khi qua cửa phòng Trương-Quân-Thụy

để về phòng mình, lúc đầu còn đều, sau lún xuống như ngập ngừng bịn rịn, rồi vội vã biến mất như e người trông thấy... Điều cao thấp ấy đã là «bài thơ» Và chàng Trương đọc được tình Oanh-Oanh trên bài-thơ-cát, đã là «độc giả xứng đáng, đã có chất thơ, có cốt đàn, có nôi tình..., đã là «thi nhân».

Mà Trương thi nhân, Thôi thi sĩ phải chăng «cùng người một hội một thuyền dâu xa...» nhờ sào từ một bờ Rung Động?

đạt được «Thơ».

Là «BÀI THƠ», nếu bài văn chương (dù ở thể nào, loại nào) có chất «Thơ» hàm súc cái rung động siêu thoát, phảng phất cái hương xi tuyết vờn... Và giá trị nó định ở cái lượng hàm súc cùng cái phảng phất kia, truyền diễn nhịp nhàng trên cánh Nhạc, bỗng tới chỗ Trong, Đẹp, Thật : Đạo trong Nghệ thuật.

ĐOÀN-PHÚ-TỬ,
PHẠM-VĂN-HẠNH,
NGUYỄN-XUÂN-SANH.
(Xuân thu nhã tập)

Là «thi sĩ» nếu thi gia hoặc văn gia



★ NGUYỄN-THỊ-VINH



Nguyễn-thị-Vinh

Sinh năm 1924 tại Hà-Đông (Bắc-Việt).

Tác phẩm đầu tay là tập truyện ngắn, trong đó có nhiều truyện viết hồi ở Hồng-Kông (1948-1952). Khi về nước có viết cho báo Tân-sanh (1953), Việt-thanh (1953), Mới (1953-54).

Cộng tác với giai phẩm « Văn hóa ngày nay » của Nhất-Linh (1958); cùng chồng (Bảo-Sơn) chủ trương giai phẩm « Tân phong » (1959).

Đã xuất bản : Hai chị em (truyện ngắn, 1953), Thương yêu (truyện dài, 1954), Xóm nghèo (truyện ngắn, 1958), Men chiều (truyện ngắn, 1960).

Lần đầu, tôi gặp chị đang lo giải quyết những vấn đề tuy lặt vặt mà gấp rút của một nhà in.

— Anh thấy đó, còn đầu óc đâu mà nghĩ đến việc trả lời cuộc phỏng vấn do anh phụ trách, tuy đã được anh nhắc đến ba lần.

Rồ chị mỉm cười :

— Thôi anh « tha » cho tôi chuyển này vậy. Vả lại, tôi đã thúc Linh-Bảo trả lời cho anh, Linh-Bảo đã góp ý rồi thì như thế cũng được. Không có chị thì đã có em.

— Nhưng mà Linh-Bảo đâu phải là Nguyễn-Thị-Vinh. Mỗi người mỗi vẻ, nên thiếu một người, thì mười phần chỉ

ven có năm. Chị em phụ nữ chuyên cầm bút như chị đếm được trên đầu ngón tay. Chị cố giùm cho nhé.

*
* *

Lần thứ nhì, chị bình phải nằm dài trên ghế xích đu tiếp tôi. Nên cuộc phỏng vấn cũng không thành.

*
* *

Lần thứ ba, thì được chị tiếp, không phải ở nhà in đường Gia-Long như hai lần trước, mà ở nơi ngụ mới, đường Nguyễn-An-Ninh. Nhìn thấy mấy cô thợ may đang đập bàn máy, tôi hỏi ngay chị.

— Viết văn, làm báo, điều khiển nhà in, nhà xuất bản, chưa đủ sao, mà chị còn thêm nghề may nữa ?

Chị cười nhẹ :

— Không phải của chúng tôi đâu anh. Nay trong người có phần khỏe, có thể trả nợ anh phần nào đây.

Chị trông vui vẻ, da mặt hồng hào, bình xưa dường như vắng mặt.

Và cuộc phỏng vấn mới bắt đầu.

— Chị có thấy rằng phụ nữ mà đi vào con đường văn nghệ là thế nào cũng gặp khó khăn và thiệt thòi không ít thì nhiều ? Nhất là khi mình xinh, đẹp ?

Chị cười.

— Chung thì chẳng biết sao, chớ riêng tôi, tôi được nhà tôi khuyến khích, nên tôi chẳng thấy gì là khó khăn. Còn câu thứ hai, tôi chẳng biết trả lời sao. À; sao anh không tìm những cô còn trẻ, xinh đẹp mà hỏi, có phải anh sẽ được những ý kiến xác đáng không ?

Tôi đang ngẫm nghĩ để xem nên để tác giả «*Thương yêu*» vào hạng các nữ-sĩ trẻ hay già, xinh hay xấu, thì chị đã hỏi :

— Tại sao anh hỏi câu ấy ?

— Vì anh em râu mày chúng tôi thường bảo : Phụ nữ viết văn mà đẹp, mà xinh, thì người đồng phái càng có cớ để mà chê, còn người khác phái lại càng có lí do để mà khen. Tóm lại, khó mà biết được sự thật.

Chị lại tủm tỉm :

— May thay, đó chẳng phải là trường hợp của tôi. Mời anh xơi nước.

Tôi cầm tách nước, hỏi người nữ chủ nhân duyên dáng trước khi uống :

— Có nhà phê bình cho rằng các tác-phẩm của chị như một cái nhà đồ đạc lơ thơ, ở giữa một khu vườn cây cối... lưa thưa. chị thấy thế nào ?

— Tôi chẳng thấy thế nào cả. Tác-phẩm ra đời, được anh chị em nói đến, là quý lắm rồi. Còn như được khen hay bị chê, đúng thì mình theo, mình sửa; không đúng, thì thôi. Vả lại, bản chất mình là con gió mát, là con suối nhỏ, mà anh chị em muốn mình là đồng là tổ, là sông dài là biển rộng, cũng chẳng được nào. Huống chi mỗi thứ đều có cái đẹp của nó.

Và má chị lại lúm hai đồng tiền khả ái.

— Chị công việc bề bộn, chắc chị viết về đêm ?

— Quả tôi có thói quen viết về đêm, đầu cho ban ngày có rảnh rang đi nữa. Ngoài cái ban đêm, vắng lặng, dễ làm

bạn với bút giấy, tôi còn có cái tật : ban ngày, thích làm việc nhà, không có cũng bày ra, ngồi lâu ở bàn viết không được. Đó là nói lúc bình thường, chớ một năm nay, tôi không viết lách gì được. Lắm lúc cũng muốn góp với anh chị em chút gì, nhưng được vài trang, để đó, sau rảnh, xem lại để viết tiếp ; thấy đoạn đã viết nó « như thế nào ấy », buồn tình, để nó dở dang.

— Đề tài, chị tìm chắc không khó mấy ?

— Cũng tùy khi. Phần lớn là do những điều nghe thấy xa, gần. Còn nhớ lúc ở Hà - Nội, một hôm đi dạo ở cửa Nam, tôi chứng kiến một xe nhà binh đựng nhẹ một người bộ hành. Lỗi phải chưa biết về ai, nhưng mấy ông lính đã sừng sộ, bắt nạt người bị nạn. Tôi

về, viết ngay chuyện ấy. Tự - nhiên tôi tưởng tượng thêm gia đình, hoàn-cảnh người bộ hành kia.

— Dường như chị bắt đầu viết khi chị dạy giúp các lớp Truyền bá Quốc-ngữ ; nếu thế, thì chị viết vì người trước.

— Lâu quá tôi cũng không nhớ rõ, anh cứ xem lại các tác-phẩm của tôi, thì cũng biết được tôi viết vì ai.

Chị trả lời thế, vô tình đã chặn đứng câu hỏi tiếp theo : chị viết cho bây giờ hay cho mai sau. Giữa lúc ấy, một người chạy giấy đến đưa chị một xấp ấn cảo để xin chữ kí cho chạy. Chị xin lỗi tôi để tiếp người giúp việc ; tôi cũng xin lỗi đã quấy rầy chị đến ba lần.

NGUIỄN-NGU-Í huật



★ TRỌNG-LANG

Tên thật : Trần-Tán-Cửu.

Sinh ngày 10-2-1906 tại làng Do-Lễ, huyện Thượng-Phúc, tỉnh Hà-Đông (Bắc-Việt).

Đã cộng tác với các báo : Thực nghiệp (1925), Đông-Phương (1930), Phong hóa và Ngày nay (1935...). Chủ bút Bắc-Kỳ thể thao (1932), chủ nhiệm Thông tin (1943), Ngày mới (1947), Thời đại (1948), Vì nước (1949).

Hiện chủ trương tuần báo trào phúng « Cười... cười... ». Chuyên viết phóng sự.

Đã đăng báo : Trong làng chạy (1935), Đời bí mật của sư vải (1935), Gà chọi (1935), Đồng bóng (1935), Sau mặt nạ (1943), Thi vị đồng ruộng (1944), Đói (1945), Sống sót (1945), Tản cư (1947), Đây, Huế (1951), « Quê hương »... giữa Thần-Kinh (1951), À Sê-Gôn ! (1955).



Trọng-Lang

Đã xuất bản : Hà-Nội làm than (1938), Làm dân (1940), Làm tiền (1942), Với các ông lang (1943), Những đứa trẻ (1950), Vợ lẽ nàng hầu (1950).

Đang viết : Điện thời đại và tiểu thuyết đầu tay : Cô gái làm đi (hiện đang đăng tuần báo « Cười... cười »).

Về tuồng cải lương, đã viết : Mị-Châu — Trọng-Thủy, Hảo Trương-Chi, Nữ kiệt Kinh Bắc...

Về kịch, đã viết : Thử thảo vì tình (1932, kịch vui 5 màn, Tú - Mơ đóng vai chính), Lòng mẹ, Nhảy củ khoai lang, Người vợ mặt trở về...

Tòa-soạn báo « Cười... Cười » như vui, trẻ thêm khi có mặt anh. Nhà văn năm mươi lăm tuổi này vẫn còn hăng hái trong việc làm và vẫn còn giữ nụ cười hồn nhiên, trai trẻ, mặc dầu cái nghề phóng sự dễ khiến người ta mau già, và khó giữ cái cười yêu đời khi ai đã như anh, đi cùng « Hà-Nội làm than », dùng chân « Đây, Huế ! » để lăn lộn với « À Sê-Gon ! », cả thời tiền lẫn thời hậu chiến !

Bao điều nghe thấy trong non ba chục năm trời — nghe thấy cái mặt trái của xã hội — vẫn không để lại chút dấu vết chán, buồn, ngờ vực trên vầng trán rộng, trong đôi mắt tươi và ở đôi môi lúc nào cũng sẵn sàng cười thẳng thắn.

— Vì sao anh chuyên viết phóng sự ?

— Anh nói chuyện thì không sai hẳn, mà cũng không đúng hẳn. Khởi đầu, tôi viết đủ cả : nào thơ, nào truyện và sau cả kịch, cả tuồng nữa ! Tôi quyết tình đi theo nghiệp văn chương, nên lúc ra trường đã theo học một lớp hàm thụ ở Pháp dạy về « Nghệ thuật viết ».

— Nhưng phóng sự đầu tiên anh viết có phải là thiên phóng sự lột trần lối sống, cách « làm ăn » của bọn móc túi lắt hầu bao của thiên hạ ?

Anh cười.

— Ý anh muốn nói đến phóng sự « Trong làng chạy » của tôi chứ gì. Cũng không đúng ! Và lỗi không phải ở anh. Do anh Vũ-Ngọc-Phan bảo thế, trong bộ phê bình văn học « Nhà văn hiện đại » của anh ấy. Thật ra, thiên phóng sự đầu tay của tôi là « Bà chúa hàng Bạc ». Anh có biết hàng Bạc thời ấy ai làm chúa chăng ?

Tôi đang cố nhớ, thì anh đã cười.

— Dân « xứ Sài-Gòn » mà làm sao biết được chuyện « nước Hà-Nội » !

« Đó là bà bé Tí ».

Tôi « À ! » một tiếng, khiến anh càng tỏ vẻ thích thú.

Tê-lê-phôn bỗng reo. Anh xin lỗi người quấy rầy trước mặt để trả lời người làm rộn vô hình ở xa. Xong, anh vui vẻ :

— Chúng mình đang bàn đến chương nào rồi ?

— Tôi chương phóng sự đầu tiên.

— Phải rồi. Nay, đổ anh biết ai « đẩy » tôi vào con đường phóng sự ?

Tôi nghĩ một chập rồi nói :

— Chẳng lẽ lại anh ấy ?

Anh cười, đoán được tôi muốn nói ai.

— Đúng thế. Cũng là anh ấy. Anh ấy khuyên Khái-Hưng viết truyện thúc Tú-Mỡ làm thơ trào phúng và đẩy tôi vào đường phóng sự.

— Thế thì anh ấy nên lấy biệt hiệu là... Tam Linh mới đúng!

Chúng tôi lại có dịp cùng cười.

— Anh Nhất Linh « đẩy » tôi một phần, mà một phần cũng vì « gặp thời thế, thế thời phải thế ». Nguyên lúc « Ngày nay đổi mới », các anh em đã lãnh phần hết rồi, chỉ còn chưa có mục phóng sự. Tôi thuộc kẻ đến sau, không có quyền chọn lựa, kêu nài. Tôi nhận mà đem một câu của Crébillon để mà ví von. Anh nhớ câu đó chứ?

— May thay tôi còn nhớ. Đó là câu : « Corneille đã chiếm Thiên-đàng, Racine đã chiếm Trần-gian, thì tôi chiếm Địa-ngục vậy ! »

« Và anh thành công trong địa hạt phóng sự ! »

Mắt anh bỗng mờ màng, như chìm vào quá khứ.

— Chắc anh đang nhớ lại...

— Tôi nhớ lại một câu của anh Hoàng-Đạo.

— Anh có thể cho biết?

— Chẳng có gì là quan trọng hay bí mật cả đâu anh. Anh Hoàng-Đạo có lần thân mật nói với anh Ngô Bằng-Diễn (lúc ấy vào năm 1937): Anh Trọng Lang hai mươi năm sau hoặc có người thay anh hẳn, hoặc

không có người thay anh được. Anh nói thế, tôi nghe được tưởng anh đùa, nhưng sau hỏi lại, anh lặp lại mà không cười, khiến tôi không khỏi lo lo. Và vì lời nói của anh (tôi rất quý anh) mà tôi chuyên viết về phóng sự, cố sao mỗi ngày mỗi tiến trên con đường ít bộ hành này.

— Đến nay...

— Đến 1957, là đúng hạn hai mươi năm...

— Mà chưa có ai thay anh?

— Tôi đâu dám nghĩ thế. Tôi kỉ hạn hai mươi năm, tôi mới bắt đầu nghĩ đến việc thử đi ra ngoài con đường phóng sự. Tôi bắt đầu gom góp tài liệu để viết tiểu thuyết.

— Và đó là...

— ... tiểu thuyết « Cô gái làm đi » đang đăng dẫn trên tuần báo « Cười... Cười ».

— Chắc là những điều nghe thấy trong thời kháng chiến và thời hậu chiến đã giúp anh xây dựng quyển tiểu thuyết đầu tay này và nhân vật chánh hân là một nạn nhân của thời cuộc?

Anh gật gật đầu.

— Cô lại là điển hình của dân tộc Việt chúng ta. Mà « làm đi » đây không phải đón người cửa trước rước người cửa sau. Tôi cho « lấy chồng mà không yêu chồng là một lối làm đi ».

— Muốn thành công trong phóng sự, anh thấy nên có điều kiện gì?

— Theo tôi, điều kiện chính là : sống. Tôi muốn nói : sống nhiều, cả bề rộng

lần bề sâu. Bởi vì phóng sự là hình ảnh trung thành nhất của cuộc đời, nên nó đòi hỏi người phóng sự nó một độ sống trên mức trung bình.

— Thế thì viết phóng sự khó hơn viết tiểu thuyết ?

— Mỗi cái có cái khó riêng của nó. Tôi thì thấy phóng sự có phần khó hơn: tiểu thuyết có quyền nói dối có nghệ thuật, còn phóng sự thì có quyền nói dối không nghệ thuật.

— Nói dối không nghệ thuật khó hơn nói dối có nghệ thuật ?

— Khó hơn anh à. Có khác nào một người thanh nữ muốn người ta nhận mình đẹp tự nhiên, với một người muốn người ta cho mình đẹp vì nhờ son phấn. Phóng sự không uốn éo, không quanh co, không pha loãng ; nó thẳng thắn, nó cô đọng, thành ra nó dễ trắng trợn. Cái khó thứ hai là : phóng sự là một cuộc độc thoại. Dễ làm người ta chán.

— Thế thì quả là khó.

— Khó thế cho nên tôi từng nói. Trái tim của nhà phóng sự là một nhà thương có chỗ cho con đi mà cũng có chỗ cho bà hoàng. Tôi lại cho : nhà phóng sự là một ông vua, một ông vua không ngai, nhưng có trăm tai, trăm mắt.

Tôi cười.

— Thế thì tôi không ham làm ông vua đó rồi.

— Bởi không có ngai ?

— Không phải thế. Bởi vì có đến trăm tai, trăm mắt ! Có hai tai hai mắt mà còn điên đầu bể óc, huống hồ gì

phải nghe phải thấy nhiều hơn năm mươi lần !

Tê-lê-phôn lại reo. Anh lại xin lỗi và cầm ống nghe lên. Người gọi muốn nói chuyện với một người khác. Anh lại tiếp tục đàm luận với tôi.

— Anh thấy viết phóng sự có giúp được gì vào sự xây dựng xã hội không?

Anh không giấu được ngạc nhiên.

— Sao anh hỏi thế ?

— Những cái nhóp nhúa, thói hỏi đưa ra có thể làm người ta bớt tin tưởng ở người, ở việc, và trở nên bi quan.

— Tôi thì không tin thế. Chỉ trình bày cái mặt đẹp của cuộc đời, để khiến người ta tự toại, tưởng đâu mọi sự đều đẹp đẽ trên đời ! Người viết phóng sự vốn là kẻ tha thiết với sự thật, mong góp phần xây dựng ngày mai bằng những sự kiện xấu : đưa ra nhóp nhúa để mong thấy sạch sẽ, đưa ra lắm than để mong thấy sung túc, đưa ra gian dối để mong thấy thẳng ngay, đưa ra áp bức để mong thấy công bằng... Đó cũng là một cách góp phần xây dựng một thế giới mới cho loài người. Người đưa cái đẹp để theo, người đưa cái xấu để tránh, để sửa, cả hai đều làm việc cho cái phải, mỗi người một cách.

Giọng anh bỗng trở nên trịnh trọng, khiến tôi đổi ngay câu định hỏi anh.

— Trong nghề, anh đã gặp trường hợp nào buồn cười nhất ?

— Buồn cười nhất là dạo tôi viết về «Sống sót», đời tàn của thực dân. Có mấy «ông» Tây trong sở Mật-thám Liên-bang dọa : hễ chúng trở lại Đông Dương,

người Việt đầu tiên chúng bắn trước nhất là tôi.

— Còn anh giữ kỷ niệm nào vui nhất?

— Đó là lúc ba anh Tú-Mỡ, Thề-Lữ, Khái-Hưng và tôi thi nhau viết truyện vui. Truyện của tôi «Lường tài cún», (tức: Lường địa quan, nghĩa là Quan đo đất) được các anh em trong tòa soạn «Ngày nay» cho là vui nhất.

— Buồn cười vui dành có, nhưng còn cảm động, có không anh?

Anh nháy nháy mắt.

— Tôi còn nhớ mãi những giọt lệ của anh Khái-Hưng khi anh đọc phóng-sự của tôi về «Trường Mù». Tôi đưa người đọc vào cái thế giới thiếu ánh sáng ấy bằng cách không nói gì đến mặt trời, cố ý chứng minh: có nơi người ta sống không cần thấy. Tôi đã cố tình nói dối bằng sự lãng quên. Đó tức là nói dối không nghệ-thuật!

— Nghĩa là anh muốn chứng minh rằng đời vẫn đẹp dù không có mắt?

Anh mỉm cười.

Nguyễn-Ngu-Í viết lại

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

吸請 金字烟

Cigarettes *JOB* Surfiner

COFAT

Từ hai đứa xa nhau
Thơ không còn say đắm
Trời sao lắm mưa ngâu ?
Hoa ơi đừng nở chậm

Còn đâu giòng sông êm
Bờ xanh nững sóng liêu
Còn đâu chiều trắng lên
Nhạc thủy dương hòa điệu ?

Còn đâu cậu học trò
Siêng mơ mà biếng học
Còn đâu cô học trò
Khó cười nhưng dễ khóc ?

Tìm đâu vườn bách thảo
Buổi sớm vui lời chim
Có mùi hương dị thảo
Anh ngờ hương tóc em

Tìm đâu bến cát xa
Nắng chiều chia nửa bãi
Tìm đâu một loài hoa
Nở bên trời tuổi đại...

.

Khi trời khuya trở lạnh
Giờ buồn ru đêm sâu
Là giờ anh bắt đầu
Nói với người trong ảnh...

NÓI VỚI ẢNH

TƯỜNG - LINH



QUA CƠN THỬ LỬA

PHAN-DU

— **A**NH huyện Thanh !

Vừa gọi xong, Tuấn biết mình lỡ lời vì nghĩ cái lỗi xưng-hô này có thể làm cho người bạn cũ phải ngượng. Tuấn vội sửa lại :

— Anh Thanh ! Gặp lại anh, mừng quá !

Một người đàn ông vào khoảng ba-lăm, đầy đà trong bộ đồ bà-ba bằng vải nhuộm xám đã cũ, đang ngồi cúi đầu ăn bún ở phía đầu hồi chiếc quả-đàn dài trong quán, ngẩng

lên nhìn với cái dáng bỡ-ngỡ một lúc, rồi vui vẻ cười lớn :

— À, anh Tuấn. Anh nhìn ra được tôi, giỏi thật. Nhiều người quen cũ gặp lại... tôi có nhắc họ mới nhận ra. Tôi khác xưa nhiều lắm phải không ?

Tuấn gật đầu :

— Có khác nhiều, nhưng tôi vẫn nhận được dễ dàng. Hiện giờ anh ở đâu ?

— Tôi à ? Từ ngày chiến-cuộc xảy ra, tôi tản cư, dời chỗ trú ngụ có bốn năm lần, rồi lên trên này ở mãi cho đến giờ. Gian-truân nhiều nỗi lắm anh ơi ! Nhưng vẫn sống.

Ngừng lại nhìn Tuấn, Thanh vui vẻ :

— Anh chẳng khác trước bao nhiêu ! Gặp nhau thật đáng mừng. Nhà tôi ở cách đây độ bảy tám cây sò. Chắc anh cũng lên ngả ấy chứ gì. Anh ghé tôi chơi. Chúng ta ăn xong rồi cùng đi nhá ! Bún ở quán này khá ngon mà lại rẻ.

Nói xong, Thanh lại cười, lừa bún và thịt vào đầy mồm, cắn ọt rồi nhai nhồm nhoàm. Giọng cười khoái trá cùng thái-độ rất tự-nhiên, dung dị của Thanh lúc này khiến Tuấn phải ngơ ngác và đâm thẹn vì sự ước-đoán sai lầm của mình. Ở Thanh chừng như không có cái mặc-cảm sĩ-diện rất thông thường của hạng người sa cơ thất thế khi phải chạm trán với những kẻ quen biết cũ đã từng chứng kiến cuộc đời quá-khứ đáng hãnh-diện của mình. Và nhất là giọng cười, cái miệng cười của Thanh càng làm cho Tuấn phải nghi-ngợi nhiều hơn. Đối với Tuấn, sự thay đổi đáng chú ý nhất ở người bạn cũ là cái « *miệng cười* » ấy, cái vẻ trẻ trung, vui tính hơn là cảnh thẳng thớm, lên voi xuống chó hẳn đang lâm vào, hay cái tương-phản xồn - xang giữa hình - ảnh một ông tri-huyện mập mập, phương phi, oai-vệ trong bộ quốc-phục sang trọng đầy quan-cách thuở nào với hình

ảnh một con người thường dân đang lăn lộn, quay quắt trong một cuộc sống đầy gian khổ giữa thời bình-hòa.

Vì chính cái « *miệng cười* » ấy khơi gợi lại ngay trong cuộc gặp gỡ này rất nhiều kỷ-niệm ngộ nghĩnh, buồn cười về Thanh ở cái thuở mà hai người còn sống bên nhau, đồng thời làm cho Tuấn nhận thấy ở Thanh một sự biến cải rất đổi lạ lùng...

Năm Tuấn còn theo học lớp nhất trường Khải-Định thì Thanh đang là một anh chàng thư sinh của trường Quốc-tử-giám.

Thanh là con một nhà điền-chủ bậc trung, người cùng tình ; lại quen biết cha mẹ Tuấn. Ông thân của Thanh đã già lắm. Tuấn còn nhớ đây là một ông cụ già gầy đét, có một bộ mặt hay cau có và một con mắt chột trắng dã. Một ông cụ già lắm lì nhưng háo thắng tự-phụ, dưới cái hình - thức khiêm-tôn, nhỏ nhoi của một con trùn đất. Một con người loay-hoay trọn đời vì cái mộng công-danh rồi đến cái mộng có con làm tri huyện, tri phủ để mình được làm cụ « *cò* ». Kể ra đây cũng là cái tâm-lý rất thông - thường của người đương thời. Nhưng có một điểm đặc - biệt là, với ông cụ, mối ăn-trước về công danh đã được chuyển tiếp qua gã con trai thành một sứ mệnh cao cả. Cái mộng làm cụ « *Cò* » đã gây ra cho ông cụ một thứ nhiệt-tình trên đường mưu-cầu công danh, giống hệt như cái

nhật - tình của những kẻ cuồng tín trong trường chính - trị. Theo nhiều người được biết rõ về ông cụ thì nó là cái hậu quả của bao nhiêu tội nhục, mà gia-đình ông cụ — trải qua mấy đời với cái sỗ-phận « bạch - đình » — phải chịu đựng trong xóm, trong làng nhất là ở chôn đình trung.

Từ ngày bắt đầu đưa con ra Kinh, ông cụ đã cò nài xin cha mẹ Tuấn để gởi Thanh ở ngay trong nhà, chẳng phải chỉ vì cái gia-đình lễ-giáo này có thể ngăn ngừa được cho Thanh sức cám dỗ của những thú trụy lạc ở đất kinh-kỳ. Ông cụ còn muốn Thanh phải tập sống theo cái khuôn phép của một chôn cao-môn. Vì theo ông cụ, đó là một phần quan-trọng trong cái bí-quyết thành công. Những lúc ở gần con, ông cụ không hề xao nhãng một phút nào trong công việc huấn luyện con trai mình về khuôn phép, nhất là những lễ thói đối xử với quan trên, quan thấy. Mỗi lúc bắt chộp được ở Thanh một khuyết-điểm chạm đến cái « giới răn phạm thượng » là ông cụ hốt hoảng, như đứng trước một tai họa lớn.

Tuy đã khôn lớn, chàng thư-sinh trường Giám này vẫn được ông cụ kiểm thúc, uồn nắn như người ta uồn nắn một cây kiềng vậy.

Và cái việc đáng buồn cười nhất, Tuấn còn nhớ mãi, là chuyện Thanh gia công sửa trị một cái cò tạt mà gã cho là bất lợi.

Cái cò tạt là cái thói quen hay cười. Chỉ thể thôi. Nhưng đây là một khuyết điểm mà ông cụ lo ngại trước nhất. Ông cụ thường nói :

— Cái gì ở mày cũng được cả, quan trên các ngài cũng có thể thương cả. Chỉ duy có cái miệng mày là bất-trị. Tao nói mãi, la rầy mãi mày vẫn không chữa. Cái miệng mày vô lễ quá. Cứ sắp nói là đã mỉm cười rồi. Quan trên người ta có thể hiểu lầm, cho là mày kiêu ngạo, vô lễ, vô phép. Hừ, chưa nói đã cười ! Cò mà chữa đi, không thì khổ vào thân đây.

Tuấn thật không thể hiểu tại sao có người vì cái công danh đèn phải sợ hãi vì một cái miệng hay cười. Mà nào cái miệng hay cười của Thanh có vô duyên chút nào đâu. Tuấn thấy ở Thanh, nếu có một cái gì gọi là đẹp, một cái gì làm cho người ta mến gã, thích gần gũi và vui lây theo gã cái đó chính là cái miệng cười. Gã cười có duyên quá. Nụ cười của Thanh có một sức hấp dẫn, quyền rũ rất kỳ lạ. Mỗi lúc gã cười, gương mặt gã sáng ra, tươi lên.

Tuy nhiên sau một thời-gian, mặc dầu không sửa trị hẳn được cái tật ấy, Thanh cũng đã đổi khác rất nhiều. Bao vẻ nhiều trẻ-trung, linh-hoạt, nhanh nhẹn lùi bước vội vàng để lại ở người gã sự khô - khan, cần - cỗi. Thanh rất ít cười và rất ngại cười, già hẳn ra, đạo mạo thêm. Tuấn lấy làm tiếc và khó chịu,

nhưng ông cụ thì rất hài lòng. Cả Thanh cũng vậy, gã coi như đã thoát được một tai họa lớn lao.

Cách bốn năm sau, Tuấn gặp lại Thanh thì gã thư sinh không dám cười ấy đã là một ông Tri-huyện. Cha gã được những người quen biết gọi là cụ « cồ ». Gã đã chuộc lại bao nhiêu ruộng đất mà cụ « cồ » phải bán chạy tiền ăn học và xây được một tòa nhà khá đồ sộ.

Thanh làm tri-huyện đâu mới được vài năm thì cuộc khởi nghĩa mùa Thu xảy ra. Tiếp đến khi chiến cuộc bùng nổ, lan tràn khắp toàn-quốc, Tuấn chẳng biết gã bị trôi giạt về phương nào cho đến hôm nay.

Tuấn ngắm kỹ Thanh trong lúc gã ăn bún. Chính cái miệng cười và nụ cười duyên dáng của Thanh lúc này làm nổi bật dần dần những nét đôi thay quan-trọng ở người gã. Ngồi trước mặt Tuấn lúc này là một nhân vật nào khác lạ hẳn, nhưng là cái khác lạ tạo nên bởi sự đổi mới hoàn toàn của một con người hơn là vì cái cảnh sa sút, long đong của thân thể. Người Thanh trông có vẻ già dặn ra, hoạt bát, phóng khoáng nhanh nhẹn khác xưa rất nhiều. Gương mặt chữ điền với màu da rám nắng và cặp mắt rất sáng dưới đôi chân mày rậm, lộ đầy một vẻ cương quyết, một thái độ ngạo-nghe, thách thức đối với tất cả mọi thử thách của cuộc sống giữa thời bình-hòa. Trong cái bộ cánh tằm thường, giản dị, cũ

kỹ, trông Thanh lại không có vẻ tầm thường như khi còn là một anh học trò trường Giám hay dưới cái hình thức đầy quan-dạng của một ông Tri-huyện thời tiền chiến.

Vừa ăn uống xong, Thanh đã đứng lên bảo Tuấn :

— Chúng ta lên đường vậy. Đã xế chiều rồi, cần đi ngay để về đền nhà cho sớm sửa. Ba-lô anh đâu ?

Trong lúc nói, Thanh cúi xuống xắn cao hai ống quần, trông lại quay dép cao su vào gót chân, đội nón rồi bước ra sân quán. Tuấn bước theo và rất ngạc nhiên khi thấy Thanh sửa soạn một đôi bấu, xong lại đỡ lấy ba-lô của Tuấn :

— Anh bỏ xuống đầu này, tôi gánh luôn cho !

Tuấn sững sờ :

— Anh cũng gánh được nữa sao ?

Thanh đặt đòn gánh lên vai, nhún mảy cái, gật đầu :

— Cẩn lắm. Được rồi ! Anh ngạc nhiên cũng phải. Trước kia tôi cứ tưởng mình chẳng bao giờ làm được những việc này, nhưng rồi gì cũng xong cả... Gánh thì không đi chậm được, anh chịu khó rảo bước nhanh hơn thường một chút nhé...

Khi đã ra đường, Thanh bảo :

— Chiến tranh đem lại cho cuộc đời nhiều xáo trộn kỳ lạ quá anh ơi ! Trước kia anh có bao giờ tưởng tượng được, là tôi sẽ ra như thế này không ? Chắc là không !

Tuần gật đầu vì chính Tuần cũng nhận thấy một cảnh-trạng của Thanh quả thật vừa oái oăm, vừa ngộ nghĩnh quá sức tưởng tượng, tuy từ đạo binh hỏa xảy ra đến nay, Tuần đã được chứng kiến rất nhiều cảnh thăng trầm quá đột ngột trong đám người chạy loạn. Rất nhiều. Nhưng những hình ảnh đậm đà nhất vụt hiện ra trong trí tưởng của Tuần lúc này là hình ảnh một ông phán già, giàu có lắm ở tỉnh-ly, đã từng được bọn thực dân liệt vào cái hạng « *sống theo kiểu Âu-châu* », sau ngày tân-cư chỉ mới hai tháng, vốn liếng chỉ còn đủ mua mấy ồng « *quinacrine* » Mỹ để bán lẻ kiếm lời. Tội nhất là trong lúc chen lẫn đám đông ở chợ, chỉ vì đánh rơi mất một ồng thuốc mà ông cụ run bần cả người, mặt mày tái xám và, sau đó, khi có kẻ nhặt được đem cho lại, ông cụ lại khóc sụt sùi vì mừng rồi lay dầy để tỏ lòng tri-ân. Một thời gian sau, có tin ông cụ tự-tử. Cùng với hình ảnh này là một người đàn bà trạc ngũ tuần, có hàng chục gian phố cho thuê, hàng trăm con bò vắt sữa, đã hóa điên, hóa cuồng vì chạy giặc thành lính phải ra đi với một bọc hành lý, một sô vàng và bạc mặt để rồi bị cướp giật dọc đường. Trên con đường huyện lộ mịt mờ bụi đỏ, đông nghịt cả người, xôn xao từng đoàn, từng lũ chen lẫn nhau, dài tải, khuôn khố những mảnh vụn của gia tài, sự nghiệp, lũ lượt trải qua, người đàn bà ấy, suốt ngày, tóc tai bù rối, cầm một cành cây múa men để mỗi

lúc gặp người đi qua, nhìn vào tận mặt rồi cười lớn mà hỏi: *Bò tao đâu? Nhà tao đâu? Năm chục lạng vàng, bảy chục lạng vàng, chúng cướp của tao mất hết!* Bị thu hút theo cái sức cuốn cuộn của những làn người sóng ạt đồ dorr mãi lên những vùng nước độc, nguồn cao, chẳng biết rồi cái bóng người đàn bà tay cầm cành lá ấy trôi giạt về đâu. Tuy nhiên lúc này so sánh cái ngộ cảm của Thanh với các thân thể của hai người xấu số nọ, Tuần vẫn cảm thấy có một cái gì làm cho Tuần phải bàng hoàng...

Thanh vui vẻ nói tiếp:

— Những cuộc xáo trộn mới trông thì có vẻ bi đát, tai hại thật. Nhưng càng đi sâu vào mới thấy có cái hay anh ạ. Con người có những khả năng tiềm tàng rất kỳ lạ và chỉ có thể khai triển được đúng mức trong nghịch cảnh mà thôi. Không bị chó dữ rượt đuổi, anh chẳng bao giờ chịu nhảy qua những hào rãnh mà lúc thường anh cho là khó thể nhảy qua. Trước kia có ai bảo bọn chúng mình sống trong hoàn cảnh này được.

Thanh dừng lại trở vai rồi vừa đi vừa lấy khăn lau mồ hôi trên mặt. Tuần ái ngại hỏi:

— Anh gánh có nặng lắm không?

Thanh cười:

— Thăm gì. Quen rồi! Tôi ở vào một xóm hẻo lánh, thiếu các thứ nhu cầu như thuốc men, vải vóc, xà-phòng, dầu lửa và nhiều vật

dụng cần thiết, nên cứ mỗi tháng lại phải xuống tận chợ tiếp tế một lần. Đạo này phi-cơ chúng bắt phá dữ dội quá, để đàn bà đi bắt tiện, tôi phải thân hành.

Trong tiếng kiu-kít đều đều, êm ái hòa lẫn với tiếng dép cao - su chạm xán xạc vào mặt đường gỗ ghè đầy sỏi sạn, Thanh kể lại những biến-cổ của đời gã từ ngày có cuộc cướp chính đền giờ.

Thanh bị mất chức Tri-huyện vào một buổi sớm mùa thu. Vì chẳng kháng-cự nên gã được yên thân rút lui ra khỏi huyện-đường, tuy vậy, cái tai-họa này vẫn kéo bè, kéo lũ theo với nó biết bao nhiêu là chuyện rắc rối. Ngay trong làng, bọn chức sắc trước kia phải chịu lép uy-thề vì cái địa vị của Thanh và bắt mãi ngăm ngăm trước cái thái-độ trịch-thượng, hách dịch của cụ « Cồ » đưa nhau tìm đủ cách làm nhục, trả thù cho bõ ghét. Một sò trong bọn dựa vào cái thế của anh em, bà con « tham gia bí mật », cồ tình hăm hại, đâm đốt, báo cáo Thanh đủ điều. Thanh được liệt vào hạng « bắt mãi », không đáng cho tham gia bất cứ công việc gì ngay cả ở địa-phương và cần được theo dõi từng hành-động. Như thế đã hết đâu. Cùng với cái rập trên đường công-danh. Thanh còn vướng phải một cái rập về đường tình-ái. Vợ Thanh, chưa có con cái gì, giữa lúc can đảm chia sẻ với chồng cái ngộ cảnh chẳng may này, đã thay lòng

đổi dạ một cách trắng trợn. Vồn là con nhà giàu có — thuộc một gia-đình tư sản mại bản — và trước đây sở dĩ cô nàng chịu gả nghĩa với Thanh chẳng qua chỉ vì cái địa vị của gã, cái tham vọng được làm « bà phủ », « bà huyện » với thiên hạ hơn là vì tình yêu, nên đến lúc cái mộng làm « bà », đã tan vỡ một cách đột ngột thì bao nhiêu tình nghĩa cũng tan theo. Hơn nữa, cái mộng « làm bà » lại tan vỡ ngay giữa một tình-thế hỗn loạn gây nên bởi mỗi công phần của xã-hội dùng lên án tất cả mọi thứ uy thế, quyền năng, trật tự an bài trong chế-độ lỗi thời, đã làm cho bà huyện trẻ tuổi tự đứng nhận thấy chuyện lầy chồng quan là cả một sự lố lảm, đại đột đáng ân-hận trọn đời. Giữa cái tình-trạng ấy, Hồng — vợ Thanh — quyết định tìm một con đường thoát. Lẽ dĩ nhiên chuyện phụ tình của nàng đã được công luận cũng như pháp lý của thời đó tán-thành và hoan-nghênh nữa là khác, khi bà Huyện trẻ đã viện ra cái lý-do vì giấc ngộ, không thể nào còn sống chung được với một phần tử « phong - kiến » hạng nặng, « bắt - mãi », có tư-tưởng phản-động, có những quan-niệm lạc hậu, thường gàn quai vợ trong việc tham gia công-tác và chưa biết chừng có thể đưa thị vào con đường lố lảm, phản-dân, phản-quốc...

Thanh nhắc lại câu chuyện tâm-tình đáng đau xót này với cái vẻ

thần-nhiên, lạnh - lùng của một kẻ bàng-quan, rồi tiếp:

— Thề rồi tác-chiến xảy ra. Tôi phải chạy loạn vào lúc nửa đêm với một ông bồ già và hai đứa cháu trai mồ côi còn nhỏ. Cả bọn chẳng mang theo được cái gì nên hình cả..., ngoài mấy bọc hành-lý và một gánh đồ đạc quơ - quàng vội vã mà tôi phải cõ sức nai lưng để gánh. Nghĩ cũng tức cười! Lúc thường, thử đặt gánh lên vai, bước đi vài bước đã thấy bắt kham rồi. Nhưng đến lúc này, thì lạ lắm. Đường trường hàng trăm dặm vẫn vượt qua được. Thoạt tiên cũng thấy khó khăn, vất-vả thật, lắm lúc muốn quăng gánh đi, nhưng vì cái sống mà phải cõ bám lấy, rồi quen dần... Quen dần nhưng cái cảm giác nặng nề của gánh hành lý trên vai thì chẳng chịu phai nhòa... Nêm trái mũi vị tán cư trong mây thảng đấu, giữa cảnh thiếu thốn, túng quẫn đủ mọi bề, với một ông bồ già cả bệnh hoạn, hai đứa cháu ỏi ọp, thơ đại, trước cái ghê lạnh, miệt thị của phần đông đồng bào địa phương, cái cảm giác ấy càng đậm đà hơn, đè trĩu cả tâm hồn và gieo vào lòng tôi một mối chán chường đến muốn quẫn trí,

Thanh nghĩ nói, bước chậm lại, vì đường đã bắt đầu dốc. Tuần ngẩng nhìn con đường đất đỏ, lồi lõm cả đá, bờ ngồng - ngoèo, quanh co như một con rắn uốn khúc, trườn mãi lên một eo núi cao:

— Dốc cao quá!

— Cao nhất trong các dốc trên con đường này. Anh biết người ta gọi nó là dốc gì không? Dốc « *Giảm thọ* ».

Ngừng lại trở vai, rồi mím môi, dò dẫm từng bậc đá, Thanh tiến lên. Tuy có gánh nặng Thanh vẫn đi nhanh hơn Tuần và thỉnh thoảng phải dừng lại để chờ. Như thề mãi có gần nửa tiếng đồng hồ, cả hai mới lên hết dốc. Thanh tiến lại phía một cây gạo lớn, đặt gánh xuống, thở phào một tiếng khoan khoái:

— Anh ngồi vào bóng mát nghỉ đã. Tôi có đem nước theo đây.

Sau khi đã uống nước, hút thuốc. Thanh vẫn ngồi yên lặng. Mặt trời như một ngọn đèn pha, từ phương Tây chiều xiên lại, soi sáng núi rừng với những tia nắng màu vàng nghệ tạo cho cảnh vật một sắc thái huy hoàng, lộng lẫy. Tuần nghĩ là Thanh quá mệt, cần ngồi lâu, nên cũng ngồi yên ngắm cảnh núi rừng. Bỗng Thanh nhìn Tuần cười khê:

— Anh có thấy cái dốc này cao ghê gớm không? Cao, dài, khó đi. Người ta gọi là dốc « *Giảm thọ* » cũng phải. Nhưng tôi, tôi đặt tên nó là dốc « *Chuyển hướng* ». Tôi bắt đầu làm lại cuộc đời, sống lại một cách thực sự là ở tại cái dốc này. Vì một sự gặp gỡ rất ngộ.

Ngồi im mấy phút như cò hồi tưởng lại những gì đã qua, Thanh nhìn xuống phía chân rồi bắt đầu kể:

— Cái thê sông trong thời chiến loạn với tình trạng tản cư đã thúc bách gia-đình tôi phải dời chỗ trú ngụ mãi và dật dίου nhau tiền lần lên ngã trên này. Tôi còn nhớ cái hôm chúng tôi đến đây, cũng vào một buổi xế chiều, vừa nhìn cái dốc, tôi đã đâm ngán đến chẳng còn can đảm tiến bước nữa. Sau một ngày trời băng bộ nhọc-nhân, phải đứng trước một cái dốc cao vọt-vọt vụt hiện ra như cồ chấn hấn lồi đi, tự nhiên tôi cảm thấy rợn người và nhụt chí. Cái ngun ngút của ngàn xanh, vẻ bí-mật lạnh lùng của rừng núi, cái cheo leo, heo hút của cảnh vắng dậm trường như hù nhau đe dọa, uy hiếp, đẩy lùi tôi lại. Qua nửa năm trời tản cư trong cảnh chật-vật, túng quẫn, bệnh hoạn, tôi cảm thấy, ngay trước áp lực của rừng thiêng, đuối sức như một người bơi quá lâu trong bể cả giữa cơn giông-tổ. Cái cảm giác nặng nề trĩu trên vai, đè trĩu cả tâm hồn, lúc này như muốn đè bẹp cả người tôi...

Giữa lúc ấy, ông thân tôi kêu khát. Tôi vội men xuống suối để lấy nước. Khi trở lên tôi ngạc nhiên và cảm-động xiết bao vì thấy một ông lão, một bà lão và hai thanh-niên cường tráng đang ngồi xúm xít bên cạnh cha tôi và hai đứa cháu, trong lúc một thanh-nữ lục soạn thức ăn, nước uống từ trong gánh ra. Tôi hỏi mới biết họ cũng là một gia-đình tản-cư định lên miền trên này để trú

ngụ. Thái-độ niềm nở, thân mật rất tự-nhiên, thành thực của họ đã chiếm cảm-tình của tôi ngay những phút đầu và không ngần ngại cho họ biết rõ về tình cảnh của tôi. Cụ lão nghe xong cười lớn:

— Kể cũng đáng buồn. Nhưng cả vừa thiên hạ chứ riêng gì ai đâu! Nghĩ lại rồi cũng chẳng nên buồn tức làm gì vô-ích. Lão đây cũng vậy. Nhà cửa, vườn tược của lão, của cái, ruộng nương của lão cũng đã mất sạch cả đây. Nhưng lão vẫn cười. Sự đời mất mát, còn còn thường lắm! Mất gì thì mất, miễn còn người là quý! Còn người là còn của, hơi đâu mà lo.

Nói xong ông cụ lại cười, thúc giục tôi ăn uống. Tiếng cười sáng khoái của ông cụ, vang dậy giữa cảnh núi rừng hoang vắng, có một âm hưởng rất lạ làm cho tôi cảm thấy vui lây và nghe khác hẳn trong người. Trong lúc ông cụ và hai người con trai trò chuyện với tôi thì bà cụ và cô con gái hỏi han hai đứa cháu nhỏ. Về hiển dụ, nhân từ của hai mẹ con khiến tôi chú ý, nhất là của cô con gái. Nàng có một sức quyến-rũ kỳ lạ, không phải vì sắc đẹp, nhưng vì cái vẻ phúc hậu, hồn nhiên, chân thực, cái gương mặt rạng rỡ vui tươi với những nụ cười hâu như bắt tuyết trên đôi môi hồng. Tuy nàng ăn vận rất tầm thường, tôi vẫn thấy sự hiện diện của nàng lúc này như đã làm tăng thêm ánh sáng và dịu bớt cái vẻ man

rợ, hẻo lánh của một vùng rừng núi. Cũng như tiếng cười của ông cụ và cái vui tính của hai người anh, nụ cười của nàng bắt vội những nhịp cầu thông cảm giữa tôi và gia-đình nhà này ; mỗi thông cảm của những người cùng chung cảnh ngộ, và làm cho tôi cảm thấy gần gũi, tợ hồ như đã quen thân từ lâu ngày rồi. Khi ăn uống xong, ông cụ hỏi tôi :

— Anh lên miền này đã có dự định gì chưa ?

Tôi lắc đầu : Ông cụ mỉm cười, thân mật :

— Chưa thì rồi sẽ có ! Cứ vững tâm mà đi. Cùng là đồng bào với nhau cả, cùng lâm vào cái hoàn-cảnh này phải nương tựa nhau mà sống. Lúc thời bình lão đã lên vùng này, biết rõ địa thế lắm. Ở đây đất đai phì nhiêu, nhưng người thưa thớt, có sức khai phá, giỏi chịu gian khổ một thời gian thì không còn lo đói. Những gì đã mất đi thì đừng thêm tiếc. Phải tạo ra của cải mới, Nó không ở đâu xa cả mà ở trong lòng đất đai, trong cánh tay và sức lực của mình thôi. Thôi đi ta !

Câu nói sau cùng tôi nghe như một mệnh lệnh. Một thứ mệnh lệnh nó kích động cả tâm hồn để người ta phải tuân theo không chút do dự, đắn đo. Tôi càng cảm động hơn khi ông cụ buộc hai người con trai dồn cả hành lý của họ mang theo cho một người đi tải, để một người cõng hộ ông thân tôi lên dốc. Rồi cả bọn, kẻ trước người sau,

cùng tiến bước. Ông cụ dẫn đầu với một gói hành lý khá nặng trên vai. Tuy mái tóc đã bạc nhưng dáng đi thì lại rất vững vàng, hăng hái. Nhìn ông cụ tự nhiên tôi đâm thẹn. Gánh nặng trên vai tôi như nhẹ hẳn đi và cái dốc cao vỏi vỏi như nhẹ dần xuống. Trong cái vui vẻ, cương quyết của mọi người, tôi cảm thấy phần khởi hẳn lên, và khi đã vượt hết dốc cao, quay nhìn trở lại quãng đường đã qua, tự đứng tôi nhận chân được cái tiềm năng rất kỳ lạ của con người. Sự hèn yếu, bất lực chỉ là một ảo giác. Ngay cả cái cảm giác nặng nề đè trĩu trên vai tôi, trên tâm hồn tôi lâu nay cũng chỉ là một sức nặng giả tạo của một « gánh âu lo » vô lối mà thôi. Ông cụ và cả gia đình ông cụ, với cái tình tương thân, tương trợ và cái chí cương quyết, đã giúp tôi quãng xa được gánh nặng, để vượt qua dốc cao một cách dễ-dàng. Và cái ngày vượt dốc, tính đến nay, thậm thoát đã bốn năm rồi...

Thanh đứng lên, vui vẻ đưa tay chỉ xuống cánh đồng ở bên kia dốc :

— Bây giờ, anh nhìn xem.

Tuy đứng trên cao, nhưng theo hướng Thanh chỉ, Tuấn cũng nhận thấy rõ một mái nhà tranh khá lớn nằm giữa một khu vườn rộng gần mẫu đất. Khu vườn với lối trồng trọt rất ngăn nắp có một vẻ xinh xắn nên thơ dễ cảm lòng người.

Khu vườn ấy, ngôi nhà ấy, và cả những thửa ruộng chạy trước mặt

nhà, có non tám sào, đều do vợ chồng tôi tạo lập, khai phá, canh-tác lấy. Mấy ngôi nhà phía trên kia cùng cánh đồng hẹp ở phía tay trái có dòng suối chảy qua là của gia đình ông cụ.

Tuần ngạc nhiên, vừa muốn hỏi điều gì thì đã nghe có tiếng hát từ đâu [phía dưới] văng lên. Tiếng hát rõ dần rồi một thiếu phụ từ ngã quẹo khuất sau những bụi mọc rậm hiện ra.

Thanh cười :

— Nhà tôi đây! Nhà tôi lên rước tôi.

— Như sợ Tuần không hiểu, Thanh nói tiếp :

— Rước nghĩa là gánh hộ!

Vừa trông thấy Thanh, thiếu phụ đã vui vẻ :

— Anh về chậm quá. Cả nhà trông đèn sốt ruột vì trưa nay nghe bom nổ nhiều ở dưới.

Rồi nàng nhìn Tuần, đáng hơi ngỡ. Thanh giới thiệu ngay :

— Anh Tuần đây. Ngày xưa anh ấy là bạn rất thân. Anh mời về nhà chơi!

Và quay nhìn bạn, Thanh đùa :

— Nhà tôi, bà huyện... mới của tôi!

Nói xong Thanh cười khanh khách, Bích, vợ Thanh, vui vẻ chào Tuần rồi thân-mật bảo chồng :

— Anh để em gánh cho.

Trong lúc vợ chồng Thanh trao gánh cho nhau, Tuần ngắm kỹ Bích. Nàng còn trẻ lắm, đâu mới đôi mươi

và trông rất mặn mà, duyên dáng. Vừa nhìn qua vẻ người, tự dưng Tuần như đoán ra một điều gì và khi Bích đã xuống dốc cách hai người khá xa, Tuần mỉm cười bảo bạn :

— Nếu tôi không lầm thì chị ấy là « *nàng tiên* » mà anh vừa ca-tụng lúc nãy, một nàng tiên làm sáng một khu rừng.

Thanh gật đầu vui vẻ :

— Anh đoán chẳng sai. Chính là con gái ông cụ. Chúng tôi vừa kết duyên với nhau được hai năm. Đã có một cháu nhỏ kha khá lắm anh ơi!

Tuần vỗ vai Thanh, cười lớn :

— Thì ra qua những biến cố của đất nước, anh tuy bị mất rất nhiều, nhưng lại không thiệt thòi gì cả.

Thanh nhìn theo Bích, rồi đưa mắt suy ngẫm cánh đồng, khu vườn dưới xa :

— Quả đúng như vậy. Tôi đã mất những gì đáng mất để tìm được những cái đáng tìm. Và trong cuộc sống hiện tại, trong cuộc chiến đấu với mọi gian lao, sự đảo lộn về thân-thể cũng điều chỉnh cả trong tôi cái quan-niệm về giá trị và hạnh-phúc của con người, nên mỗi lúc nhìn lại dĩ-vãng, tôi không thấy tiếc mà chỉ thấy mừng. Tôi mừng vì những gì mà đời thường cho là rủi ro, vô phúc đã đến sớm với tôi để tôi có dịp già từ chúng mà nhìn rõ sự thực.

Phan-Du

Vương sầu

SAO-TRÊN-RỪNG

trông ánh mắt buồn xưa tôi khóc được
nhớ nhung tràn ôi một cõi trời xa
nhớ nhung tràn ôi một thuở nào xa
áo trắng bay bay sáng ngập phố phường
đời như mở cả một trời hương ngát
rồi năm tháng mùi hoa thơm cũng lạt
áo phai đi đầu nắng cũng đang hường
dù tháng năm tình vương thoi cũng nhạt
là lúc đầu xa biệt những ngày hương
là lúc thoi mơ mộng giữa đêm trường
và tất cả tưởng chừng như đã mất
áo trắng bay nhanh tưởng chừng đã khuất
tay có dài không với lại trời xưa
nhưng đáy tâm tư lắng đọng không ngờ
sầu đưa đến cả một trời khơi dậy
trong giếng mắt người xưa tôi đã thấy
ánh tung bừng của cả một trời xa
cảm lạnh hồn như một kiếp nào xa

S.T.R.

(những bài tình đầu)



TRÒ CHƠI GIẾT NGU'Ò'I

Gerd Gaiser
Nguyễn dịch

GERD GAISER (1908 —)

Gerd Gaiser là nhà văn đương thời của Đức Quốc. Cùng với Heinrich Böll và Ilse Aichinger, ông đã có tên tuổi trên văn-đàn quốc-tế. Cả ba đều đã có tác-phẩm dịch ra Anh ngữ. Ông thuộc thế-hệ của những nhà văn hậu-chiến, những người sống trong một thế-giới đầy biến cố hung-bạo. Gaiser là người của Thế Giới Trật Tuyến Miền Đông với những Berlin, Hamburg và Cologne hoang tàn. Qua những kinh-nghiệm hậu-chiến, Gaiser cũng như các văn-hữu của thế-hệ đã phản-chiến sự nứt rạn giữa thực-tại khủng-khiếp và tính-chất ngụ-ngôn siêu-hình, một tính-chất điển-hình của các truyện ngắn Đức quốc suốt trong lịch - sử văn - học. Những tác-phẩm của ông cũng như của Böll có thể coi như là những tác-phẩm tiêu-biểu nhất của Đức từ thời chiến đến nay.

CÀM bằng như tất cả các bạn đều biết trò chơi ấy, một trò chơi hiển cho ta một cảm - giác gây-lạnh, mà lại có đôi phần đáng ngại khi những kẻ trưởng thành dự cuộc. Những mảnh giấy được trộn đều lên, mỗi người rút lấy một, xem mình được chỉ định - vai gì, rồi cắt đi — một người nào đó sẽ rút được vai sát-nhân, một kẻ khác vai trò thám tử, còn tất cả những mảnh giấy còn lại đều để trắng, tất cả mọi người đều có thể là nạn nhân — Không một ai có thể biết được kẻ nào là kẻ sát nhân, hẳn phải giữ kín tung tích; toàn nhóm sẽ định có nên giữ kín nốt cả danh tánh của viên thám-tử hay không... ? Giờ thì những người dự cuộc có thể tùy theo khuynh-hướng mà tản mát khắp trong căn nhà kể từ gác xép sát trần cho tới tận dưới các hầm rượu; họ có thể làm ra như ta đây đang ở trên một con tàu biển, tuyên bố một khoảng sân là boong, mọi người có thể thông thả tản bộ trên đó, hoặc giả họ phân tán giữa các lùm cây trong vườn. Đêm, có lẽ là một đêm giả tạo, giúp cho cuộc chơi tiến hành, ít ra cũng có đôi chút bóng tối. Để bảo toàn sinh-mạng, người thì tìm chỗ ẩn, kẻ lại lộn xòng vào với mọi người: nhưng như thế thật dễ chạm trán với kẻ muốn giết mình — Không một ai hay cuộc ám-hại sẽ xảy tới lúc nào, và ai sẽ là người gánh chịu số phận thảm thê kia — Trong khi cuộc chơi diễn tiến, một canh bạc họp lại, vài mơn trớn hấp tấp đổi trao — Trong lúc ấy thì tử-thần lẳng đàng qua phòng sách dưới lối một người đàn bà, thăm thẳm, rồi vụt thò tay ra khỏi vầng mây voan. Trong những hoàn cảnh bình

thường mọi người đều đồng-ý cảm chỉ ác - ý; nhưng giờ đây, sau một tiếng đồng hồ nó có quyền lén qua cửa; và phảng phất đâu đây cái cảm giác hãi-hùng của lũ trẻ chơi trò treo cổ. Nín thở, xao xuyến; không ai rõ nạn nhân sẽ gục xuống lạng lẹ, hay sẽ bật ra một tiếng thăm thẳm, một tiếng kêu hay một tiếng gào khi kẻ đó chấm dứt vai trò, ngay đối với chính mình cũng chẳng ai hay âm-thanh nào sẽ theo họ lìa sân khấu, đôi tai phải lắng đợi bất cứ một cái gì. Chỉ khi nào cái hành-động ác-độc kia xảy tới, âm-thanh nọ mới thoát ra, một nỗi xốn-xang trộn lẫn giả chân, và rồi nhà thám-tử sẵn phạm nhân.

Tôi chơi trò này lần chót — vì tôi thà chẳng chơi nữa còn hơn, tôi chẳng còn cảm thấy thích-thú gì nữa — cái lần cuối ấy chúng tôi chơi ở Valea Calugareasca, một nơi hấp-dẫn, hắc-nhoáng mà đám phú-gia đô thị thường tới tụ một căn nhà xứ quê. Chính trong một những bữa tiệc vui kéo dài suốt sáng thâu đêm làm mọi người chán ngấy với những tuần giải trí ấy, mà mọi người phải cố moi óc cho ra hết có này đến có nọ, cương-quyết không để cho cuộc vui bị đứt đoạn. Trong bữa tiệc có rất nhiều người bất thường mà cũng có rất nhiều người bình thường, ba bốn thứ ngôn ngữ quện vào nhau, xen véc nhau như một đĩa màu trong lỉnh vẩn, ba kiểu quân-phục chen lén với những bộ thường phục hàng sọc nhỏ, và ngòm ngợp những voan những lụa. Toàn thể sự việc không có chút gì khiên cưỡng. Vì bấy giờ là thời chiến và chiến-tranh đã quá thì, trong huy-hoàng một đã bắt

TRÒ CHƠI GIẾT NGƯỜI

đầu gậm nhấm, và ngồi dần vào thuốc súng đã sẵn sàng.

Mọi người đều uống rượu. Không một ai quá chén, nhưng ai nấy cũng uống rất nhiều thứ rượu vang gát giọng, mềm môi, cất ở những trang trại gần vùng, sắc rượu màu trắng. Giấy đã rút xong và ai đó đã rút giấy chì làm ánh sáng vụt tắt ngấm. Thế rồi chúng tôi thấy ngày đang chờ đợi ngoài kia, nhưng đầu vậy nó còn ngừng bên ngưỡng cửa.

Tôi xin nói rằng tôi cũng như mọi người, không quá chén, nhưng uống nhiều đến cái mức tôi không còn tập-trung được vào một ý-kiến nhỏ nhoi nào, và tâm-trí tôi mặc sức phiêu du; tôi để mặc cho chân tôi dẫn tôi đi, chẳng buồn chú tâm đến cuộc chơi như vai trò đòi hỏi. Tôi quên không nói rõ là tờ giấy của tôi đã chỉ-định tôi đóng vai trò thám-tử, nhưng đối với tôi thì cũng thế mà thôi, tôi chẳng định sẽ lao-tâm khổ-tứ vì nó. Dù muốn dù không tôi tính đón thăm-họa ấy với một tâm trạng giấu cợt. Tôi ngán những người khác đang đóng vai tuồng của họ, tôi theo dấu những cặp uyên ương, tôi chú ý tới những động-tác của mọi người, vì những cái đó mang thật nhiều tính chất thực trong khi tất cả mọi sự đều hết sức giả-tạo.

Cũng như các ngôi nhà kiểu trường-giả Nga, một bao lơn chạy quanh khắp bốn góc nhà trên tầng gác sát mái; bao lơn, trống và mát, có gió. Gió trước bình-minh nghe tê-tái, những ngọn đồi thấp dưới chân rừng Carpathians đứng sừng in hằn nét viền dưới bầu trời.

Tôi vừa bước ra, thì một bóng đàn bà tan biến trước tôi như một cái bóng.

Nạn nhân lẫn trốn đây, tôi nghĩ thầm. Bà ta tưởng ta là kẻ giết người. Tôi theo gót bà ta. Bà ta lẫn chạy. Tôi theo bà ta quanh ba góc nhà, tôi thấy đầu bà ta rõ hơn, một khoảng trán và búi tóc, chiếc cổ mảnh dẽ, chiếc khăn quàng phấp phới trên nền tranh tối tranh sáng, thế rồi bà ta lẫn mất. Tôi bước theo, rồi dừng lại trên cầu thang, ngoảnh lại phía sau đôi ba bận vì lý-do an-ninh. Là thám-tử tôi không muốn bị giết. Thế rồi tôi lại quên bằng chuyện lo lắng cho bản thân và nhìn xuống vùng bát ngát của sảnh-đường phía dưới, ánh sáng nhọt nhọt đang trườn vào; ở dưới đó mọi người đang bồn chồn đi đi lại lại từng cặp đôi ba người giữa vùng âm-thanh tức-nghẹn. Thoáng vài ba bận tôi thấy người đàn bà quăn khăn choàng, mặc đầu giáng điệu ngay ngắn cứng nhắc nhưng di chuyển nhẹ nhàng êm ái. Rồi chân tôi đụng phải một vật gì chắc nịch, nhưng lập tức nó lại mềm nhũn.

Tôi đã toan bước xuống bậc thang, nhưng tôi lại cúi xuống ngay, tôi nấn và sờ thấy một người nằm thẳng cẳng mặt ngó xuống đất. Tôi tức thời báo động ngay tại chỗ, vì tôi nhớ ra rằng chúng tôi đang ở trong cuộc chơi và vai trò của tôi trở lại với tôi, tôi rung chuông báo động và kêu cứu tận-lực. Ánh sáng; người ủa từ trên xuống từ dưới lên. Một nhóm nhỏ tụ lại trên bậc thang; những giọng nói cao the thé; họ xô tới, họ chặn lại, họ tì lên vai nhau. Những người ở phía trước cúi xuống, kéo mũi nạn nhân, cù hấn ta, thổi vào tai hấn ta thử xem hấn ta vờ khéo đến mực nào, họ cố dựng hấn

dậy, lay hấn một cách dữ dội. Hấn thuộc hạng nặng cân. Bữa tối hôm đó tôi mới gặp hấn lần đầu, nhưng tôi nhớ rõ từng động-tác của hấn, hơi thở ngắn, đôi bàn chân như tõe chũ bát, một con người phì-nộn trong chiếc áo túi ngắn màu xám cất rộng thùng thình bởi một tay thợ may đắt giá. Bây giờ nào có ai ngờ hấn đóng vai người chết? Hấn đóng khá thật, cái gã kỳ cục này, quỉ chứ không phải là người, không cử động đến một thớ thịt, mọi người lấy làm khoái chí lắm, họ đều thầm ơn hấn đã làm cho họ vui vẻ thế này bằng cách lì ra lâu đến thế, cho mãi đến lúc bất thình lình nhiều người kêu lên bằng một giọng khang-khác: « Thôi! Đứng, thôi đi! ». Lập tức người ta nghe thấy hơi thở của tất cả mọi người, giá không có ngắn ấy hơi thở phì phà thì thật chẳng khác nào như đang ở dưới nước. Chỉ có những người ở phía sau là còn cố lên những người đang trước, và người ta vẫn còn nghe thấy những câu hỏi đơn độc ngơ ngàng như thể « Cái gì thế? » hay « Hấn tính làm gì thế? »

Biết phải trả lời thế nào đây? Nhiều người, lúc tới số, chết vào khoảng giữa ba và bốn giờ sáng. Kỳ lạ một nỗi, bên ngoài mặt trời đã lên hấn, cái vẽ tranh tối tranh sáng đã tan biến, rút ra khỏi tất cả các khuôn mặt, và những khuôn mặt ấy trông không được tươi tỉnh. Chắc là họ xấu hổ; chắc là chúng tôi xấu hổ, tôi có thể nói vậy. Trong khi ấy viên bác-sĩ người Lô Mã Ni, sau khi đã khàn nghiệm đứng dậy, kéo tay áo sơ-mi xuống; ông ta hết nhìn người nọ lại nhìn người kia, dường như muốn nói

một cái gì, nhưng không tìm ra từ-ngữ chính-xác. Rồi ai đó thét lên một tiếng trống trải, hãi hùng kinh hoàng như tiếng thét của một người đàn bà, và rồi có một cái gì trong cái trườn xuống chết lịm của tiếng thét ấy, một cái gì không có diễn-tả lại được, mà chỉ có một tiếng thét mới có thể diễn-đạt nổi. Tôi cũng nhận ra rằng tiếng thét kia thốt ra bởi con người tôi gặp ở bao lơn. Tôi đã từng được nghe nói về bà ấy là một nữ dương-cầm thủ quanh quẩn trong nhà. Tôi còn biết đôi điều nữa về bà, mẹ bà là người Armeny, gia-đình bà tới hồi sa sút, cha bà, theo lời kể lại, giàu có một thời, cho mãi tới khi một vài giai đoạn chính-trị làm ông ta khánh-tận. Lúc này bà đứng sững ở đó, người đàn bà búi tóc, tay chặn lên miệng, đốt ngón tay chẹn giữa hai hàm răng, cái nắm tay đã làm nghẹt tiếng thét.

« Thừa quý bà quý ông, » viên bác-sĩ người Lô nói « chúng ta đã chơi một trò chơi. Trò chơi ấy đã trừng phạt chúng ta, bởi vậy không ai nên biết đến vai trò của mình nữa. Hãy coi như thể là chuyện đó không hề xảy ra. Tất cả quý vị hãy cùng tôi tới bên lò lửa, mỗi người hãy đốt mảnh giấy của mình ở đây, không ai có quyền xem giấy của người khác.

Mọi người làm theo lời, mà lại lặng lẽ nữa, kể cả tôi. Tôi cũng theo họ, mặc dầu tôi không quá quan-tâm về chuyện đó đến như thế, và thực quả tôi cũng không rõ người Lô-mã-ni kia đã nói gì, nhưng ông ta là người từ xứ lạ tới, và có lẽ ở đây họ nhìn mọi sự

khác hẳn ở đây, hoặc giả khá hơn ở đây — Buổi dạ tiệc chấm dứt như vậy. Xe cô tản đi rất mau, chạy về những ngã khác nhau, xe đi lối nọ xe về lối kia... Khi chúng tôi ra tới ngoại ô, đường xá vẫn còn im vắng, những chuyến xe điện đầu tiên ken két chạy qua. Người đàn bà đánh dương - cầm ngồi cạnh tôi và cho đến tận bảy giờ bà không hề miêng nói một lời, nhưng đột nhiên bà cất tiếng nói một hơi, như thể nói với chính mình, như người mê sảng : « Tôi làm chuyện đó, tôi làm chuyện đó. »

Và rồi bà tiếp tục : « Tôi làm chuyện đó, vì nhất định phải là tôi. Tôi đã giết người. »

Các bạn có thể đoán được là tôi không trả lời, vì đối với tôi những lời lẽ của bà ta chẳng có vẻ có nghĩa lý gì, hoặc cần phải trả lời — Nhưng sau đó bà ấy quay mặt lại phía tôi, và cặp mắt của bà ta làm tôi trong trạng-thái mỗi một phải hoảng sợ, một ý-tưởng loé trong đầu tôi : « Nhưng sao, sao bà ta lại nói với mình ? »

« Giết người ? » tôi nói với một giọng ngái ngủ pha lẫn hoảng sợ. Chúng tôi

nói thấp giọng, tôi liếc nhìn về phía trước, xem họ có nghe thấy chúng tôi không, nhưng họ đang hát và gọi lẫn nhau cho khỏi ngủ gật và để được vững tâm là kẻ lái xe còn thức, tôi tin rằng họ đang đẩy nhau và bắt đầu pha trò, không ai bận tâm chú ý đến chúng tôi... « Giết người », tôi nói, và tiếp : « chắc bà định nói về tai nạn vừa rồi phải không ạ. Đây chỉ là một tai nạn, thế thôi. Không một ai có trách-nhiệm về chuyện đó cả. »

« Ông lầm. Chúng ta gọi thế, thì nó ra như vậy. Chứ người nào cũng có dự một vai trong đó. »

Khi nghe thấy thế, tôi nghĩ : « À, phải rồi, bà ta cũng ở xứ khác ».

Tôi đáp : « Vâng có thể là như vậy, nhưng xin bà hãy nhớ lại là các vai trò đã bị hủy cả rồi ».

Đến đây bà ta chìa tay ra. Mảnh giấy bà ta đã rút và đã giữ, nằm trong bàn tay. Giòng chữ « *Kẻ Sát nhân* » viết bằng chữ lớn nét, nguệch ngoạc.

« Ông thấy chưa ? » bà ta nói.

Tôi lại nghĩ : « Sao bà ta lại nói như vậy với ta ? » và rồi nói lớn « Đây chỉ

Hai thứ trộm cướp.

Eugene O'Neill đặt vào miệng Hoàng Đế Jones những cảm nghĩ sau đây, khi ngài bảo một bọn trộm cướp :

— « Có thứ trộm cướp vặt, như thứ trộm cướp của các người, có thứ trộm cướp lớn, như thứ trộm cướp của ta. Thứ trộm cướp vặt trước sau rồi cũng đưa các người vào tù, còn thứ trộm cướp lớn sẽ đưa các người lên ngôi Hoàng đế và khi các người chết, nó sẽ đưa các người vào Vạn Thần Miếu nữa ».

là một chuyện ngẫu nhiên khờ khạo. Bà chẳng nên quan-tâm đến làm gì. Và rồi tôi bị xúc-động vì những điệu-bộ kèm theo câu trả lời của bà ta.

Bà ta bảo : « Chẳng nên quan-tâm đến làm gì ? Trời ơi ! Thật đúng là giọng lơ lớ của một con người không có nước mắt ».

« Người chết phải được tiếc thương », tôi nói. « Nhưng ngoài sự đó ra tôi không thể coi cái việc ngẫu nhiên kia hệ trọng một cách quá đáng được ».

« Ngẫu nhiên ? Hệ trọng ? Thù ghét không phải là một sự-kiện tình-cờ. Thù ghét là một cái gì hệ-trọng. Thằng hoặc ông có thấy thù ghét con người đột-nhiên nằm đó không ? ».

« Đối với tôi hắn có vẻ không có gì đặc biệt đáng mẫn cảm. Nói đúng hơn, tôi không yêu mà cũng chẳng ghét hắn ».

« À, ra thế ! Thảo nào ông được tờ giấy trắng cũng phải ».

« Nhưng tờ giấy của tôi đâu có trắng », tôi suýt buột miệng trả lời như vậy, nhưng tôi bỗng cảm thấy là tôi không nên cho bà ta rõ vai tuồng của tôi. Tôi chưa nên cho bà ta rõ tôi là thám-tử, vì bà ta như đang nói trong mơ, một người nào lên tiếng gọi có thể làm bà ta giật mình ngã lộn xuống, và tôi lại nghĩ vội : « Phải rồi, chính vì vậy mà bà ta nói với mình ; dẫu sao, ta vẫn là thám-tử », và « Trò chơi đã trùng phạt chúng ta, họ biết thế ». Nhưng tôi không nói một câu nào nên thành lời.

Rồi bà nói tiếp : « Riêng tôi, tôi thù ghét. Tôi thù ghét cái gã đàn ông ấy

đến cái độ tôi cười tức tưởi khi thấy hắn nằm ở đây... Rồi tôi mới nhận ra rằng chính là tôi ».

Tôi ngoảnh lại. Mới trước đó một lúc tôi cứ tưởng rằng chúng tôi không thể nào hiểu được nhau. Bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu, tôi hiểu đôi điều mà tất cả chúng tôi ở đây, các tiên sinh và các vị phu-nhân, chẳng may may có chút ý tưởng nào, nhưng tôi không có thể nói được. Tôi không nói gì nữa. Bà ta có thể quên những gì đã nói, và bà đã nói với tôi ; có lẽ như thế lợi cho bà hơn, vì nếu chúng tôi còn có dịp nào gặp nhau lần nữa, bà ta chắc sẽ tin rằng bà đã nói với một kẻ không hiểu gì cả. Chưa được bao lâu bà lại lên tiếng nhưng với một giọng nói khác hẳn : « Làm ơn đồ lại. Cho tôi xuống. Đã tới nơi rồi ».

Tôi ngạc nhiên nghĩ rằng đã tới nơi rồi, vì tôi nghĩ rằng tôi còn nhớ nơi bà ta ở, đâu có phải vùng này. Vùng này thật quả không phải là chỗ có thể ở được. Đây đó lác đác vài người nghèo khó không tên tuổi, nhưng mái nhà thấp lè tè, khắp kha khắp khểnh, và một ngôi nhà thờ sừng sững đứng nổi bật giữa vùng ánh sáng và đổ dài chiếc bóng.

« Tôi đi cùng với bà có được không ? » tôi giữ lấy cửa, hỏi bà.

« Nhất định là không được. Thôi tiếp tục đi đi, đi nhanh lên ».

« Nhưng còn xa mới tới nhà bà ».

Chúng tôi nhìn nhau run rẩy, mặt dầu mặt trời bây giờ đã bắt đầu ảm áp, nhưng chúng tôi mệt mỏi và cũng

như mọi người, uống đã nhiều. Chúng tôi chưa từng gặp nhau trước đây, và bây giờ tôi phải nhớ những gì bà ta đã nói. Có ai đòi hỏi gì chúng tôi đâu?

« Nhà? » bà ta thì thầm, mặt lả. Không phải đây, đây là nơi tôi gặp lại tôi ».

Tôi không nghĩ được ra điều gì để nói. Phía trước những người khác quay lại chờ đợi.

« Thôi làm ơn đi đi, » bà ta lại nói lần nữa. « Đi mau đi. »

Tôi nhìn bà ta đi ngang qua cái vĩa hè long lở, trên đôi giày cao gót, cô đơn và không chút duyên dáng. Chiếc xe lại tiếp tục đi và mãi đến khi đi cách đó một con đường tôi mới tự hỏi bà ta

ngụ ý gì trong câu « tới nơi rồi. » Bây giờ tôi cũng đã xuống xe rồi, tôi đứng im lặng, đợi cho chiếc xe khuất dạng, và quay trở lại. Mặt trời vẫn chưa lên cao, và giữa những căn nhà cùng khốn, ngôi giáo đường ngả chiếc bóng mát mẻ xuống khoảng công trường có một con chó đang nằm dài run rẩy. Tôi đứng ở cửa giáo đường chờ cho tới khi có người ra để có thể tiếp tay họ giữ lấy cái then cửa và lên vào không ai hay. Tôi thấy bà ta : bà nằm sấp trên mặt đất. Ở xứ tôi người ta không làm thế. Bà nằm trên mặt đất nhìn về phía bức tường thép vàng bao phủ bí mật, và bà đang cầu nguyện.

Theo « The Game of Murder »

(bản dịch Anh - ngữ)

NGUYỄN

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bà o - H i ể m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23736

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS —

Hàng-Hải

RISQUES DIVERS

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

SINH-HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Chị em Hải

của Nguyễn-Đình-Toàn

Nhớ Xuân-Diệu có một bài thơ, thác lời người thương binh mất chân. Ôi thôi là kẻ lè dài dòng thê thiết, la lồi không biết bao nhiêu là những điều to lớn. Về cuối bài, người thương binh làm cái việc kỳ cục là ru chân :

Ru chân, ru mình, ru dịu
mùa thu,

Ru tổ quốc, ru và trời đất
nữa ;

Ru những nỗi đau, ru màu
khói lửa

Ru người ta, để được thấy
người ru ... »

(Nhớ tay chân)

Trong khi ấy thì trong bài Quách Xuân-Kỳ của Hữu, những người trai Quảng-bình mất hẳn đi một người bạn, họ chỉ thốt lên một câu ngắn ngủn, cộc lốc :

« Thằng Ái Lộc-thân bản thằng
Kỳ Hoàn-lão ».

Lại một lần khác, nói về sự biệt ly trong thời kháng chiến, Xuân-Diệu viết :

« Tiếng ly biệt truyền ra,
Môi mỉm cười với mắt.
Mắt nói chi với lòng,
Lòng nói gì với nhau ».

(Biệt ly kháng chiến)

Còn nhân vật của Hà-Khang, một nhà thơ lớp sau, chỉ :

« Quên khuấy đường uống đắng
cốc cà-phê

Bắt tay mây thẳng lợi

Chết thì thôi không nói

Sống trở về nhớ thuốc lá cho
tao ».

(Đặt bên kia)

Một đàn ông thật là nhiều lời, một đàn ông cô làm ra rần ròi, giản dị. Lớp người của Xuân-Diệu như lúc nào cũng sẵn sàng, chực động tới là tuôn ra hết tâm sự can tràng; thơ văn họ toàn những tình-cảm ướt-át, nhều-nhầu. Họ nói tới tình-ái cũng vậy, mà nói tới tổ-quốc, nhân-loại, hay vũ-trụ, âm - dương, luân-hồi, tiền kiếp v.v., cũng vậy, gần như lúc nào cũng có giọng khoa đại, muốn làm cho sự việc thành ra hết mực lâm-ly hoặc hết mực vĩ-đại. Còn lớp người sau, qua một số thơ văn, tưởng chừng như có lúc họ mím miệng lại, cô hãm tâm-sự mình, không cho nó tràn lan ra.

Tại sao vậy? Có phải vì khi sinh trưởng giữa thời thái-bình yên lặng, hễ có được một xúc-động gì người ta liền quan-trọng-hóa nó, liền với vẽ vời, thêm thắt lên nó, vì ai này đều thích được xúc-động, thêm được xúc-động. Còn khi phải lớn lên và sống giữa một thời kỳ đã loạn lạc quá rồi, hay một xã-hội đã lộn xộn quá rồi, người ta vất-vả dạn dày trong hành động lao khổ hay dạn

dày trong truy lạc rồi, thì người ta lại không ưa xuýt xoa, la lối nữa.

Chưa chắc lớp người sau này đã thực rần ròi, khô khan, nhưng bề ngoài họ ưng làm ra vẻ phớt tỉnh hết mọi sự. Họ làm những việc động trời, nhưng họ kể lại tỉnh rụi như không. Thái độ của họ trong cảnh giặc giã bắn giết, ta đã thấy như trên. Thái độ yêu đương của họ cũng vậy: nhân vật của Françoise Sagan còn quá quắt gấp mấy, chứ các cặp nhân tình trong tiểu-thuyết của Chateaubriand hay Lamartine yêu nhau đã thắm vào đâu, vậy mà họ có vẻ lạnh lùng như đã mệt mỏi quá, không buồn cảm xúc nữa.

Trên đây đã nói tới một hạng nhà văn lớp mới, hồi kháng chiến ở ta, lại nói tới một hạng nhà văn bên Âu-châu. Nhưng hình như ở bên này hay ở bên kia bức màn sắt, ở ta hay ở bên Tây, trong dáng điệu tâm hồn của lớp người mới thịnh thoảng cũng có đôi chỗ giống nhau. Chúng ta có thể có cảm-tưởng ấy khi đọc *Chị em Hải* (1) của Nguyễn-Đình-Toàn.

Ở đoạn Tâm sắp chết. Ta thấy người con trai tâm hồn cô độc ấy, lúc ho lao nặng, chỉ nói với cô bạn gái:

— « Nằm chờ chết thật là buồn » và nét mặt anh ta khi nói « không thấy một sắc thay đổi ». Cô bạn

(1) Tự-do xuất-bản

gái đó đã cúi sát xuống mặt người bệnh, trao chiếc hôn đầu tiên với câu nói như không có chứa đựng một chút tình cảm nào:

« — Anh hãy hôn tôi đi. Tôi chưa để ai hôn tôi bao giờ đâu. Anh hãy hôn tôi đi ». (trang 46).

Mỗi một điều thuộc để làm quen, lời nói cũng không thể tự-nhiên hơn. Vậy mà cô gái đó khóc ướt mặt người con trai.

Ở một đoạn khác Dung kể một kỷ niệm đau thương về một người bạn uồng chất độc tự tử « ở ngoài kia ». Tiếng nói đều hòa; giọng nói không ăn nhập gì với nét mặt. « Hải vẫn nhận thấy Dung có tướng liễu lĩnh » (trang 105). « Tiếng Dung nói, Hải nghe như ai đọc truyện ở đâu gần đây » (106). Phải, phần nhiều họ đều có tướng ấy: bất cần, liễu lĩnh. Nhưng điều thú vị nhất là chính tác giả cũng giống như họ, như những nhân vật ấy. Giọng viết vẫn tắt, cô làm ra rần rờ, thần nhiên, ngay ở những đoạn gay cấn nhất, không phân tích dài dòng, thích đột ngột.

Chưa nói đến chuyện hay dở, khi gặp một tác phẩm có thể cho mình thấu hiểu một tâm hồn, một thái độ tinh thần của tác giả thì đã là thích rồi, nếu nó lại thấp thoáng biểu lộ thái độ của một lớp người thì lại càng quý hóa lắm. Bởi có rất nhiều sáng tác cũng coi được, đọc được, cũng khéo léo, « có nghệ thuật », nghĩa là không

có gì đáng chê trách, ngoài sự lặt lẽo vô vị, không biểu lộ được gì.

Tác phẩm của Nguyễn-dinh-Toàn là truyện kể về các chị em của cô Hải, toàn là gái cả. Cô Phượng, lớn nhất, chỉ mong học để đậu bác-sĩ thì lại sớm vợ được một người chồng tốt, cả hai hưởng hạnh phúc say mê. Cô Dung, đang đang, nhu thuận, coi như lấy chồng là mục đích cao cả nhất của đời người, thì rốt cuộc không có được một tình yêu nào nên thân; người đàn ông độc nhất mà cô ta đã ôm vào người là một anh cụt chân, nạn nhân chiến tranh, và lại là bà con với cô ta. Cô ta thú thực tình yêu rồi bỗng thấy tiêu tán mỗi tình ấy ngay trong vòng một phút đồng hồ. Còn cô Hào, cô đơn, khó hiểu, ham đọc sách mà ghét nói chuyện văn-chương; « sống lý tưởng nhưng biết rõ mình viễn vông và sự thất vọng tàn rữa » mình, kiêu ngạo, một kiểu thanh-niên sản-phẩm của một thời chiến-tranh loạn lạn vừa qua. « Họ như những mảnh bom, mảnh đạn, nổ rồi, nhưng vẫn là những chứng tích của tàn phá ». (trang 78). Người con gái ấy lại gặp những người con trai cô đơn, khó hiểu khác: Tâm và Duy. Kết quả mỗi lần gặp gỡ như vậy đều tai hại cho cô vô cùng, tai hại cả về mặt tinh-thần lẫn thể xác.

Bên cạnh cuộc sống của mấy chị em Hải có cặp vợ chồng độc đáo của Vinh, có cô Hiền về sau chết ở cuối truyện, vì một cái

thai mang trong bụng, kết quả một quan-niệm sống phóng túng, liêu, bạo.

Trong phần đầu tác-phẩm, các nhân-vật được giới-thiệu với cái giọng đùa cợt hóm hỉnh, theo kiểu Duy-Lam nói về các nhân-vật trong « gia-đình tôi » đăng ở Văn-Hóa Ngày-nay năm nọ. Về sau, truyện xoay ra hướng nghiêm-chính, có khi bi đát, và giọng văn cũng đổi khác đi.

Tác-giả đã trình bày được nhiều nhân-vật rất linh-động. Ngay ở những nhân-vật chỉ vẽ phác qua loa vài nét, như chị Vinh, cũng rất thực: giữa thân hình chị ta, đèn y phục, lời nói, cử chỉ, điệu bộ chị ta đều có một mối tương quan, biểu lộ một vẻ gì mạnh dạn, đột ngột, thành thực đến hồn nhiên, man dại.

Tâm trạng của Phượng, nỗi lo sợ của cô khi cùng chồng bước vào khách-sạn lần đầu để hưởng tuần trăng mật, tả thật khéo. Cũng như tâm trạng của Dung những ngày sống bên Hào và xa Hào.

Đây là lần đầu một phụ nữ lên diễn đàn ra mắt công chúng trong những buổi nói chuyện hằng tháng về Văn chương, Nghệ thuật do Trung tâm Văn Bút Việt-Nam tổ chức. Và để tài lại bay bướm như người

Trong cách phô diễn, có khi tác-giả có ý tìm những lời nói khác lạ, cầu kỳ: « *Tiếng im lặng hòa lẫn với tiếng mưa* ». Nhiều lần, lời diễn tả vẫn tắt và những từ ngữ đột ngột ấy gợi tả tài tình: nói về một thiếu phụ đẹp khỏe mạnh dưới nắng, ông bảo: « *Trông Vinh nóng bức một cách nồng nàn* ». (tr. 85).

Cốt truyện về sau như có một ngụ ý luân-lý, răn đời. Tác-giả không đến nỗi dùng bữa bãi những sáo ngữ của thời-đại: buồn nôn, thân phận làm người, phi lý..., nhưng đôi khi ông lý luận về cái «hiện hữu phi lý», ta vẫn thấy một sự trịnh trọng không cần thiết. Tuy vậy, những điểm này không làm hại tác-phẩm lắm. Trong một cốt truyện rắc rối dồn dập, sự việc đã xảy ra cho cô Hiền cũng có thể lẫn với những rủi ro tình cảm mà Dung phải chịu đựng, không đến nỗi nổi bật lên thành một cảnh cáo luân-lý lộ liễu quá.

Tràng-Thiên

Tùy bút và phụ nữ

NGUYỄN-NGU-Í *thật*

của phái đẹp, nên người lãnh việc trình bày nó hôm nay (1) lại là một phụ nữ, thì là thích hợp biết bao.

(2) Chủ nhật 4.3.62 tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ.

BÁCH KHOA CXXV

Đại khái lời giới thiệu duyên dáng của ông Phạm-Việt-Tuyển, tổng thư kí của nhóm Bút Việt, là thế. Rồi bà Thu-Vân, một thư kí của nhóm, nói về :

« Vài cảm nghĩ về tùy bút và Phụ nữ ».

*
* *

Có một thể văn riêng biệt gọi là thể tùy bút trong văn chương Việt-Nam không ?

Diễn giả đặt câu hỏi ấy trước hết vì có lần, nhà văn Bình-Nguyên-Lộc, đã phủ nhận sự hiện diện của thể văn này. Phần diễn giả thì nhận rằng có.

Đặc tính của tùy bút ra sao, so sánh với thi ca và tiểu thuyết khác nhau chỗ nào, diễn giả lần lượt nêu ra. Bà cho khi viết tùy bút, « tác giả đã dám thành thật với mình, đã dám mình chính là mình ». Bà cho rằng tùy bút gần thi ca, vì cần một nguồn trứ đối dào, một lời diễn tả trực tiếp, một cách thể hiện bản ngã trực tiếp.

Nếu người viết truyện là một người đóng kịch, một nhà ảo thuật, thì người viết tùy bút là một người rất mực thực thà.

Diễn giả phân tích cái khó của thể tùy bút. Bởi phải nói đến « cái tôi » vốn « bao giờ cũng là cái đáng ghét ». Mà « để cao » cái tôi, đành rằng độc giả không ưa, mà « để thấp » cũng vị tất người đọc đã chịu. Cho nên cần rất nhiều tề nhị.

Và bà nghĩ rằng « chỉ có sự chân thành, chân thành đến mức tốt độ là có thể đến cận bên lòng độc giả.

Nhưng thử hỏi ai là người có can đảm dám nói tất cả sự thật của lòng mình, sự thật trăm phần trăm, nhứt là trong xã hội ta ngày nay đầy dẫy sự hiểu lầm ? »

Thế phải làm sao bây giờ ?

Diễn giả thấy nên « giao trả về ánh sáng » một phần mà thôi, « vạch áo cho người xem lưng » tới một độ nào thôi.

Còn về hình thức, tùy bút ra sao ?

Diễn giả nhờ Hoàng-Thúc-Trâm, tác giả Hán Việt tự diễn, định nghĩa : « Tùy bút là một lời văn tùy hoàn cảnh, không gian và thời gian mà biên chép ra. Tác giả thường ở trong trạng thái « bị động » tùy theo ý nghĩ thế nào mà chép ra thế ấy, bài nào làm trước thì đặt ra trước, bài nào làm sau thì đặt ở sau. Tùy bút là một thể văn của nước Anh, xuất hiện và cuối thế kỉ XVIII, thế tài nó ở vào quảng giữa thế tài luận văn danh thép và thế tiểu thuyết điểm lệ. Những loại như « Tùy cảm tặc », « Cảm tưởng văn », « Lữ hành kí », tức « du ký » đều thuộc thể tùy bút. »

Diễn giả đã hơi ngạc nhiên khi thấy nhà làm tự diễn cho tùy bút là một thể văn của nước Anh ; Pháp cũng có lời tùy bút của Pháp, có nhiều chỗ giống tùy bút của ta.

Và nhiều ý kiến cho rằng phụ nữ viết tùy bút dễ hay hơn viết các lời văn khác vì phụ nữ nhận xét lòng mình sâu sắc, tế vi hơn là nhận xét ngoại giới.

Còn về cách hành văn, thì mỗi người có một « giọng tùy bút » riêng biệt.

Rồi diễn giả trích một đoạn tùy bút của Nguyễn-Tuân, của Chu-Mạnh-Trinh, của một nhà văn mà diễn giả quên mất tên vì đó là một bài học thuộc lòng từ thuở nhỏ, của Nhật-Linh. Bà cũng không quên nhắc đến những tập « Văn du tùy bút » của Phan-Huy-Ích, « Phương-Đình tùy-bút » của Nguyễn-Văn Siêu, « Vũ-trung tùy bút » của Phạm-Đình-Hồ, và « Giọt lệ Thu » của bà Trương-Phổ một lời tùy bút xen lẫn với thơ.

Nhưng phải đợi đến Nguyễn-Tuân, văn chương ta mới có những thiên tùy bút, những truyện kể theo lời tùy bút, rất mực bay bướm, tài hoa. Có lắm đoạn quá dài dòng, nhưng có nhiều đoạn « đẹp như một hàng chuỗi ngọc dài nối tiếp nhau và hột nào cũng như hột nào, trong bóng, lóng lánh một màu sắc mê người ».

Dầu tùy bút là để cho mình gởi gắm nỗi lòng, hoặc ít nhiều vết tích tâm trạng, nhưng rồi đó chỉ là ánh phản chiếu, bóng mờ của giấc mơ sáng tạo, chỉ còn là những cây móc ghi dấu những bông tiêu cầm dọc đường cho chúng ta sau này theo đó mà vào thế giới

riêng biệt của tác giả khi sáng tạo. Vì diễn ra lời, ra chữ, chỉ được cái phần gần nhất, còn cái phần phiêu lãng nhất thì thoáng qua rồi thoáng mất.

Diễn giả cho rằng nội tâm và ngoại cảnh chỉ phải hoàn toàn người viết tùy bút, nghĩa là người này ở trong thế « bị động », và tùy bút cũng có một lối truyền cảm y như thơ, mà thế này lại rộng rãi, tự do hơn. Cái « chất thơ » trong tùy bút lại có khi nhiều hơn trong cả những bài thơ.

* *
*

Phụ nữ đáng lí viết tùy bút nhiều, nhưng hiện nay lại rất ít người viết. Thật là điều đáng phàn nàn. Vì thế văn này rất thích hợp với các đức tính căn bản của phụ nữ nước nhà : dịu dàng, yêu thương, nhạy cảm.

Diễn giả ước mong rằng trong số những cây bút quán thoa, sẽ nảy nở những bông hoa tùy bút. Vì « trong cơn sốt rét của thời cuộc, trước nạn cộng sản đe dọa, chúng ta không mấy khi được ngủ yên, được ngồi nghỉ thần kinh. Những dòng tùy bút của chị em chúng ta, nếu không mang được lòng yêu nước, giục được chí phấn khởi của chống con chúng ta, thì ít ra nó cũng có tác dụng của một nụ cười giữa những nếp nhăn, hay một cành hoa nở giữa vùng cát bỏng. »

Nguyễn-Ngu-í thuật

Bách-Khoa vừa nhận được :

- Bâng khuâng; Ngõ Hồn; Sơ-khai; Bâng Trĩnh (Nguyễn-Đức-Cung) — Rời rã (Dương-Quân) — Thư gửi cho Huyền (Thùy nữ dương) — Trăng chiều tâm sự; Em, thuyền xuân của bến thơ anh (L. Th) — Bài về Hà-Tiên; Hiện tại; mắt nàng thơ (Hinh-Phương) — Linh hồn ai đây (Lệ-thùy-lam) — Người em đã mất (Chấp-Khanh) — Hững hờ (T.A) — Họa bài hợp chợ làng văn (Bạch-Như) — Ý nghĩa yêu thương (T.M) — Nhớ (T.A) — Chiêu hồn; Thời gian bệnh viện (Huy-Thao) — Nguyễn Trĩnh (Hoa Tịnh-Linh) — Khát vọng; điệu buồn tuổi trẻ... (Hoàng-Yên-Trang) — Giã-từ; màu hoa phượng (Trường-Khanh) — Xuân hành ca; hoa thương; Hội-An (Thái-Tú-Hạp) — Màu pháo tết (Thanh-Phương-Thảo) — Chiều vàng (Nhất-Điệp) — Tiềm vọng; Khoảng buồn về chiều; Tâm sự người đi (Hàn-Bô) — Điệu buồn; Điệu thương (Nghiêm-Đức-Vy) — Về quê mẹ; Dừng chân; Tơ vương; Kiếp giang hồ; Biền chiều (Mộng-Ý) — Những ngày mùa đông (Trĩnh-Khắc-Hồng) — Người treo cổ (Đặng-Tử-Anh) — Một sự tích ở miền Trung (Phan-Đĩnh-Anh) — Đường thời gian; cuộc đời của một người (Tần-Vũ) — Chiếc gối ôm của lão già; Người con gái (Tũ-Thanh) — Sầu muộn; Tình ý (Thanh-Thị-Thoại) — Đầu thai; Vừng Tuyết; bây giờ; tị hiềm tình yêu (thơ của Miện) — Buồn hoang; Bước thơ gõ xuống (Lũ-Quỳnh) — Bài thơ tháng giêng (Huy-Chiêm) — Khoảng buồn trước mặt; Thời mười chín (Huy-Thao) — Tiếng ca mùa xuân (Ly-Khách) — Hồng hoang; Tiền sử... (Phùng-Kim-Chú) — Rồi phiên thánh đường; Thanh Điều (Hương

Thời-Gian) — Nỗi buồn vào đời; Nét thơ; Mệnh mang... (Hoàng-Lộc) — Bàn tay đen; Phố nhỏ nửa đêm; (Bĩ ảnh nhân gian)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng, trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.



SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

- **Tâm sự ngàn thu**, thi-phẩm của Bút trà, bác-sĩ Hoàng-Mộng-Lương đề tựa, Phụ-nữ ngày mai xuất-bản, in tại nhà in Trung-Liên. Gồm 2 phần : *Tâm sự ngàn thu* và *Tiếng bom Sa Diện*. Bản giấy quý, không ghi giá.
- **Chị em Hải** truyện dài của Nguyễn-Đĩnh-Toàn do cơ sở Báo Chí xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 158 trang giá 40 đ. Xin bạn đọc coi phần giới thiệu của chúng tôi trong mục Qua các hàng sách đăng trong số này.



Chúng tôi nhận được Kịch Ảnh số ra mắt, do ô. Quốc-Phong làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, ông Hoàng-Trọng-Miên làm Tổng Thư Ký tòa soạn.

Tuần báo Kịch Ảnh phát hành mỗi sáng thứ bảy, in offset 8 trang trong và nhiều màu cả hai bìa, với sự cộng tác của nhiều nhà văn và ký giả. Giá 6 đ.

Xin chúc bạn đồng nghiệp mạnh tiến trên đường phục vụ văn nghệ và ân cần giới thiệu Kịch Ảnh với độc giả thân mến.

B. K

THẺ-LỆ GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG

« TINH - VIỆT » 1962

I — MỤC ĐÍCH : Cũng như các năm vừa qua, Tinh - Việt Văn-Đoàn tổ-chức trong năm 1962 những giải thưởng văn-chương có mục-đích góp phần vào sự tiến triển của văn-chương học thuật Việt - Nam, đề cao những giá trị tinh-thần, phát-huy nhân vị, tình yêu gia-đình, tổ-quốc, và nghĩa huynh-đệ nhân loại.

II — GIẢI THƯỞNG : Tinh-Việt Văn-Đoàn đặt ra hai loại giải thưởng mang danh hai nhà học giả Việt - Nam và quốc-tế :

1 — *Giải thưởng Trương-Vĩnh-Ký*, dành cho loại sáng tác (tiểu thuyết, thi ca, kịch bản). 2 — *Giải thưởng Lecomte Du Nouy*, dành cho loại khảo luận, phê bình.

Mỗi giải thưởng định là hai mươi ngàn đồng (20.000 đồng).

Riêng về năm 1962, vì có các phần thưởng năm trước chưa phát nên sẽ có hai giải Trương - Vĩnh - Ký và hai giải Lecomte Du Nouy, tổng cộng 80.000 đồng.

III — THẺ LỆ : 1 — Các tác phẩm dự cuộc tranh giải phải viết bằng Việt-ngữ, hợp với một hay nhiều nguyên tắc nêu rõ ở « mục đích cuộc thi », chưa xuất bản hoặc mới chỉ xuất-bản sau ngày 1 tháng giêng dương-lịch năm 1962.

2 — Số trang tối thiểu của mỗi tác phẩm dự giải định như sau :

	Loại tiểu thuyết	Loại khảo cứu
a) — Nếu sách in rồi :	200 trang	120 trang
b) — Nếu đánh máy : (cách dòng đôi)	140 trang	80 trang
c) — Nếu viết tay :	240 trang	150 trang
(Đánh máy hay viết tay, dùng khổ giấy 21 x 27 hay tương đương viết một mặt).		

3 — Mỗi tác-phẩm phải gửi ba (3) bản. Mỗi người có thể gửi 1 hay nhiều tác-phẩm để dự một hay cả hai loại giải-thưởng.

4 — Tác-phẩm phải gửi đến Văn-phòng Tinh-Việt Văn-Đoàn số 290/11 đại lộ Công-lý Saigon, trước ngày 21-8-1962. Kết quả sẽ được công bố vào cuối năm 1962.

5 — Nếu không có tác phẩm đoạt trọn giải thưởng, số tiền mỗi giải có thể chia thành nhiều giải khuyến-khích để thưởng những tác phẩm đáng khuyến khích nhất.

6 — Đoàn viên thực thụ của Tinh-Việt Văn-Đoàn cũng như những vị được mời vào ban giám khảo không dự thi.

Saigon, ngày 20 tháng 1 năm 1962

TINH-VIỆT VĂN-ĐOÀN

290/11 đại lộ Công-lý Saigon — Đ. T. 25.168